

VĂN HỌC

BIÊN KHẢO — VĂN HÓA — XÃ HỘI — CHÍNH TRỊ — NGHỆ THUẬT

BÌA MẶT

SỐ 2 THANG 12 - 1962

NỘI DUNG SỐ NÀY

VĂN - HỌC	Sinh-viên và Trí-thức lãnh-dạo	1
NHẬT-NHÂN	Vài tâm trạng nghịch thường	7
VI BĂNG	Phán quyết tại Nuremberg	13
HOÀNG-VŨ	So sánh Tiểu-thuyết Pháp và Hoa-Kỳ	19
NGUYỄN HẢI GIAO	Johnny Bear	25
THẾ VIÊN	Vết thương	37
DOÃN QUỐC-SỸ	Tự do linh hồn	39
NGUYỄN ĐÌNH - TOÀN	Anh không còn lại gì	51
NHẬT TIẾN	Ánh sáng công viên	52
LÊ VĨNH THỌ	Cuộc đời	58
NGUYỄN SA	Tuổi trẻ, người ở đâu	60
NGUYỄN ĐỨC	Con đường thủy tinh	63
VY CA	Vấn đề của chúng ta	68
VIÊM - ĐẦU	Gian nhà búp-bê	73
PHƯƠNG KHANH	Nguyện cầu ánh sáng	95
VĂN-HỌC	Văn-Học và Chính-trị	96
NGUYỄN TẠO LÂM	Điểm sách : La Caravache	101
MAI TRUNG THUẦN	Những viên sỏi	106
TRẦN VĂN NGÔ	Sinh-hoạt : Tin Sinh-viên	109
NGUYỄN CAO ĐÀM	Nhiếp-ảnh	
	Tin Văn-hóa	

Bài vở xin gửi : **DƯƠNG THỨ - LANG**

Thư từ giao dịch, tiền bạc, ngân-phiếu xin đề : **PHAN KIM - THỊNH**

VĂN - HỌC

NGUYỆT - SAN VĂN - HÓA - XÃ - HỘI - NGHỆ - THUẬT
DIỄN-ĐÀN SINH-VIÊN VIỆT-NAM TỰ-DO

TH NG 12-1962

vol 1
NĂM THỨ NHẤT — SỐ 2

JAN ĐIỂM

Sinh viên và trí thức lãnh đạo

Trong từ ngữ văn chương hiện nay, nhất là văn chương kinh-tế và xã-hội, danh từ « chậm tiến » thường được nhắc nhở đến luôn. Nó trở nên một ý niệm ám ảnh đầu óc người dân trong những vùng được mệnh danh là « nhược tiểu ». Đặt sang một bên tất cả sự phiến toái trong sự tranh luận về danh từ, chúng ta tạm thỏa thuận rằng : Một xã-hội chậm tiến là một xã-hội trong đó, về phương diện vật chất, chưa được khai thác tới tối đa so với tài nguyên thiên nhiên và nhân tạo bởi nhiều lý do, nhất là vì tỷ số đầu tư quá thấp và trình độ kỹ thuật thô sơ ; và về phương diện tinh thần, nó chưa được sửa soạn để thích ứng với nhu cầu tiên bộ, làm cản trở những sáng kiến trên con đường phát triển tự duy.

Về điểm thứ nhất, nó đượm màu sắc kinh tế nhiều hơn xã-hội. Trái lại, điểm thứ hai đã phơi bày

được nhiều khía cạnh xã-hội của ý niệm chậm tiến. Nhưng để cho vấn đề không quá mung lung, chúng tôi xin tự giới hạn trong tương quan « lãnh đạo và trí thức », và đặc biệt quan niệm về vai trò của người sinh viên trong tầm hạn đó.

Đền đây chúng ta lại gặp phải trở ngại của những danh từ vì quá phổ thông nên dễ đưa tới những sai lầm đáng tiếc, nó gây ra sự ngộ nhận và những cuộc tranh luận vô ích. Bởi vậy thiết tưởng cần phải có một định nghĩa, dù chưa thực chính xác, nhưng từ đây chúng ta có thể khởi đầu trong một thái độ minh bạch, nó cần thiết cho sự cởi mở và thông cảm, tránh những trường hợp sờ voi của những anh mù.

Danh từ trí thức thường được gán, một cách hẹp hòi cho những người có bằng cấp Đại Học. Đã đành là xã hội khó tìm được một tiêu chuẩn nào chính xác hơn để đo lường trình độ và khả năng của một cá nhân, nếu không căn cứ vào bằng cấp. Nhưng cũng không có gì phi lý hơn nếu chỉ căn cứ vào bằng cấp để xếp đặt một thứ bậc giá trị, và gán cho nó một khả năng đóng góp nhiều hay ít để xác định một mức thù lao trong tương quan phân phối lợi tức.

Có người — hẳn là trí thức ? — để nghị danh từ trí thức chỉ nên dùng để mệnh danh những cá nhân nào thực sự tham dự tích cực vào sự thúc đẩy xã hội trong những biến chuyển thuận lợi. Những cá nhân đó phải đủ can đảm từ bỏ những quyền lợi sẵn có (nhưng dễ dàng và phi lý), từ bỏ những con đường mòn để khai quang những trở ngại trong công cuộc tiến bộ chung. Tác giả để nghị định nghĩa trên đã viện dẫn những trường hợp điển hình trong lịch sử ; trường hợp những trí thức trong cuộc cách mạng 1789 tại Pháp, trường hợp Kemal Artaturk tại Thổ Nhĩ Kỳ, trường hợp Nhật Bản với Minh Trị Thiên Hoàng, trường hợp Trung Hoa với cách mạng Tân Hợi (1911)...

Định nghĩa trên tuy đầy vẻ tươi tắn và hấp dẫn, nhưng nó quá lý tưởng và không mấy thực tế. Đành rằng những kẻ chỉ biết lẩn bước trên con đường mòn, chỉ nhất thiết bảo vệ quyền lợi cá nhân không xứng đáng được mệnh danh trí thức. Nhưng mấy ai có được một quan niệm thực chính xác về vai trò lịch sử của mình. Trong mỗi thế hệ của một xã hội có được bao nhiêu Voltaire, J. J. Rousseau, Montesquieu ?... Nếu có, thì đó là những cá nhân xuất chúng, và trí thức chỉ là một vài cá nhân xuất chúng chẳng ?

Không thể chấp nhận hai định nghĩa trên, một cổ điển và một không tưởng ; chúng ta thử cố gắng đi tìm định nghĩa khác, có thể làm căn bản cho những lập luận phù hợp với thực tế.

Trước hết, trong bất cứ thời kỳ nào của lịch sử cũng tiềm tàng một lý tưởng, một hoài bão, một chủ đích. Trong thời ngoại trị, lý tưởng là độc lập, hoài bão là tự do, chủ đích là tự cường. Những cá nhân được mệnh danh trí thức là những cá nhân ý thức được lý tưởng, hoài bão và chủ đích của giai đoạn lịch sử của mình. Những cá nhân ấy, không nhất thiết phải xuất chúng, đã suy tưởng và hành động phù hợp tâm trạng chung của xã hội.

Hơn nữa *trí thức không phải là một khả năng mà là một thái độ*. Khả năng (1) tùy thuộc những điều kiện bên ngoài và bên trên cá nhân. Không phải bất cứ ai muốn là có thể trở thành một Montesquieu, một Locke, một Ficht... nhưng những tâm hồn chân thiện có thể giữ gìn được một thái độ, thái độ ấy phù hợp với một chiều hướng tiền bộ nào đó trong một giai đoạn nhất định nào đó. Gạt bỏ thái độ phổ thông của đa số, góp phần không nhỏ vào biến chuyển của xã hội, để trông đợi sự xuất hiện những tài năng, dù lớn lao đến đâu cũng là viển vông, nó đi ngược lại những ý niệm căn bản về dân chủ và bình đẳng giữa con người với con người.

Vậy, những ai là trí thức ? Chúng tôi xin đề nghị một định nghĩa tạm thời và thô sơ sau đây :

« Trí thức là những cá nhân, không bởi trình độ học vấn hay khả năng đặc biệt, nhưng biết đặt mình vào nhiệm vụ lịch sử, có những tâm trạng, thái độ và hành động phù hợp với lý tưởng tiền bộ chung. Nó che phép những khả năng kinh tế, chính trị và văn hóa biến chuyển theo một chiều thuận lợi và đem lại tỷ số « an lạc xã hội » cao nhất cho xã hội đó ».

Đền đây, vấn đề được đặt ra là : những người trí thức — được định nghĩa như vậy — có đương nhiên là những người lãnh đạo xã-hội hay không ? Chúng tôi cố tránh danh từ « giai cấp lãnh đạo » nó gợi ý niệm giai cấp mà sự lạm dụng vì nhu cầu tuyên truyền đã làm sai lạc ý nghĩa thực sự. Nhưng vấn đề danh từ cũng chưa hết phiền toái, « lãnh đạo » không phải là một sáng kiến hay tướn tượng mới mẻ. Xã-hội nào, từ thượng cổ cho tới nay, cũng cần

(1) Hiểu theo nghĩa xuất chúng của định nghĩa trên.

được lãnh đạo. Sở dĩ phải xác định lại ý nghĩa của danh từ vì tâm lý phổ thông thường lầm lẫn lãnh đạo với những quyền lực chi phối guồng máy quốc gia, tượng trưng bởi một cá nhân trong chế độ quân chủ hay bởi một tập thể hạn chế trong những chế độ mệnh danh là dân chủ.

Lãnh đạo không có nghĩa chật hẹp như vậy. Lãnh đạo vừa là một sự thực cụ thể, vừa là một ý niệm triu tượng. Cụ thể vì nó thực sự thúc đẩy phải thực hiện những lý tưởng chung, nó chống đối với những lực lượng bảo thủ, hướng dẫn mọi cá nhân lướt tới và thắng những trở ngại trên con đường phát triển. Triu tượng vì nó không được đại diện bởi một cá nhân nào hết, nó được biểu lộ dưới hình thức — chúng ta hãy mượn tạm danh từ của Rousseau — *ý chí chung*. Nhưng ý chí chung ấy không phải tự nhiên hình thành giữa những cá nhân rời rạc trong xã-hội, cần phải có một môi trường xúc tác. Người trí thức, gần như mặc nhiên, đóng vai trò ấy.

Như vậy, có thể kết luận rằng trí thức là những phần tử lãnh đạo xã-hội, nếu hiểu lãnh đạo theo một nghĩa mềm dẻo và tề nhị. Không có những phần tử ấy, ý chí chung khó lòng được phát biểu và như vậy, xã hội thiếu hẳn một động cơ để thực hiện hoài bão của mình.

Trở lại quan niệm về trí thức, hiểu theo lập luận trên, chúng ta thấy không thể kể trong hàng ngũ trí thức những con sâu mọt sách vở chỉ biết nhắc những khúc tuyên lên mà ngấm nghĩa, mà cũng không nhất thiết chỉ dành địa vị trí thức cho những tư tưởng gia hay chính trị gia lỗi lạc. *Trí thức là một sự giác ngộ* ; và bất cứ ai giác ngộ quyền lợi chung đều đã ở trong hàng ngũ trí thức, không cần phải có sự « tấn phong » đặc biệt nào !

* *

Đền đây, chúng ta thử mang lập luận ấy vào một khung cảnh riêng biệt, khung cảnh của người sinh viên Việt Nam. Chúng ta cần xác định những điểm sau đây :

— Sinh viên có hay không ở vào hàng ngũ trí thức ? Và giới hạn của câu giải đáp « có » và « không » ấy ?

— Trong hàng ngũ trí thức, sinh viên đã tham dự tới mức độ nào trong tương quan lãnh đạo ?

— Trong một tương lai gần, sinh viên sẽ đóng một vai trò tiêu cực hay tích cực nào trong hoàn cảnh đất nước ?

Trả lời thỏa đáng ba câu hỏi trên là một điều cực khó, chúng ta thiếu quá nhiều dữ kiện để giải một bài toán có nhiều biến số. Sự sai lầm, dù nhỏ mọn đến mấy, cũng khiến cho chúng ta khó lòng tìm được một đáp số đúng hay gần đúng.

Nhưng dè dặt như vậy không có nghĩa là phó mặc cho những may rủi, tình cờ. Chúng tôi cố gắng phát biểu ý kiến riêng không với tham vọng giải quyết dứt khoát vấn đề cực kỳ quan trọng này nhưng chỉ mong nó sẽ là khởi điểm cho một cuộc thảo luận thành thực mà VĂN HỌC sẵn sàng làm một diễn đàn chung.

Trước hết, theo định nghĩa mà chúng tôi đề nghị, sự xác định thành phần trí thức căn cứ vào ý thức nhiệm vụ lịch sử và thái độ thuận lợi cho chiều hướng tiên bộ của xã hội, thì sinh viên xứng đáng hơn hết để được mệnh danh trí thức.

Chúng tôi không chối cãi không thiếu những sinh viên chỉ theo đuổi những mục đích cá nhân thiên cận. Một tổ chức giáo dục nặng nề thừa hưởng của một chế độ đã chầm dứt, một xã hội lạc hậu xây dựng trên những thành kiến di truyền qua nhiều thế kỷ, tất không thể trong khoảng khắc sản xuất một lớp người đông đảo tràn đầy tinh thần biên cương. Nhưng dù sao, bởi sự phỏng đoán một « hệ số tinh thần » trung bình, chúng ta đủ lạc quan để nhận rằng thái độ chung của sinh viên thuận lợi cho nhu cầu tiên bộ.

Trả lời câu hỏi thứ hai, chúng ta nên dè dặt nhận định rằng sinh viên chưa thực sự đóng vai trò quan trọng trong công tác lãnh đạo.

Nhưng cũng như chúng tôi đã đề nghị, nếu hiểu ý niệm lãnh đạo một cách mềm dẻo, sinh viên chính là những người luôn luôn đòi hỏi phải khai quang những con đường mới, thúc đẩy xã hội từ bỏ hình thức cũ cứng rắn và lạc hậu, chấp nhận những cuộc thí nghiệm mới, nó cho phép xã hội chuyển động trong mục đích tìm kiếm những cơ hội để phát triển.

Riêng câu hỏi thứ ba, chúng tôi dành câu trả lời cho chủ quan của mỗi người. Chúng tôi chỉ ghi nhận rằng, với niềm hy vọng riêng tư, chúng tôi tin tưởng các thế hệ sinh viên và thanh niên vẫn đang tiếp tục trưởng thành, nối tiếp hoài bão của những người đi trước và tạo điều kiện thuận tiện cho những người đi sau. Nhưng đây mới chỉ là hy vọng, còn thực tế ?...

Chúng tôi vừa mạnh dạn đề nghị một vài nhận định, thực ra còn hết sức thô sơ. Chúng tôi không cho rằng nên chấm dứt cuộc thảo luận nơi đây, trái lại chúng tôi chờ đợi ý kiến và thái độ của bạn đọc để tạo nên một tiếng nói trang trọng và cần thiết cho công cuộc xây dựng tinh thần của thế hệ chúng ta.

VĂN HỌC

VÀI TÂM TRẠNG NGHỊCH THƯỜNG

**CỦA THANH NIÊN
TRƯỚC NHỮNG GIÁ TRỊ XÃ HỘI**

NHẤT-NHÂN

(tiếp theo)

KHUNG CẢNH VÀ TÂM TRẠNG CHUNG

Không phải nhờ một sự ngẫu-ngô, một giây phút trực-giác mà mỗi lúc con người, nhất là thanh-niên có thể ý-thức hoặc tưởng ý-thức được vị-thế của mình.

Không thể, và chưa đủ điều-kiện cùng phương-pháp để suy-tưởng đầy đủ, đúng-đắn, phân-tách và đối-chiếu mọi sự-kiện về khía-cạnh phiền-tạp của cuộc đời, họ hay là những con số bị gò ép vào từng guồng máy chặt-chẽ, cái guồng máy lúc nào cũng được phủ một lớp sơn công chính (!), cứ mãi sô-dầy và đôi khi nghiền nát họ.

Họ lo âu nhìn quanh, khó lòng định-hướng, tin-tưởng vào một chân trời nào. Họ đang tìm, tìm ngay chính mình, đâu là con người thực với những ước-mong thực. Con người thực ấy dường như đã bị biến-dạng hay mất hút, bị tràn-ngập bởi bao nỗi cảm-xúc mãnh-liệt mà âm thầm, vẫn hỗn-độn và liên-tiếp tác-động vào cảm-quan của họ.

Thanh-niên, mỗi người có một cá-tính và thường vô-tình nhiệt-thành bảo-vệ cá-tính của mình, đồng-thời lại phải sống quay-cuồng giữa cơn gió lốc thời-đại loạn sắc màu. Trong một xã-hội đang bị phân-hóa tận gốc rễ, họ hồn-nhiên phô-bầy, dâng hiến, đem phần nội-tâm mung-lung, nóng hổi mà đối-ứng với ngoại-giới khách-quan, lạnh-lùng thì đã hẳn sẽ được «giác-ngộ» bằng những kinh-nghiệm cay-đắng. Họ thất vọng, những thất-vọng nhiều khi vu-vơ nhưng cũng đủ lôi cuốn họ vào một... thế giới riêng.

Chúng ta có thể, một cách hết sức tổng-quát và thô-sơ, nhịp theo bước chân đi, thử sống và hòa-nhập vào tâm-tưởng của họ từ nhiều năm nay.

Thanh-niên thế-hệ này, có thể kể từ năm 1954 với những lớp bạn trẻ bắt đầu biết ngạc-nhiên dò hỏi rồi hoài nghi về những bài luân-lý sắc mùi sách vở, ước-lệ và rỗng tuếch ở học-đường. Họ muốn thử tự quan-sát, tìm hiểu những sự việc xảy ra hàng ngày chung quanh họ cho đúng với cách xuất-hiện và ý-ngĩa xác-thực của mỗi dữ-kiện. Họ nghĩ rằng bọn «người lớn» còn giấu họ nhiều thứ và dù còn non nớt, còn rất dễ sai lầm, họ vẫn thích-thú tin nơi sự hiểu-biết riêng của mình là đúng, ít ra cũng đúng hơn những giáo-điều mà mọi người thường nghiêm-khắc dạy bảo và khuyên họ tuân theo.

Năm 1954, hiệp định Genève được ký-kết, chiến-tranh tạm chấm dứt nhưng cảnh tương-tàn còn tiếp-diễn, những vết thương đau đủ mọi hình thức vẫn còn rỉ máu... diên-kỳ.

Trước hết, khía cạnh vật-chất của đời sống đập vào nhãn quan họ. Đây không phải là những vấn-đề kinh-tế sâu sắc, trình bày bằng những khúc-tuyển khúc-triết, những bảng thống-kê tỉ-mỉ, những hệ-số và biến số rắc-rối được mô-phỏng sắp xếp lại, rồi đem lập-luận trong khung cảnh của những xử chậm-tiến để tìm đường đi cho cả quốc-gia.

Họ không hiểu nổi những lý-thuyết cao xa quá, nhiều khi tách rời, vượt lên trên và bất-chấp thực-trạng. Họ chỉ nhìn thấy và có những cảm tưởng chung về những điều thông thường, gần gũi, rõ-rệt hiển-hiện ra trước mắt.

Sống giữa đám người chỉ biết có thể lực kim tiền, họ ngơ-ngẩn trước sự đồ bác của bọn thượng-lưu ở Kim-Chung, những con thiêu thân thuộc hạng bình-dân dốc cả bát cơm gia-đình xuống sông bạc ở Đại Thế-Giới, họ kinh-hoàng trước những hình thức mãi-dâm công khai lòe

loẹt, trơ-tráo của truy-lạc Bình-Khang. Lúc nào họ cũng đánh hơi thấy làn kni tầm độc vàng-vắt bao quanh, bắt họ không thể không hay biết những cảnh bất-công và vô-nghĩa.

Vô nghĩa như việc xé đôi đồng bạc để chi ra một nửa là giá trị của năm các ! Sự bất công, tượng trưng qua hình ảnh đối chọi nhau chan chát giữa những building đồ sộ, ngất ngưỡng bên những mái tôn lụp xụp, siêu vẹo trên những vũng bùn lầy lội. Ở đây, cái giàu và cái nghèo bình thản « nhìn » nhau, coi như đó là dĩ nhiên và mọi lương tâm đều « yên giấc ». Một người được hưởng-thụ, hay phải cam chịu số phận của mình, « bọn thượng lưu, lũ hạ tiện » hoặc phóng đảng trong điệu nhạc Jazz dậm dật, hoặc thụ động trong sáu câu vọng cổ sầu bi.

Họ không hiểu hai mâu thuẫn phóng đảng và thụ động là hai cốt tủy của xứ nóng hay là sản phẩm của thời buổi nhiễu nhương. Bơ vơ, lạc lõng trong sự nhộn nhịp chứa đựng biết bao trái nghịch và xấu xa mỗi người thấy thêm khát sự cảm thông. Từng nhóm thanh niên, tùy theo từng lớp tuổi, họ tìm gặp nhau, sát cánh nhau, sống quần tụ cùng nhau nhưng cách biệt cô lập với mọi người để chia sẻ một chút tình cảm, một chút tâm tư. Thật cũng chưa có mối liên hệ mật thiết nào ràng buộc, mỗi người một hoàn cảnh, một ý thích riêng, thế nhưng họ vẫn cần nhau, bàn luận, trao đổi, và hiểu ngầm nhau. Tất cả, số tuổi đều rất trẻ, bản tính hăng hái hồn nhiên, rất nhiều lý tưởng và rất dễ đam mê nhưng đồng thời họ cũng đã sớm biết ưu tư trước thế cuộc với những băn khoăn về con người. Đã có nhiều lúc họ hoảng hốt thấy sống thiếu đối tượng, không có lấy một điểm tựa chắc chắn để hướng về tương lai.

Trạng huống xã hội đen tối, guồng máy cai trị thối nát, tham nhũng ; quân đội thì chia năm sẻ bảy, đất nước đã phân đôi, miền tự do lại xoay ra có thể chiến quốc ; nạn cộng sản đe dọa, họa thực dân, phong kiến hoành hành đập vào mắt họ, khiến giác quan họ căng lên, thồn thừ và trong cái uất hận còn len lén một nỗi ngậm ngùi.

Việc gì sẽ đến rồi cũng phải đến, cái ung nhọt thời đại một ngày kia đã nổ tung. Tiếng súng ran ran khắp đô thành. Lại cảnh người chết, nhà cháy. Những người dân vô tội, rách rưới, lếch thếch từ các ngõ ngách tuôn ra như những con chuột cống đã tạo nên một bức tranh loang lổ, gạch một cái gạch ngang mai mỉa lên bộ mặt hoa lệ giả dối trước.

Biểu ngữ được trưng đầy đường, những khẩu hiệu được tung-hô ầm ĩ bởi những người xưa nay chưa hề biết chính trị. Người dân không cần thực hiểu hết ý nghĩa của cách mạng, họ bị chịu đựng quá nhiều bất công, nên hễ có cơ hội là gia nhập, ủng hộ một cuộc đổi thay với hy vọng đời sống được cải thiện. Tất nhiên, cuộc cách mạng thành công vì có chính nghĩa và thuận chiều lịch sử. Một chế độ mập mờ

sự đồ và người ta thận trọng sửa soạn một chính thể phù hợp với nguyện vọng chung.

Trong khi đó, một hội đồng mệnh danh này nọ tập tễnh học làm nghề phù thủy ; những đoàn thể gặp dịp trưng bảg hiệu, khoa chiêng, giống trống tưng bừng. Những bộ mặt mới, những sắc thái mới xoay quanh cái trục nhân dân được bày biện trên tấm thảm cách mạng kẻ cũng nhiều, nhưng nào ai dám tin tưởng. Ấy thế rồi một nhân vật chói sáng gần như được Thượng-Đế an bài, chỉ định từ trước đĩnh đạc bước lên những hỗn độn của tao loạn, và mọi sự đều theo thời gian trôi qua . . . Nhưng còn những vang bóng, những âm-hưởng, những giai thoại và những kinh nghiệm ?

Ngợp giữa bối-cảnh ngả nghiêng dờ khóc dờ cười, buồn vui lẫn lộn, vừa pháp phỏg lo sợ vừa tràn đầy hưng khởi ấy, họ vận dụng lương tri xét nhận cuộc bể dâu, cố nhiên còn rất mung lung, nhưng vẫn thiết tha muốn góp phần xây dựng vào bản hùng ca của dân tộc. Lòng nao nao, họ chờ đợi, nghe ngóng rồi suy ngẫm . . . , dè dặt . . .

Từ bao giờ đến bây giờ, dưới thời kỳ nào, chính thể nào, với từng lớp lãnh đạo chính trị cũng như giáo dục nào, với tất cả mọi người quan tâm hay tỏ ra quan tâm tới vận mệnh dân tộc mà chẳng và cũng đều nhắc đi nhắc lại nhiều lần những mệnh đề đại khái « thanh niên là rường cột quốc gia ; . . . tương lai dân tộc ở trong tay thanh niên v.v... »

Những mệnh đề ấy, nguyên khởi vốn hàm xúc biết bao nhiêu ý tình thấm thiết : tuyên nhận, nêu cao, nhắc nhở cho thanh niên nhận thức lấy vai trò quan trọng của mình đối với bản thân và tập thể ; thúc đẩy họ nỗ lực góp phần xây dựng đời sống hiện tại và sửa soạn gánh vác trách nhiệm lãnh đạo thực sự trong tương lai.

Đó cũng là phương châm được đề ra làm nền tảng thảo hoạch mọi chính sách thanh niên và qui tụ mọi cố gắng thực hiện chính sách nhằm huấn luyện nhân lực không phải chỉ vừa đủ « chiết cự », thay thế lớp người cũ để duy trì bộ máy cũ với những con đường mòn, những lề thói cằn cỗi ; mà cần phát huy mọi khả năng theo một chỉ hướng tiến bộ, đào tạo đầy đủ tới một phân số tối đa về lượng, tối hảo về phẩm ngũ hầu đạt được mức phát triển lớn nhất khả hữu, vừa phù hợp với khung cảnh quốc gia, vừa theo kịp đà biến chuyển quốc tế.

Chính sách thì có lẽ không hẳn là không có vì vẫn thường nghe cổ động, hô hào sự... phục vụ. Nhưng một kế hoạch trường kỳ, qui mô với những mục tiêu minh bạch, phương tiện và điều kiện thực hiện cụ thể thì hình như còn thiếu hay... chưa tiện công bố vì những lý do nào đó.

Những biện pháp lẻ tẻ lại luôn thay đổi và đầy vẻ úp mở làm tính hăng hái của thanh niên tiêu mòn, sự hồn nhiên cũng dần biến thể sang

một thái cực là sự hoài nghi. Lòng hoài nghi và chán nản một ngày kia có thể chiếm đoạt cả tâm tư, đến nỗi họ cực đoan không còn muốn tìm hiểu, nghe thấy bất cứ từ đâu vọng tới những thứ mà họ gán cho là những tiếng mõ thuyết lý giả tạo, những âm mưu lợi dụng...

Đã mất đi sự tin tưởng, họ không chịu để đơn thuần bị giản lược hóa con người vào những công thức khiến mọi sinh hoạt trở nên khuôn phép như cái máy mà rồi ra từ hạ tầng kiến trúc đến đời sống siêu lý đều nhất nhất phải tuân theo những mệnh lệnh, giáo điều.

Đó là sản phẩm của một vài bộ óc, dù siêu việt đến mấy, cũng chỉ là « công trình nghiên thảo » theo lối làm việc bàn giấy, tự nhận ngầm là học giả, suy nghĩ độc đoán và quyết định đơn phương. Lại có những kẻ rất lão luyện trong cái nghề nhân danh lạc phúc chung để hoạt đầu, hành động ngược hẳn với đường lối nguyên thủy vốn cực kỳ hay đẹp. Bọn chúng đã phản lại nhân vị, làm như không biết và không cần đếm xỉa tới những gì tinh túy, thiêng liêng của con người đã được đề xướng, nhấn mạnh và quảng bá.

Cố nhiên, đấy là những hạt sạn vi ti trong một đại dương cảm thạch, nhưng một số thanh niên có thể vì quá lý tưởng mà thành « lệch lạc », họ nhìn sai, phóng đại hạt sạn thành cái lòng quặm, không lồ che lấp cả đại dương, bây giờ đã thu nhỏ thành tròng mắt của... quỷ dữ!

Từ đấy, trái với định luật quảng cáo là sự nhắc đi nhắc lại nhiều lần là một phương pháp gây áp lực tinh thần, một thể thức ám sát trí khôn, người ta chỉ thấy chính những ngữ ngôn điệp khúc, máy móc khô cứng làm cường độ thụ nhận giảm dần, những lý thuyết sâu sắc biến thành những khẩu hiệu tuyên truyền rỗng tuếch và lối bịch.

Những lời hứa hẹn, khích lệ, ngay cả đến những chương trình cụ thể tốt đẹp cũng mất dần ảnh hưởng: một khi đã bị nghi ngờ thì mọi giá trị đều là biểu kiến, mà dù có « cái gì » thật chẳng thì âu đó chỉ là những món quà nhỏ « để lung lạc nhân tâm, lừa gạt tình cảm » nằm trong những phương sách nhằm nô dịch hóa con người.

Phản ứng của thanh niên đối với lời mời gọi hòa điệu trong cộng đồng là sự thờ ơ, lãnh đạm. Dường như miễn dịch với hết mọi cảm xúc, họ tập thành một « hiện tượng tro », trong khi thực ra, tận cội sâu thẳm của tâm tình họ đang phần nộ hoặc ngậm ngùi.

Với một khung cảnh chung như vậy, một số thanh niên không phải là ít có cảm tưởng mơ hồ nhưng ý định vững chắc là phải kíp « tỉnh ngộ », « trưởng thành » (theo quan niệm của họ), cần sớm « rút lui », lo giữ lấy bản thân, âm thầm sắp sẵn và thể hiện một nếp sống, một hướng đi hoặc vị kỷ, hoặc vị tha và đều có vẻ « khác lạ », thường tìm cách vượt ra ngoài vòng cương tỏa của suy lý hình thức, luân lý thông dụng và lẽ phải ước lệ.

Từ nay, đối với họ, những «bực thang», những «giá trị» dần mất hết ý nghĩa nếu không phải đã thành vô nghĩa. Bản chất của chân và ngụy bị biến thể, hàm hỗn vào nhau và đôi khi xê dịch, đổi chỗ cho nhau.

Thật vậy, tùy thuộc theo lối nhìn, cách suy tưởng, bây giờ sự thiện có thể biến thành sự ác, những gì phải thành trái, nên thành không nên, hữu lý thành phi lý, chính đạo thành tà đạo... Tất cả đều có thể xếp ngược lại.

Có bao nhiêu lối nhìn, bao nhiêu cách suy tưởng có thể qui nạp vào bao nhiêu loại tâm trạng «nghịch thường» của thanh niên là có bấy nhiêu «giá trị» vậy.

Trong viễn tượng ấy, cho dù lối nhìn có thiếu chín chắn, chính xác (có gì thật chính xác trong khoa học nhân văn?) thì những tâm trạng, nhất là những tâm trạng được thể hiện qua sinh lực mãnh liệt của thanh niên vẫn kết tạo nên những cái «thế» của cuộc đời và những cái «lý» của sự sống tuy riêng tư cho từng người, từng nhóm mà có thể «góp gió thành bão» gây một thất-thắng-bằng chung cho toàn thể xã hội và sẽ tác động lớn lao với ảnh hưởng không nhỏ trong tương lai.

NHẬT-NHÂN

phán

quyết

tại

NUREMBERG

VI-BẢNG

Trận thế chiến thứ hai còn để lại trong tâm khảm mỗi người những kỷ niệm chua xót và những ấn tượng kinh hoàng. Chiến tranh không phải là một sản phẩm đặc biệt của thế kỷ 20, nhưng chiến tranh của thế kỷ 20 đã tàn phá, không riêng những công trình vật chất, mà là nền móng của những kiến trúc tinh thần. Vì thế nó đã đặt cho những kẻ sống sót những câu hỏi lớn trong tình cảm, trong lương tâm và lý trí.

Nhiều tác phẩm đã mượn hình ảnh chiến tranh làm đề tài. Nhưng mỗi tác phẩm thường chỉ phơi bày một khía cạnh nào đó của vấn đề, nó không chứng tỏ được một vấn đề căn bản, đó là thái độ của người tri thức trước những thúc phọc của lịch sử, và trách nhiệm của họ, trách nhiệm không thể trốn tránh, trước công lý của nhân loại.

Chúng tôi, nhân một tác phẩm điện ảnh, một tác phẩm đúng nghĩa, — *Jugement à Nuremberg* — trình bày một vài ý nghĩ nhỏ về Tự Do, Dân Chủ, Công Lý. Những danh từ quá lớn, có quá nhiều bộ mặt và cũng quá nhiều lạm dụng. Nhưng vấn đề chỉ được đặt ra trong một phạm vi nhỏ hẹp, nhất là chỉ căn cứ trên một tác phẩm điện ảnh, thiết tưởng

không nên cho nó một tính cách quá nghiêm trang và chỉ nên có một sự thận trọng vừa đủ.

Nhưng dù sao, chúng tôi cũng không tránh khỏi ít nhiều dè dặt :

— Trước hết, cuốn phim mới nhập cảng và chưa được đem chiếu trên màn ảnh thủ đô. Chúng tôi e rằng dễ bị ngộ nhận là làm quảng cáo (không hay có công cũng vậy !) cho hãng phim.

— Thứ hai là chỉ căn cứ trên một cuốn phim để viết « khái luận chính trị » (có người sẽ hiểu như thế chăng ?) rất dễ bị mang tiếng là phiến diện.

Nhưng đã có những yếu tố khác khiến chúng tôi dễ dẹp bỏ được những dè dặt trên.

Yếu tố thứ nhất là cuốn phim thiếu tính cách hấp dẫn đối với một số khán giả. *Không có yêu đương, không có trăng nước* ; chỉ có những cảnh tàn khốc của chiến tranh và những kẻ khoác áo Công Lý, tấm áo đen lăm lăm, như những pho tượng chứng kiến một cuộc đấu lý lịch sử giữa luật sư của bị cáo (không tầm thường) và ông phó Chưởng Lý đại diện cho nhân loại (đầy phần nộ). Tất cả diễn biến chung quanh một phiên tòa và kéo dài ngót ba tiếng đồng hồ, ba tiếng không một chiếc hôn ân ái, ba tiếng cho một cuộc đối thoại. Cái gánh nặng làm sống cuốn phim « khô » ấy giao phó cả cho một Spencer Tracy, một Marlène Diétrich, một Ridchard Widmark, một Burt Lancaster, một Maximilien Schell và một Montgomery Cliff. Họ đã sống trong diễn xuất, và diễn xuất trong sự sống.

Yếu tố thứ hai là phong thái trí thức của cuốn phim. Trí thức, không phải chỉ vì những câu đối thoại sâu sắc, hàm xúc, mà bởi sự kêu gọi trong thâm tâm người xem một niềm băn khoăn, nỗi băn khoăn đầy cảm khái trước những vấn đề lớn của thời đại. Quốc gia, Dân tộc, Tự do, Dân chủ... Thêm nữa, đề tài của cuốn phim cũng là một đề tài sống thực : vụ xử án các phạm nhân chiến tranh của chế độ Quốc Xã Đức họp tại Nuremberg sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt.

Phán quyết tại Nuremberg, không giống bất cứ phán quyết của tòa án nào khác, là phán quyết của công lý đối với bạo lực, của tự do đối với nô lệ, của dân chủ đối với độc tài, và của con người thức tỉnh đối với con người đắm mê...

Nói đến cuốn phim *Jugement à Nuremberg*, chúng tôi không nhất thiết nói tới công trình cấu tạo và kỹ thuật của các chuyên viên, đó là phần việc của các nhà phê bình điện ảnh. Nhưng chúng tôi thấy bất công nếu quên nói đến các diễn viên. Rất có thể họ chỉ diễn xuất để lĩnh tiền thù lao, nhưng khó có thể tin rằng họ không sống thực trong vai trò, và không ít nhiều hăng diện đã đóng góp vào sự hoàn thành một tác phẩm, một tiếng nói của thời đại.

Một Burt Lancaster với nét mặt lạnh lùng đã chứng tỏ cái phong thái trầm tĩnh mà hiên ngang, nhấn nhục mà hào hùng của con người trí thức trong cơn quốc biến. Một Spencer Tracy tuổi tác tượng trưng cho mẫu người khả kính trong thế giới của những kẻ cầm cán cân công lý! Một mẫu người sống âm thầm với nhiệm vụ, chỉ muốn công lý là công lý, và công lý chỉ là thành trì bảo vệ cho những kẻ cô đơn yếu thế (lời bình luận của đài bá âm Vatican về vụ án mẹ giết con vừa xảy ra ở Bỉ).

Marlène Diétrich (người đã từng chạy trốn Hitler) đã được giao phó đúng vai trò biểu dương lòng ái quốc thiết tha trong cảnh nước loạn, nhưng là một thứ ái quốc xây dựng trên tình thân ái hằng cửu mà không kiến tạo bằng căm thù. Còn gì đẹp hơn khi người đàn bà có chồng bị xử tử đã nói với viên quan tòa của những kẻ chiến thắng:

— Nếu muốn tiếp tục sống, chúng ta phải quên hết cả đi!

Không phải nàng không đau khổ, nhưng cái gì cần thiết cho công cuộc gầy dựng lại xứ sở, là phải biết quên quá khứ bi thảm, quên những căm thù vô ích. Tại sao chúng ta bắt nàng nói khác đi, trong khi nàng, và chúng ta, và mọi người đều hiểu rằng *thế giới căm thù Hitler, căm thù chế độ Quốc xã mà không căm thù dân tộc Đức*.

Nhưng điển hình cho mẫu người ái quốc nhiệt thành, quả cảm là Maximilien Schell trong vai luật sư biện hộ. Anh cũng là người Đức như Marlène. Từ một cử chỉ gấp sách, một nụ cười nửa miệng, một cái nhàu mày đã nói lên những gì anh muốn nói. Mà cái anh muốn nói là cái mà mọi người thanh niên Đức muốn nói. Đó là lòng yêu nước nồng nhiệt và ý chí phục hưng xứ sở trong nhiệm vụ và danh dự.

Và sau cùng là Montgomery Cliff. Monty đã làm cho người xem khó quên được anh qua vai trò một người dở điên dở tỉnh trong *Jugement à Nuremberg*. Anh là người Mỹ. Nhưng anh đã làm hồi sinh một nhân chứng thay mặt cho lớp người đã bị đầy đọa, áp bức nhất dưới chế độ Hitler! Một lớp người luôn luôn sống trong bóng tối của sợ hãi, lo âu kéo dài bất tận. Một lớp người mà vinh quang không được chung hưởng nhưng tội nhục phải riêng mang! Đau khổ vì bị áp bức mà không có quyền ngưỡng vọng đến công lý!

Ở chính con người Monty đã chứa chất sẵn ít nhiều đau khổ, khi anh diễn xuất, như một cung đàn bật lên, và nỗi niềm đau khổ lên tiếng nức nở. Với cái lưng hơi còng biểu lộ sự nhấn nhục, nét mặt ngơ ngác và nụ cười chua xót không bao giờ dám mở rộng. Monty đã tạo một không khí bi thảm, bi thảm và bàng hoàng. Nhất là khi anh đưa bàn tay xoè rộng phác cử chỉ từ chối bằng một dáng điệu ngây ngô mà nói:

— Không! mẹ tôi không điên!

MỘT VAI Ý NGHĨ NHỎ

Người ta đã làm gì ở Nuremberg?

— Một phiên tòa ? Không hẳn thế ! Vì chưa có một thứ pháp luật siêu quốc gia mặc dù ngày nay không thiếu những tội phạm được mệnh danh là « tội phạm nhân loại ».

— Một cuộc trả thù ? Nhưng trả thù ai, dân tộc Đức hay Hitler, hay một vài cá nhân được lựa chọn ?

— Một vụ án của kẻ chiến thắng xử kẻ chiến bại ?

Điều ấy không đúng, hay ít nhất nó cũng sai về phương diện *dùng* và *hiệu* danh từ « chiến thắng » và « chiến bại » một cách đơn thuần đến giản dị như vậy.

Dùng và hiệu danh từ chiến thắng và chiến bại như thế trên quan điểm của cuốn phim *Jugement à Nuremberg* là cố tình không hiểu đến giá trị của những đoàn quân Thập-Tự-Giá trong lịch sử !

Ý nghĩa của chiến thắng và chiến bại đã nằm trong ý nghĩa và mục đích của một cuộc chiến đấu ngay từ khi còn tiềm tàng như một hoài bão hoặc khi đã bộc phát trên chiến trường !

Và giải thích tính cách của vụ án Nuremberg như thế cũng có nghĩa là phủ nhận luôn cả giá trị của công lý. Một thứ công lý mà hàng triệu con người bị từng xẻo, tra tấn, tù đầy vẫn ngưỡng vọng trong ánh sáng lù mù dọi xuống từ những mái nhà giam, những trại tập trung. Máu và xương đã đổ trong ngót mười năm để thực hiện thứ công lý ấy ! Chúng ta không có quyền phủ nhận ! Vì thế phiên tòa Nuremberg đã họp ngay sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt.

Có người gán cho nó một lý do chính trị ! khỗ thay cho danh từ chính trị ! Sao chúng ta không nghĩ đó là một hành động có tính cách nhân loại ! Thế giới vừa trải qua một cơn ác mộng, khi bừng tỉnh dậy những kẻ còn nguyên vẹn ca hát mừng rỡ thì cũng có những kẻ tay còn mang băng tang, mắt chưa khô ngấn lệ đang ngẩng đầu chờ một tiếng nói công lý, hướng về Nuremberg, Nuremberg...

Ai muốn hiểu tiếng nói của công lý là căm thù, là báo oán hay là gì chẳng nữa, nhưng đừng quên Thượng Đế đã phán rằng : « kẻ có tội phải đền tội » !

Kẻ có tội là Hitler ? là dân tộc Đức ? hay những người trí thức dưới « triều đại » Quốc Xã ?

Vấn đề thật ra xưa cũ, vấn đề của Tần Thủy Hoàng, của Néron... nhưng vấn đề vẫn hữu ích. Hữu ích vì nó khuyếch cáo những người trí thức dưới mọi chế độ, ở mọi thế hệ hiềm họa do những tham vọng mù quáng, bởi sự đam mê quyền lực thống trị của một cá nhân hay một giai cấp ! Còn gì mãnh liệt hơn tiếng gọi quyến rũ của sức mạnh chinh phục, đã thúc dục những vó ngựa Mông cổ, đoàn quân trưởng chinh vạn lý, các thanh niên S S...

— Một phiên tòa ? Không hẳn thế ! Vì chưa có một thứ pháp luật siêu quốc gia mặc dù ngày nay không thiếu những tội phạm được mệnh danh là « tội phạm nhân loại ».

— Một cuộc trả thù ? Nhưng trả thù ai, dân tộc Đức hay Hitler, hay một vài cá nhân được lựa chọn ?

— Một vụ án của kẻ chiến thắng xử kẻ chiến bại ?

Điều ấy không đúng, hay ít nhất nó cũng sai về phương diện *dùng* và *hiệu* danh từ « chiến thắng » và « chiến bại » một cách đơn thuần đến giản dị như vậy.

Dùng và hiệu danh từ chiến thắng và chiến bại như thế trên quan điểm của cuốn phim *Jugement à Nuremberg* là cố tình không hiểu đến giá trị của những đoàn quân Thập-Tự-Giá trong lịch sử !

Ý nghĩa của chiến thắng và chiến bại đã nằm trong ý nghĩa và mục đích của một cuộc chiến đấu ngay từ khi còn tiềm tàng như một hoài bão hoặc khi đã bộc phát trên chiến trường !

Và giải thích tính cách của vụ án Nuremberg như thế cũng có nghĩa là phủ nhận luôn cả giá trị của công lý. Một thứ công lý mà hàng triệu con người bị từng xẻo, tra tấn, tù đầy vẫn ngưỡng vọng trong ánh sáng lù mù dọi xuống từ những mái nhà giam, những trại tập trung. Máu và xương đã đổ trong ngót mười năm để thực hiện thứ công lý ấy ! Chúng ta không có quyền phủ nhận ! Vì thế phiên tòa Nuremberg đã họp ngay sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt.

Có người gán cho nó một lý do chính trị ! khờ thay cho danh từ chính trị ! Sao chúng ta không nghĩ đó là một hành động có tính cách nhân loại ! Thế giới vừa trải qua một cơn ác mộng, khi bừng tỉnh dậy những kẻ còn nguyên vẹn ca hát mừng rỡ thì cũng có những kẻ tay còn mang băng tang, mắt chưa khô ngấn lệ đang ngẩng đầu chờ một tiếng nói công lý, hướng về Nuremberg, Nuremberg...

Ai muốn hiểu tiếng nói của công lý là căm thù, là báo oán hay là gì chẳng nữa, nhưng đừng quên Thượng Đế đã phán rằng : « kẻ có tội phải đền tội » !

Kẻ có tội là Hitler ? là dân tộc Đức ? hay những người trí thức dưới « triều đại » Quốc Xã ?

Vấn đề thật ra xưa cũ, vấn đề của Tần Thủy Hoàng, của Néron... nhưng vấn đề vẫn hữu ích. Hữu ích vì nó khuyếch cáo những người trí thức dưới mọi chế độ, ở mọi thể hệ hiểm họa do những tham vọng mù quáng, bởi sự đam mê quyền lực thống trị của một cá nhân hay một giai cấp ! Còn gì mãnh liệt hơn tiếng gọi quyền rũ của sức mạnh chinh phục, đã thúc dục những vó ngựa Mông cổ, đoàn quân trường chinh vạn lý, các thanh niên S S...

quyền mà là cái trách nhiệm không nhìn thấy một hiểm họa. Chúng tôi đã nghĩ rằng dù Hitler hay là gì nữa thì cũng chỉ là một giai đoạn. Rồi tất cả sẽ qua đi, như bao sự việc khác đã qua đi. Nhưng...»

Janning kết luận :

— *Nhưng, rồi... hiểm họa xảy đến.* Những gì mà chúng tôi xem như một giai đoạn thì đã trở thành một lối sống không bôi xóa đi được nữa.»

Than ôi, cái lầm của Janning là cái lầm lịch sử, cái lầm đã lôi cuốn cả một dân tộc anh hùng vào vòng điều lụy !

Nhưng sau 17 năm (1945-1962), vết thương chiến họa chưa bằng bó xong thì trên thế giới đã có biết bao nhiêu những kẻ trí thức rơi vào cái lầm của Janning... trước hiểm họa của chủ-nghĩa Đệ Tam Quốc Tế !

Những lời biện minh và nhận tội của Janning đã làm vinh dự cho dân tộc ông cũng như ngày nào cái tên ông ta đã là một hãnh diện vậy !

Nhưng phiên tòa Nuremberg đã phán quyết ra sao ?

Lấy cớ hờn để đáp lại cớ hờn chẳng ?

Nếu cớ thù thì cớ thù ai ?

Kẻ sĩ phu đã nhận trách nhiệm ? Nhưng trách nhiệm của họ không phải là tự tay tra tấn, tự tay treo cổ, tự tay mở hơi ngạt.

Mà trách nhiệm của họ là trách nhiệm về quan niệm, về ý thức, về lãnh đạo !

Và công lý của con người đã nhận thức được điều ấy qua những lời phán quyết sau cùng của viên Chánh án Haywood, một vị quan tòa ở một tỉnh nhỏ bên Mỹ, được giao phó một nhiệm vụ lớn là nói lên những lời phán quyết lịch sử :

— « *Tất cả đều có tội. Nhưng tòa không lấy việc tù đầy, tra tấn, giết chóc làm căn bản chính cho bản án.* Mà trách nhiệm chính của các người là đã tiếp tay với chế độ Quốc xã xây dựng một bộ máy quốc quyền trên đẳng cấp quốc gia ! (système étatique à l'échelon national). »

Đó là lời phản kháng của nhân loại, không những đối với chế độ Hitler, mà còn đối với mọi chế độ độc tài khác, lúc này và mai sau.

Trên đẳng cấp quốc gia không thể có bộ máy quốc quyền !

Đã có một thể chế quốc quyền trên đẳng cấp quốc gia tức là độc tài ! Và Hitler đã làm như thế !

Và lời phán quyết của Haywood là chính nghĩa, là nhân ái, và cũng là công lý.

Và cũng chỉ có những đứa con của dân chủ, tự do mới dám xây dựng những cuốn phim như thế và cũng chỉ có những dân tộc yêu chuộng dân chủ, tự do mới dám ký giấy cho nhập cảnh những cuốn phim nói lên một sự thật bi đát mà hào hùng như thế !

SO SÁNH HAI NỀN TIỂU THUYẾT PHÁP VÀ HOA-KỲ

HOÀNG-VŨ

Với John Steinbeck, nền văn chương Hoa-kỳ đã được vinh hạnh nhận giải thưởng NOBEL ba lần trong vòng mười năm. Sau Ernest Hemingway và William Faulkner, John Steinbeck đã đến đài danh vọng trước John Dos Passos và Erskine Caldwell. Chúng ta biết bộ năm cự phách văn nghệ này hiện đang tiêu biểu cho nền tiểu thuyết Hoa-kỳ, mặc dù trong số đó kẻ còn người khuất. Không những là tiêu biểu cho tiểu thuyết Hoa-kỳ, họ còn là những người mở lối cho tiểu thuyết Âu-châu, đặc biệt là cho tiểu thuyết Pháp. Từ khi hay tin Steinbeck lĩnh giải NOBEL văn chương, các nhà phê bình văn học trong nước và ngoài nước cũng đã nói nhiều về ông. Trong bài này, chúng tôi xin mời bạn đọc so sánh hai nền tiểu thuyết Pháp và Hoa-kỳ, nhân dịp giải thưởng văn chương uy tín ấy.

Trong một bài báo đăng trong một tạp chí Hoa-kỳ sau trận Đại chiến Thế giới vừa qua, Jean-Paul Sartre có viết những giòng sau đây :

« Sự tăng cường văn nghệ quan trọng nhất của nước Pháp trong khoảng thời gian 1925-1935 vừa qua, là sự khám phá ra Faulkner, Dos Passos, Hemingway, Caldwell, và Steinbeck . . . Đối với các nhà văn thuộc thế hệ tôi, sự ra mắt công chúng của các tác phẩm VĨ-TUYẾN THỨ-42, ÁNH SÁNG THÁNG TÁM, GIÃ-TỪ VŨ-KHÍ đã gây nên một cuộc cách mạng văn chương sôi nổi tương tự cuộc cách mạng xảy ra mười lăm năm trước đây tại Âu-châu do cuốn ULYSSE của Joyce. »

Lời tuyên bố đó không phải là một lời tuyên bố của một người sinh văn chương Hoa-kỳ đến độ sùng bái, vì chúng ta biết Sartre đã không ngớt chỉ trích William Faulkner và chỉ kiêng nể có riêng một mình Dos Passos mà thôi.

Đấy cũng không phải là một lời lộng ngôn lập dị của một con người đơn độc và biệt lập, vì từ bốn phương văn nghệ, nhiều nhà văn cũng nhận định giống Jean-Paul Sartre. Chúng ta có thể giở lại cuốn NHẬT-KÝ của André Gide, hay những bài phê bình của nữ văn-sĩ Claude-Edmond Magny để thấy họ cũng đồng ý với nhau trong việc nhìn nhận những giá trị hiển nhiên của năm đồng nghiệp vừa kể của họ bên kia bờ Đại tây dương. Chúng ta cũng có thể góp thêm vào hồ sơ phê bình họ lời tựa của André Malraux cho cuốn tiểu thuyết nhan đề SANCTUAIRE của William Faulkner. Và người ta đã có thể nói đến một « kỷ nguyên của tiểu-thuyết Hoa-kỳ » mà không quá đáng. Thực vậy, vào khoảng năm 1930 Âu-châu đã bắt đầu tiếp nhận một cách hết sức nhiệt thành các tác phẩm Hoa-kỳ qua các bản dịch tiếng Pháp, nhất là qua các bản dịch của M.E. Coindreau, và các tên Hemingway, Faulkner, Dos Passos, Caldwell, và Steinbeck, từ ngày ấy, đã là những tên hết sức quen thuộc, và ảnh hưởng của họ đối với nền văn chương Pháp, nhất là trong giới những người trẻ, đã được André Malraux nhìn nhận như là một sự « huyền hoặc », *une fascination* và Jean-Paul Sartre như một sự « chài yểm », *un envoûtement*.

Văn chương Pháp đã bị văn chương Hoa-kỳ cảm dỗ thế nào? văn chương Hoa-kỳ đã mang lại những gì mới lạ cho văn chương Pháp? Hai câu hỏi ấy đã được đặt ra từ 1930 cho đến nay, mà vẫn chưa có được câu trả lời đầy đủ. Nhận xét chung là tiểu thuyết Pháp trước khi gặp gỡ tiểu thuyết Hoa-kỳ đã bắt đầu muốn chuyển hướng cổ ra thoát khỏi vòng ảnh hưởng luẩn quẩn của những truyền thống cổ truyền, như sự phân tách từng trường hợp cá nhân điển hình trong ADOLPHE, hay sự tả chân có chiều hướng xã hội trong LA COMÉDIE HUMAINE, hay MADAME BOVARY. Tiểu thuyết Hoa-kỳ đã khuyến khích tiểu thuyết Pháp rất nhiều trong sự chuyển hướng đó bằng những thí dụ được coi một cách xác đáng như những tấm gương sáng

Hoa-kỳ, trước hết, là một nước không bị một truyền thống văn chương nào gò bó, ngăn cấm; Hoa-kỳ không có những Balzac, Flaubert hay Zola bản xứ để đưa ra làm mẫu mực cho thế hệ trẻ. Và trong một giai đoạn có khuynh hướng chống lại trào lưu trí thức, Hoa-kỳ điển hình một nền văn chương mà căn bản là *vô trí thức* hay *chống trí thức* (*in-intellectuel* hay *anti-intellectualiste*).

Đứng về phương diện xã hội, các nhà văn Hoa Kỳ thuộc những thành phần khác nhau nhiều hơn các văn sĩ Pháp: phần đông họ không phải là sản phẩm của một nền giáo dục trường giả tiểu tư sản hay của một nền văn hóa nhân bản; tuy trong số các nhà văn Hoa kỳ cũng có những người làm nghề dạy học hay làm công chức, song đấy chỉ là một

sự ngẫu nhiên và họ cũng không ở lâu trong cái nghề nhất thời ấy bao giờ, trong khi ở Pháp hai phần ba các văn sĩ là nhà giáo hay là công chức thiết thọ, và một nhà văn không thuộc về thành phần tiểu tư sản là một trường hợp hết sức hãn hữu.

Bài học mà nền văn chương Hoa kỳ đã mang lại cho Pháp là một nhà văn không bắt buộc phải xuất thân ở trường Cao-Đẳng Sur-Pharm cũng như không bắt buộc phải có ít nhất cũng một văn bằng cử nhân văn chương : đối với một người có nhu cầu mạnh mẽ *sáng tác*, điều cần thiết không phải là trí thông minh, cũng không phải là kiến thức văn hóa đại cương ; điều cần thiết là phải có, như William Faulkner đã viết, *kinh nghiệm và trí tưởng tượng*, còn tài *nhận xét* thì có càng hay, không có cũng không quan hệ lắm. André Malraux đã tuyên bố như sau trong một cuộc phỏng vấn của tạp chí tiếng Anh HORIZON : « Theo tôi thì đặc điểm của nền văn chương Hoa-kỳ hiện tại là : nền văn chương ấy là nền văn chương duy nhất trên thế giới không do những người trí thức tạo nên... Các nhà văn Hoa-kỳ chỉ băn khoăn về có một điều, là *con người căn bản (l'homme fondamental)*... »

Văn chương Hoa-kỳ cho người đọc cảm tưởng là *mới mẻ* hơn văn chương Pháp : các nhà văn Hoa-kỳ diễn tả trung thành hơn các nhà văn Pháp những sự xáo trộn sâu xa đã xảy ra trong ý thức con người sống trong thời đại mới về cách xử thế của họ. Không giống các nhà văn Pháp ưa chú trọng đến những trường hợp *cá nhân* riêng biệt và những sự tái tạo *nghệ thuật*, các nhà văn Hoa-kỳ đã tìm ra những kỹ thuật thích ứng để mô tả những bức tranh vĩ đại *tập thể* chứa chan sức sống. Tất cả các tác phẩm của họ đều linh động, đều theo sát thực tế, khác hẳn những tác phẩm cổ điển của Pháp hay thì có hay, đẹp thì có đẹp, nhưng phản ánh một sự gì xa sự thực, thanh thản và như cô đọng, như trường hợp tác phẩm SALOMBO của Gustave Flaubert.

Thực ra, nếu đi vào chi tiết các kỹ thuật của các nhà văn Hoa-kỳ, — chúng tôi muốn nói của năm nhà văn đã được cả thế giới nhìn nhận là vĩ đại : Hemingway, Faulkner, Dos Passos, Caldwell, và Steinbeck, — chúng ta cũng không hẳn tìm thấy những điều thực hoàn toàn mới lạ. Thí dụ kỹ thuật « *độc thoại âm thầm* » (*monologue intérieur*), một mình mình nhủ thầm cho chính mình nghe, đã được khai sinh ở Pháp rồi được Joyce đem dùng trước khi vượt biên sang với Faulkner. Nhưng Faulkner đã dùng kỹ thuật ấy một cách điêu luyện độc đáo đến nỗi kỹ thuật ấy đã trở thành một kỹ thuật riêng của ông, trước ông chưa có ai dùng như thế. Trước Faulkner chưa có nhà văn nào có ý kiến cố gắng khiến người đọc cuốn phim nội tâm của con người ngu xuẩn và để cho con người ấy kể chuyện thay mình là tác giả. Sự độc thoại của Benjy trong cuốn « LE BRUIT ET LA FUREUR » là một kỳ công của Faulkner : tác giả đã hoàn toàn biến đi mất sau nhân vật, và người đọc không nhận được qua một lời giải thích, một tư tưởng thuộc phạm vi trí thức, hay một sự phân tích nào, mà cứ thấy mình dần dần trôi vào một thế giới mờ ám của nhân vật là một người tinh thần kém cỏi.

Faulkner cũng dùng một vài kỹ thuật khác như dùng những câu thật dài, gói ghém thật đầy đủ, đem so sánh với những câu văn của Marcel Proust không phải một trời một vực, song ít ra cũng dài hơn đến hai hay ba lần. Faulkner còn thường hay dùng cách kể chuyện bắt đầu từ đoạn kết, rồi mới đem những đoạn đầu xen vào về sau. Kỹ thuật này đã được Jean Paul Sartre áp dụng trong vở kịch « LES SÉQUESTRÉS D'ALTONA » với những hồi cảnh (*flash-backs*).

Một kỹ thuật thứ tư nữa của các văn gia Hoa Kỳ là kể chuyện khách quan. Theo kỹ thuật ấy thì không còn có sự phân tích ngoại cảnh và nội tâm nữa: thực thể tâm lý chỉ còn là một chuỗi những thái độ của nhân vật kế tiếp theo liền nhau; những thái độ ấy được diễn tả ra bằng những tiếng kêu thất thanh, những dáng điệu, những vẻ mặt. Hầu hết các văn sĩ Hoa Kỳ trong hai mươi năm trở lại đây, từ Hemingway đến Steinbeck, đều dùng kỹ thuật kể chuyện khách quan ấy: họ không trình bày cho chúng ta tình cảm hay tư tưởng của các nhân vật, mà chỉ mô tả một cách vô tư các hành động của họ, thuật lại một cách khách quan ngôn ngữ của họ, tóm tắt lại đưa cho chúng ta một tờ « phúc trình » đầy đủ về thái độ, cách xử thế của nhân vật trong những hoàn cảnh nhất định.

Như vậy trong nền văn chương chống lại sự phân tách ngoại giới và tâm tình ấy, người đọc sẽ không có dịp chứng kiến những « trường hợp tâm lý » như trong các tiểu thuyết cổ điển Pháp và Âu châu.

Nhiều nhà phê bình văn học, sau khi mất nhiều công phu để tìm hiểu nguồn gốc các kỹ thuật mới được các nhà văn Hoa kỳ sử dụng trong tiểu thuyết, đã nhận thấy ảnh hưởng của nghệ thuật điện ảnh là nghệ thuật thứ bảy, cũng đã phát triển mạnh mẽ nhất ở Hoa kỳ. Dưới ảnh hưởng của nghệ thuật thứ bảy, tác giả tiểu thuyết càng ngày càng dấu kín mình sau tác phẩm và nhân vật trong truyện; tác giả bắt đầu giữ thái độ yên lặng, không nói, không giải thích, không bàn tán suy luận, tác giả *trình bày chứ không dẫn giải*. Họ dần dần càng kín đáo, và chỉ còn tự cho mình nhiệm vụ gọi cảm một cách gián tiếp đối với độc giả mà thôi: kỹ thuật mới mẻ ấy là một kỹ thuật hoàn toàn mượn của nghệ thuật điện ảnh; một cuốn phim hay bao giờ cũng chỉ gọi ra những cảm giác và cảm tình sâu xa chân thực cho khán giả bằng những hình ảnh, âm thanh hay thái độ của diễn viên. Cũng như Faulkner, điện ảnh thường *bỏ qua* nhiều khi ngay cả chính điều cốt-yếu, bởi vì theo nguyên-tắc, điện-ảnh chỉ trình-bày những gì ống ảnh có-thể ghi-nhận được mà thôi.

Dùng kỹ-thuật điện-ảnh trong việc trần-thuật là một cách rất gọn để nhà văn giải-quyết vấn-đề phải đưa ra một nhân-vật điển-hình mẫu-mực, cái mẫu-mực điển-hình là sự chương ngại chính của các tiểu-thuyết xã-hội... Vấn-đề đối với các nhà văn Hoa-kỳ không còn là tạo ra một nhân-vật mẫu, một cuộc đời là một con số trung-bình ở giữa trăm, ngàn cuộc đời khác. Mỗi một nhân-vật của Dos Passos chẳng-hạn, là

một nhân-vật duy-nhất, nhưng nhân-vật ấy bị *gếu-lố xã-hội* đánh dấu rất xâu-xa, đến nỗi chúng-ta phải thốt lên trong khi dự cuộc trình-diễn nhân-vật do tác-giả phụ-trách, rằng « *gếu-lố xã-hội, là chính nhân-vật ấy* ». Nhân-vật được sáng-tạo nên không phải do một nhu-cầu sinh-lý như các nhân-vật của Emile Zola, hay bị thúc-đẩy bởi một động-cơ tâm-lý như nhân-vật trong tác-phẩm của Marcel Proust, nhưng bởi một áp-dụng thẩm-thấu tuy không rõ-rệt, luôn-luôn có mặt nhưng không gay-gắt, không ràng-buộc các nạn-nhân lắm, mà có vẻ đề mặc cho họ tự-do đề rồi muốn nắm lại họ lúc nào cũng được. Nhân-vật trong tiểu-thuyết Hoa-kỳ có-thể sống như thế nào thì cứ sống như thế, tự-nhiên, sống đắm-đuối trong cuộc sống của họ, vẫy-vùng trong cuộc sống đó tùy theo sức-lực của mình, không quan-tâm đến những sự gì sắp xảy ra cho họ, vì sự gì sắp đến cứ việc đến chứ không được xấp-xếp từ trước. Họ cũng bạo-động, cũng làm lỗi, cũng cố-gắng, nhưng tất-cả thái-độ của họ không làm thay-đổi sự đều-đặn của các sự sinh-nở cưỡi-xin, tự-tử vẫn tiếp-tục xảy ra quanh họ như không chú-trọng đến sự có mặt của họ, cũng như không chịu ảnh-hưởng tác-động của họ. Jean Paul Sartre có viết đầu-đó trong cuốn SITUATIONS, Tập I rằng : « *Áp-lực của một chất hơi đối với bình chứa không lệ-thuộc vào lịch-sử riêng-biệt của mỗi phân-tử gom-góp trong chiếc bình ấy.* » Tác-động các nhân-vật trong tiểu-thuyết Hoa-kỳ đối với những người chung-quanh và xã-hội cũng giống tác-động của chất hơi đối với bình chứa trong thí-dụ của Jean Paul Sartre.

Tất-cả những kỹ-thuật kể trên đã tạo thành một hình-thức riêng-biệt cho tiểu-thuyết Hoa-kỳ. song cái hình-thức ấy không phải là điều duy-nhất làm cho tiểu-thuyết-gia Pháp và Âu-châu ngưỡng-mộ tiểu-thuyết Hoa-kỳ : dưới cái hình-thức tân-kỳ còn cả một nội-dung, một chất-liệu tân-kỳ phong-phú. Các nhân-vật của Dos Passos, Faulkner, Steinbeck phần nhiều không phải là những nhà tiểu-tư-sản hay trí-thức, nhưng là các nhân-vật thuộc đủ mọi nguồn-gốc, mực-độ và tầng-lớp xã-hội : du-thủ du-thực có, thợ thất-nghiệp, có lao-công làm đồng có, thư-ký đánh máy, những tên mọi man rợ ấu-trĩ, gái điếm, buôn lậu, những người nghiện rượu say bét nhè, những người bị tật nguyền, những ông già bà cả lẫn cằn, đủ hạng không thiếu sót một ai. Phần lớn các nhân vật ấy là những người tầm thường, sơ đẳng ; họ không đọc cho chúng ta nghe vai trò của họ, nhưng *diễn hành* qua mắt chúng ta như trong một cuốn phim, người này xem có vẻ không liên lạc gì với người khác, sống rời rạc nhau theo đúng hình ảnh ở ngoài đời thực.

Tiểu thuyết phân tích của Pháp thường có khuynh hướng che đậy sự rời rạc ấy của con người. Tiểu thuyết Hoa-kỳ giữ một thái độ ngược hẳn lại với thái độ « tri thức » ấy, và nhấn mạnh vào sự rời rạc và sự vô lý của cuộc sống.

Sau cùng, tiểu thuyết Hoa-kỳ chủ trương trực ngôn, không ngần ngại gọi một con mèo là một con mèo, không quanh co dấu diếm. Sự dùng câu ngay thẳng này đã được các nhà văn Pháp như Louis-Ferdinand Céline, Queneau, và Jean-Paul Sartre hết sức hoan nghênh và áp dụng. Các nhân vật của các nhà văn này cũng như các nhân vật của Hemingway, Caldwell, Steinbeck nói thẳng, nói mạnh hay nói tàn nhẫn nếu cần. Hình ảnh các nhà văn Hoa-kỳ truyền lại cho người đọc là những hình ảnh trực tiếp giản dị, khác hẳn lý tưởng nghệ thuật quá trừu tượng và thiên về trí tuệ của văn gia Pháp.

Bài học nghệ thuật của họ đã được nhiều nhà văn Pháp áp dụng, đề mang lại cho văn chương Pháp một sinh khí mới: Dos Passos đã gây nguồn cảm hứng cho Sartre, Hemingway đã thay đổi lối viết của Camus. Và nhiều nhà phê bình đã đồng thanh nhìn nhận rằng « sinh khí » của tiểu thuyết Pháp cận đại sở dĩ có chính là nhờ ảnh hưởng của nền văn chương Hoa-kỳ.

HOÀNG-VŨ

JOHN STEINBECK

Ngày 25 tháng 10 vừa qua, Hàn Lâm Viện Thụy-Điển đã quyết định trao tặng giải Văn chương Nobel 1962 cho nhà văn John Steinbeck. Ông là nhà văn thứ 6 của Hoa-kỳ chiếm được vinh dự lớn lao này sau Sinclair Lewis, Eugene O'Neill, Pearl Buck, William Faulkner và Ernest Hemingway.

Steinbeck sinh tại Salinas ngày 27 tháng 2 năm 1902, thuộc miền trung California.

Những dãy núi trùng điệp bao quanh Monterey và những thửa ruộng bao la phì nhiêu của thung lũng Salinas đã là khung cảnh cho những tác-phẩm giá trị nhất của Steinbeck.

Nhà văn này đã trưởng thành giữa đám nông dân nghèo khổ gốc Mỹ-Tây-Cơ, những con người hiền lành cần cù, chăm chỉ mà người ta thấy xuất hiện qua các trang của *Tortilla Flat* (1938) *In Dubious Battle* (1936), *Of Mice and Men* (1937) và *The Long Valley* (1938).

Năm 1940, Steinbeck chiếm giải Pulitzer với cuốn *The Grapes of Wrath*, một cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc di cư của đám dân gọi là « Okies », từ các vùng Oklahoma, Arkansas, Arizona và Texas, sau những năm đói kém mất mùa, kéo về miền tây, tới giải đất đầy hứa hẹn ở California.

Năm 1961, Steinbeck cho ra đời tập đoản thiên « *The Winter of Our Discontent* », mang lại cho ông giải Nobel.

Truyện ngắn *Johnny Bear* dịch đăng dưới đây rút trong tập đoản thiên *The Long Valley* xuất bản năm 1938, vào giữa thời kỳ mà ngòi bút Steinbeck còn chuyên tả cuộc sống của những kẻ nghèo nàn, khổ nạn.

John Steinbeck đã từng làm các nghề quét vôi, nhặt hoa quả, canh gác, ký giả chiến tranh trước khi nổi tiếng về nghiệp văn. Ông cũng là một nhà sản xuất phim ảnh, và một nhà soạn kịch.

JOHNNY BEAR

Làng Loma, đúng như tên gọi của nó được thiết lập trên một ngọn đồi thấp tròn, nhô lên như một hải đảo ở cửa thung lũng bằng phẳng Salinas thuộc miền trung California. Vì hướng đông và hướng bắc thì trấn, một giải đồng lầy đen bần chạy dài đến hàng dặm, nhưng về phía Nam nước đã được rút thoát đi khô ráo. Những thửa vườn rau nhờ đó được tốt tươi, rau cải hoa và rau diếp mọc xum xuê trên lớp đất đen màu mỡ.

Những người làm chủ cánh đồng ứng thủy ở phía bắc đã bắt đầu thêm muốn giải đất đen. Họ họp nhau lại, lập thành một nhóm khẩn hoang, đào kinh thoát nước. Tôi làm việc cho một công ty ký giao kèo đào một con lạch chạy qua cánh đồng. Máy đào nổi đã được chở tới, ráp nối và bắt đầu rút nước dồn vào con kinh chạy suốt dọc cánh đồng.

Một dạo tôi tình ở chung với nhóm công nhân trên ngôi nhà nổi, nhưng rồi hàng đàn muỗi cứ lần quất quanh nhà và mỗi đêm từng lớp sa mù dày đặc độc địa, len lén bốc lên khỏi mặt nước, trườn gần tới bờ đất, khiến tôi phải chuồn về làng Loma. Tại đây tôi mượn một căn phòng có đủ đồ đạc, trong nhà trọ của Bà Ratz ; một căn phòng tối tăm buồn tẻ nhất tôi chưa từng thấy. Lẽ ra tôi kiếm một nơi khác, nhưng nghĩ rằng thư từ của tôi đều gửi về địa chỉ của bà Ratz, nên tôi quyết định ở lại. Dù sao, tôi chỉ về ngủ tại căn phòng trống trơn lạnh lẽo này về ban đêm: còn hai bữa cơm, tôi đều ăn ở trên gian nhà nổi.

Dân cư ở Loma không có đến hai trăm người. Nhà Thờ Giám lý chiếm chỗ cao nhất trên ngọn đồi : ở xa hàng dặm cũng có thể trông thấy ngọn tháp chuông. Những nơi lui tới công cộng thì vốn vẹn gồm có hai tiệm bán thịt, một cửa hàng tạp hóa, một nhà Hội Masonic và tiệm rượu Buffalo. Những ngôi nhà nhỏ bằng gỗ, của dân chúng ở cả hai bên sườn đồi, còn ở giải đất bằng phẳng phía Nam là nhà của bọn điền chủ, thường thường là những mảnh vườn nhỏ chung quanh có hàng cây trắc bách diệp kết thành những bức tường cao để chắn gió lộng thổi ban chiều.

Buổi tối ở Loma chẳng có một thú giải trí nào, ngoài việc đi tới quán rượu, một ngôi nhà bằng gỗ cũ kỹ với những cánh cửa xoay và một vỉa hè lát ván. Sự ngăn cấm hay trừng phạt không hề làm thay đổi nếp sinh hoạt, sự lui tới của khách hàng hay phẩm chất rượu U-t-ky của quán này. Cứ khoảng chiều chiều, mọi dân trai tráng ở Loma từ mười lăm tuổi sắp lên, thế nào cũng phải tạt vào quán Buffalo ít ra là một lần, uống một ly rượu, tán gẫu trong chốc lát rồi mới trở về nhà.

Fat Carl, anh chàng chủ quán, tiếp đón mọi người khách mới tới với một vẻ lăm lăm tỉnh khô, không hề bao giờ gây được cảm tình, thân mật. Vẻ mặt hằn thật hăm tằm, mà giọng nói thì nhấm nhắng, khó ưa. Tôi không hiểu sao hần lại làm ra như thế. Tôi tự cảm thấy khoan khoái dễ chịu khi thấy Fat Carl, đã khá quen biết tôi nên mới quay bộ mặt lợn ỷ của hần về phía tôi mà hỏi với một vẻ hơi sốt sắng "Thế nào, uống gì đấy ?" Hần bao giờ cũng hỏi như vậy mặc dầu lúc nào cũng chỉ bán có một thứ rượu uýt-ky, và chỉ có một nhãn hiệu uýt-ky mà thôi. Có lần tôi thấy hần nghiêm nhiên từ chối không chịu vắt vài giọt chanh vào ly rượu cho một người khách lạ. Hần khoác một tấm khăn choàng ngay trước bụng và lau ly rượu vào tấm khăn ấy mỗi khi đi lại bên quầy rượu. Sàn quán lát bằng gỗ, trần bầm đầy mặt cửa, mấy chiếc ghế thì cứng nhắc, còn quầy rượu thì vốn là một quầy hàng cũ kỹ ; trên tường có mấy tấm bảng, danh thiếp và hình ảnh mà các ứng cử viên trong hạt, các khách thương và bọn người đi chiêu hàng đã gắn lên đó, tạo thành những món trang hoàng duy nhất của quán rượu. Có tấm đã cũ từ nhiều năm về trước. Tấm bảng kêu gọi được tái cử Cảnh Sát trưởng Rittal vẫn còn treo ra đó, mặc dầu Rittal chết đã được bảy năm rồi.

Ngay đối với tôi quán Buffalo trông có vẻ là một nơi thật khủng khiếp, nhưng mỗi khi ra đi trên quang đường khuya, thả bước trên vỉa hè lát ván, khi từng chuỗi sa mù từ cánh đồng lầy lội, tựa như những lá màn bản thủ, phấp phới quạt vào mặt, và rồi cuối cùng đầy toang hai cánh cửa nhà Fat Carl, nhìn vào bên trong thấy mọi người quây quần trò chuyện, nhậu nhẹt, và Fat Carl tiến về phía mình, thì kẻ cũng dễ chịu.

Trong quán rượu đang có một đám bài lá. Timothy Ratz, chồng mẹ chủ nhà của tôi, đang ngồi đánh bài một mình, ăn gian một cách vụng về, bởi vì anh ta chỉ uống một ly rượu mỗi khi giải xong một ván bài. Tôi đã thấy anh ta giải một loạt năm ván liền. Khi đã thắng cuộc, anh xếp gọn cỗ bài, đứng thẳng người, chừng chặc tiến về phía quầy rượu. Trước khi anh tới nơi, Fat Carl đã căn sẵn một ly rượu rỏ nửa chừng ở trong tay, và hỏi: "Uống gì?"

"Uýt-ky", Timothy đáp một cách trịnh trọng. Trong gian nhà dài, bọn người làm trong các trang trại, và những người ở thị trấn, ngồi trên những chiếc ghế thẳng cứng hay đứng dựa vào chiếc quầy cũ kỹ. Tiếng nói chuyện rì rầm trao đổi bằng một giọng đều đều, chỉ trừ thỉnh thoảng có những tiếng bực tức to lên, người ta mới thảo luận ồn ào. Tôi vốn ghét ra khỏi nhà về những đêm ẩm thấp, đề phải nghe tiếng máy Diesel và tiếng động chổi tai của ống bơm vọng lại từ cánh đồng lầy xa xôi, đề rồi lại quay trở về căn phòng tẻ ngắt của tôi, ở nhà của Ratz.

Sau khi tới Loma được ít lâu tôi làm quen được với một cô gái lai Mỹ-tây-cơ khá xinh đẹp, tên là Mac Romero. Thỉnh thoảng về buổi chiều tôi cùng nàng đi dạo ở phía nam ngọn đồi, cho tới khi lớp sương mù đề tiện đây chúng tôi quay về thị trấn. Sau khi đưa nàng về nhà, tôi ghé vào quán Buffalo trong chốc lát.

Một đêm tôi ngồi trò chuyện với anh chàng Alex Hartnell, chủ một cái trại nhỏ xinh xắn. Chúng tôi đang tán gẫu về chuyện câu cá mang-giờ đen, thì hai cánh cửa trước chợt mở toang và khép lại. Alex huých khuỷu tay vào tôi và nói: "Johnny Bear kia?" Tôi đảo mắt nhìn quanh.

Quả thực cái tên đã nói lên nhiều về con người hần hơn là tôi có thể mô tả. Hần tựa như một con gấu đồ sộ, ngu đần, đang nhoẻn miệng cười. Cái đầu với lớp tóc đen bù xù nhỏ hần ra phía trước và hai cánh tay dài buông thõng theo tựa hồ như hần đi bằng cả tứ chi và chỉ đứng người mỗi khi làm trò. Cặp giò thì ngắn và không khéo, với hai bàn chân vuông vắn kỳ dị. Hần khoác một chiếc áo màu xanh đậm, nhưng lại đi chân không; hai bàn chân trông rõ ràng không có vẻ gì méo mó vì tật bẩm sinh, mà lại vuông chẵn chẵn, ngang dọc bằng nhau. Hần đứng ở ngưỡng cửa, múa may hai tay như bọn phù thủy. Trên khuôn mặt hần nở một nụ cười vui sướng điên dại. Hần đi như bò lê về phía trước với khối người nặng nề thô kệch. Hần không đi như mọi người thường, mà như một loài thú vật săn mồi về ban đêm. Hần ngừng lại trước quầy rượu, cặp mắt long lanh tí hí diều khắp mặt mọi người, với vẻ mong đợi rồi cất tiếng hỏi: "Uýt-ky?"

Loma chẳng phải là một thị trấn quen với sự dãi dẳng. Một người chỉ mời người khác một ly rượu nếu chắc hẳn người kia lại mời trả mình ngay một ly khác. Tôi ngạc nhiên khi thấy một trong những người trầm lặng quăng một đồng tiền lên mặt quầy. Fat Carl rót đầy ly rượu. Con quái vật cầm lấy và nốc ực một hơi cạn ly.

Tôi buột miệng kêu: "Rõ thật quý sử...". Nhưng Alex đã thích khuỷu tay vào tôi và khẽ sụt.

Một tấn tuồng kỳ khôi bắt đầu diễn ra. Johnny Bear đi về phía cửa và quay trở lại bò lê xuống mặt sàn, khi tới giữa phòng hần gặp đôi người lại. Một giọng nói thoát ra khỏi cuống họng hần, một giọng nói quen thuộc đối với tôi.

“ Nhưng em quá xinh đẹp để sống trong một làng nhỏ hẻo lánh như thế này ».

Giọng nói chuyển sang một âm hưởng hòng nhẹ nhàng thanh thoát. “ Anh vừa mới nói với em như thế ».

Tôi suýt ngã đi. Máu dồn lên hai tai tôi. Mặt tôi nóng bừng. Đúng là giọng nói của tôi vừa lọt ra khỏi cổ họng Johnny Bear, lời nói của tôi, âm điệu của tôi. Và tiếp theo là giọng nói của Mac Romero — đúng hệt. Nếu tôi không nhìn thấy con người cúi lom khom ở mặt sàn kia, thì tôi đã réo tên nàng. Cuộc đối thoại vẫn tiếp diễn: Những câu chuyện như thế nghe thật lố bịch khi có một người nào khác nhại lại. Johnny Bear vẫn tiếp tục, hay có lẽ phải nói là tôi vẫn tiếp tục. Hắn kể chuyện và làm trò. Các bộ mặt trong phòng dần dần rời khỏi Johnny Bear quay về phía tôi, nhe xỉ ra. Tôi chờ người không thể làm gì được. Tôi biết là nếu tôi tìm cách ngăn hắn lại, tôi sẽ phải đập lộn với hắn, và tấn tuồng cứ thế kéo dài cho đến hết. Khi tấn tuồng chấm dứt, tôi vui mừng một cách hèn nhát thấy rằng Mac Romero không có một người anh em nào. Những tiếng nói thoát ra cửa miệng Johnny Bear nghe thật rõ ràng, y hệt, lố bịch. Cuối cùng hắn đứng thẳng người, vẫn cười cái nụ cười điên dại, và lại cất tiếng hỏi: “ Uýt-ky ? ».

Tôi thấy bốn người trong quán có vẻ ái ngại cho tôi. Họ quay nhìn đi nơi khác và cố ý nói chuyện với nhau. Johnny Bear đi tới cuối phòng, bỏ vào gầm một chiếc bàn tròn, cuộn gọn mình như một con chó và ngủ khi.

Alex Hartnell nhìn tôi, thương hại. “ Lần đầu tiên anh nghe thấy nó hả ? ».

“ Ừ. Hắn là đồ yêu quý gì thế ? ».

Alex im lặng một lát, không đề ý đến câu hỏi của tôi. “ Nếu có phải anh lo lắng cho thanh danh Mac, thì đừng ngại. Johnny Bear trước đây đã đi theo Mac ».

“ Nhưng nó làm cách nào mà nghe được câu chuyện của chúng tôi ? Tôi không hề trông thấy hắn ».

“ Không ai trông thấy hay nghe thấy Johnny Bear khi hắn rình mò. Hắn có thể đi lại lẹ làng như không cần phải cử động. Anh có biết bọn trai tráng trong làng mỗi khi đi chơi với bạn gái, họ phải làm thế nào không ? Họ phải dắt theo một con chó, chả bọn chó vốn sợ Johnny và chúng có thể đánh hơi thấy hắn tới gần ».

“ Nhưng mà, còn những giọng nói kia... »

Alex gật đầu. “ Tôi biết. Có mấy người trong bọn tôi đã viết thư lên trường Đại Học nói về trường hợp Johnny, và họ đã phải một nhân viên xuống đây. Anh này nghe qua rồi nói với chúng tôi về Blind Tom. Anh có nghe nói tới Blind Tom bao giờ không ?

“ Có phải cái anh chàng chơi đàn dương cầm người da đen ấy à ? Có, tôi có nghe nói ».

“ Ấy, chính hắn là một thứ yêu quái. Hắn nói thật khó khăn, nhưng có thể bắt chước được tất cả mọi nốt đàn dương cầm hắn đã được nghe qua, mà toàn là những nhạc dài tràng-giang. Có lần họ thử hắn với những nhạc sĩ cừ khôi và hắn đã dạo lại không những đầy đủ bản nhạc mà còn bắt chước được từng nét độc đáo của bọn nhạc sĩ kia. Để đánh lừa hắn, họ đã cố ý đánh lỗi nhịp ở một vài nơi, và hắn đã chơi lại hệt như thế, không sai một ly nào. Thằng Johnny Bear này cũng thế, có điều nó chỉ bắt chước được tiếng nói và giọng nói mà thôi. Nó đã được trác nghiệm với một đoạn văn dài bằng tiếng Hy-lạp và đã lặp lại không sót một chữ nào. Johnny chỉ bắt chước như vẹt thôi, chứ không hiểu một tí gì về những chữ nó nói cả. Nó cũng không có đủ trí khôn để mà bịa đặt thêm thắt một điều gì, thành thử anh có thể yên chí là nó nói đúng những gì nó nghe thấy đấy. »

“ Nhưng tại sao nó lại làm thế chứ ? Tại sao nó lại thích nghe ngóng nếu nó chẳng hiểu một tí gì cả. »

Alex cuộn một điếu thuốc lá và châm lửa. " Nó chẳng thiết đâu, nhưng tại nó thích ụt ky. Nó biết rằng nếu nó rình rập ở các cửa sổ rồi đến đây nhắc lại những điều nó nghe thấy thì sẽ có kẻ cho nó uống ụt-ky. Có lần nó định nhại câu chuyện của bà Ratz ở trong cửa tiệm hay những câu cãi vã của Jerry Noland với mẹ nó, nhưng với những mẩu chuyện ấy thì chẳng ai buồn cho nó uống rượu cả.

Tôi nói : " Không có ai cho nó một phát đạn khi nó đang rình ở cửa sổ, thì kẻ cũng buồn cười. »

Alex gõ vào điếu thuốc lá : " Bao nhiêu người đã định thế rồi, nhưng chẳng ai trông thấy nó và chẳng ai tóm được nó. Chỉ có cách là nhà nào nhà ấy đóng cửa lại. Đã thế, còn phải nói thật sẽ nếu không muốn câu chuyện bị nhắc lại. May cho anh là đêm nay tối trời đấy. Nếu nó trông thấy anh thì nó chẳng tha. Anh phải nhìn cái bộ mặt nó nghênh lên giả dạng con gái thì mới thấy thật là kinh tởm.

Tôi nhìn về phía Johnny Bear, nằm phoir dưới gầm bàn, lưng quay ra phía ngoài. Ánh sáng rọi vào lớp tóc đen dày của hắn. Tôi nhìn thấy một con nhặng lớn đáp xuống đầu hắn và tôi thề là mắt tôi rõ ràng trông thấy toàn thể bộ tóc hắn rung lên để xua ruồi bọ. Con nhặng đáp xuống lần nữa và lớp da đầu hắn lại rung lên để đuổi đi. Toàn thân tôi cũng rung lên, từ đầu đến chân.

Câu chuyện trong phòng lại bắt đầu rì rào theo một điệu đều đều. Fat Carl đã lau nhẵn bóng một chiếc ly với chiếc khăn choàng từ mười phút qua. Một nhóm người ngồi gần tôi đang bàn tán về chọi chó, chọi gà, và dần dần bàn sang chuyện chọi trâu. Alex ngồi cạnh tôi, nói : " Đi ra kia làm một ly đi. »

Chúng tôi bước về phía quầy rượu. Fat Carl đặt ra hai chiếc. " Uống gì ? »

Cả hai chúng tôi không ai trả lời. Carl rót ra một thứ ụt ky màu nâu. Hắn lăm lè nhìn tôi và một bên mắt hí của hắn nheo lại, vẻ trịnh trọng. Không hiểu sao tôi lại thấy khoái ở trong lòng. Carl quay đầu nhìn về chiếc bàn tròn. " Hắn chọc cậu, hả ? ».

Tôi nheo mắt đáp lại. " Bạn sau nhớ đem theo một con chó. » Tôi bắt chước câu nói lầu bầu của hắn. Chúng tôi uống cạn ly rượu và quay trở về chỗ ngồi. Timothy Ratz vừa giải xong một ván bài và sắp cỡ bài lại đi về phía quầy rượu.

Tôi đảo mắt về phía gầm bàn có Johnny Bear đang nằm. Bây giờ hắn đã thu tròn người lại. Khuôn mặt cười nụ, điên dại quay ra phía ngoài phòng. Hắn ngo ngoáy cái đầu và hau háu nhìn quanh như một con thú sắp sửa rời nơi ẩn nấp. Và rồi hắn trườn người ra ngoài, đứng phắt dậy. Trong cử chỉ của hắn, có một vẻ gì thật chướng kỳ. Người hắn như quặn lại, bất thành nhân dạng, thế mà hắn vẫn chuyển động khoan thai, không một chút cố gắng.

Johnny Bear lê mình từ phía cuối phòng đến quầy rượu, mỉm cười với những người hắn đi qua. Đứng trước quầy rượu, câu hỏi van lơn của hắn vọng lên " Ụt-ky ? Ụt ky ? ». Hai tiếng ấy thốt ra như một tiếng chim kêu. Tôi không biết loại chim gì, nhưng tôi đã từng nghe thấy tiếng chim như thế — hai tiếng ngân cao, nhắc đi nhắc lại một câu hỏi : " Ụt-ky ? Ụt-ky ? »

Tiếng nói chuyện trong phòng im bật, nhưng không một ai bước ra quãng tiền lên mặt quầy. Johnny mỉm cười thắm thiết ? " Ụt-ky ? Ụt-ky ? »

Thế rồi hắn tìm cách kêu gọi mấy người kia. Từ trong cuống họng của hắn một giọng đàn bà gằn dữ thoát ra. " Tôi đã bảo ông đây toàn là xương không ả. Hai mươi nhăm xu một cân, mà đến một nửa là xương ». Và kể đó một giọng đàn ông. " Vâng, thưa bà, tôi đâu có biết. Tôi sẽ bù cho bà một ít xúc xích. »

Johnny Bear nhìn quanh, chờ đợi. " Ụt-ky ? » Vẫn không ai buồn nhúc nhích. Johnny bỏ tới trước phòng và gập người xuống. Tôi nói khẽ " Hắn làm trò gì vậy ? » Alex : " Suyt. Nó đang nhìn qua khe cửa đấy. Nghe kia. » Một giọng

nói đàn bà, lạnh lùng, chắc nịch, ngắt từng tiếng. "Tôi không thể nào hiểu được chuyện này. Cô là một thứ quái vật hay sao? Tôi không thể nào tin được nếu không nhìn thấy cô."

Một giọng đàn bà khác đáp lại, một giọng nói thê thảm nhỏ nhẹ. "Có lẽ em là một con quái vật. Em không thể ngăn được. Em không thể ngăn được." "Cô phải ngăn được," giọng nói lạnh lùng cắt ngang. "Sao không chết quách đi cho rồi."

Tôi nghe thấy tiếng nấc nhẹ từ trên đôi môi đầy cười mỉm của Johnny Bear. Tiếng nấc của một người đàn bà tuyệt vọng. Tôi quay lại nhìn Alex. Hắn ngồi đờ người, hai mắt mở rộng, không chớp. Tôi vừa mở miệng để hỏi thì hắn đã ra dấu cho tôi im. Tôi liếc mắt quanh phòng. Tất cả đều ngồi sững, lắng nghe. Tiếng nấc ngừng. "Có bao giờ chị cảm thấy như vậy không? Chị Emalin?" Alex nín thở khi nghe thấy cái tên ấy. Giọng nói lạnh lùng đáp: "Chắc chắc là không."

"Không bao giờ về ban đêm? Không bao giờ... không bao giờ suốt đời chị sao?"

"Nếu tôi có cảm thấy", giọng nói lạnh lùng đáp, "nếu có bao giờ tôi cảm thấy như vậy, tôi sẽ cắt phần ấy ra khỏi tôi. Bây giờ thì đừng có rên rỉ nữa, Amy. Tôi không thể chịu được. Nếu cô không tự kiểm chế được, thì tôi sẽ liệu tìm cách chữa thuốc cho cô. Hãy đi đọc kinh đi."

Johnny Bear vẫn mỉm cười. "Uýt-ky?" Hai người lẳng lặng tiến ra đặt tiền lên mặt quầy. Fat Cart rót đầy hai ly rượu và, khi Johnny Bear nốc hết ly nọ đến ly kia, Carl lại rót đầy một ly khác. Mọi người đều biết như vậy là Carl đã cảm động tới mức nào. Johnny Bear mỉm cười với gian phòng rồi bỏ đi với cái điệu bộ bở lè của hắn. Hai cánh cửa gấp vào cùng một lúc sau lưng hắn, nhẹ nhàng, không một tiếng động.

Tiếng nói chuyện không hưng khởi trở lại. Dường như mỗi người trong phòng đều đang bận trí về một vấn đề cần phải giải quyết. Lần lượt từng người, họ bỏ đi và cánh cửa bật trở lại để lọt vào nhà từng nhúm sương mù bần thiêu. Alex đứng dậy bước ra khỏi quán rượu và tôi đi theo anh ta.

Bầu trời đêm thật bần thiêu với đám sương mù ma quái. Đám sương như bám vào các tòa nhà và vươn những cánh tay dài vung vẩy trong không khí. Tôi bước nhanh và bắt kịp Alex. "Thế là thế nào?" Tôi hỏi. "Tất cả những chuyện ấy là thế nào?"

Trong chốc lát tôi tưởng Alex không trả lời tôi. Nhưng bỗng anh đứng dừng lại, quay nhìn tôi, "Ồ, cái chuyện khốn ấy! Anh biết nơi nào thì cũng có những người quý phái, những gia đình không thể chê trách được. Emalin và Amy Hawkins là những người khá ái, những bậc nữ lưu quý phái ở vùng này. Ông Cụ trước kia vốn là nghệ sĩ. Tôi không ưa chuyện này, Johnny Bear đáng lý không được làm như vậy. Tại sao! Họ nuôi cho nó ăn. Bọn người kia không nên cho nó uống uýt ky mới phải. Nó sẽ rình mò ngôi nhà này cho mà xem... Bây giờ thì nó biết nó có thể kiếm được uýt ky bằng cách đó."

Tôi hỏi: "Các cô ấy có họ hàng với anh sao?"

"Không, nhưng họ là... Mà tại sao mới được chứ? Họ cũng như tất cả mọi người khác. Họ có một cái trại ở kế bên tôi. Có mấy người Trung Hoa làm rẽ khu trại ấy. Anh thấy, thật khó nói cho hết ý. Con gái họ nhà Hawkins là những người gương mẫu. Đây là những người mà chúng tôi thường nhắc nhở với con trẻ mỗi khi muốn... muốn... diễn tả thế nào là một con người tốt."

"Nhưng," tôi phản đối "Johnny Bear có nói câu nào xúc phạm tới họ đâu."

"Tôi không biết. Tôi không biết như thế là nghĩa lý gì. Tôi muốn nói, tôi không còn biết. Ồ, thôi chúng mình về đi ngủ đi. Tôi không đem theo chiếc xe

Forde lái đi bộ về nhà. » Anh ta rẽ ngang, rảo bước vào đám sương mù dần dần đặc quánh.

Tôi thả bộ về căn nhà trọ của bà Ratz. Tôi nghe văng tiếng máy Diesel từ phía cánh đồng xa và tiếng cái miệng thép khổng lồ ngốn đất dọc vùng lầy. Đêm nay là đêm thứ Bảy. Đến bảy giờ sáng Chúa Nhật thì máy xới đất ngừng chạy cho đến nửa đêm. Nghe tiếng máy chạy tôi biết là mọi sự đều êm thấm, không có gì trục trặc. Tôi trèo chiếc thang nhỏ hẹp lên đến buồng. Sau khi ngã mình trên giường tôi vẫn để ngọn đèn leo lét cháy và đưa mắt nhìn trần trụi lên mấy bông hoa bạc phếch vô vị trên lớp giấy dán tường. Tôi nghĩ đến hai giọng nói ban nãy thoát ra khỏi cửa miệng Johnny Bear. Đây là những giọng nói đích thực, chứ không phải những tiếng nhái lại.

Hồi tưởng lại những ngữ điệu, tôi cố hình dung ra hai người đàn bà, một người là Emalin với giọng nói lạnh lùng còn người kia là Amy với khuôn mặt bí hiểm, bơ thờ. Phải chăng đây chỉ là nỗi đau khổ có đơn của một thiếu phụ đã lỡ thì ? Tôi cảm thấy hình như không phải như thế, bởi lẽ trong giọng nói chua chát bao nỗi lo âu sợ hãi. Tôi ngủ thiếp đi, vẫn để đèn sáng và một lúc sau phải trở dậy tắt đèn.

Vào khoảng tám giờ sáng hôm sau, tôi băng qua cánh đồng lầy tới nơi đặt máy đào kinh, nhóm công nhân đang bận rộn buộc mấy giây thép mới vào ống xy lanh và cuộn sợi giây cáp cũ bỏ đi. Tôi nhìn qua công việc và vào khoảng mười một giờ quay trở về Loma. Trước cửa nhà bà Ratz, anh Alex Hartnell đang ngồi trong chiếc xe Ford. Anh gọi tôi, "Tôi vừa ra trạm máy tìm Anh. Sáng nay tôi hạ một cặp gà, nghĩ rằng có thể mời anh đến chiều cố giùm cho ».

Tôi vui vẻ nhận lời. Anh đầu bếp của bọn tôi là một tay nấu ăn khéo léo, một anh chàng phục phịch, bì thịt; nhưng hồi gần đây tôi thấy không ưa hẳn nữa. Hẳn hút thuốc lá Cuba, cầm trong một ống điếu bằng tre. Tôi không thích cái lối hẳn vận mấy đầu ngón tay vào buổi sáng. Tay hẳn sạch sẽ như tay một người thợ xay bột. Từ trước tôi vẫn không hiểu tại sao người ta lại gọi mấy con thiếu thân nhỏ xiu là mối say bột. Dầu sao tôi cũng trèo lên chiếc xe Ford ngồi cạnh Alex và chúng tôi phóng xuống chân đồi tới vùng đất giàu có ở phía tây nam. Mặt trời sáng chiếu trên đất đen. Hồi còn nhỏ, một đứa trẻ theo đạo Công giáo bảo tôi rằng mặt trời luôn luôn chói sáng vào ngày chủ-nhật, bởi vì ngày ấy là ngày của Chúa. Tôi vẫn định bụng nghiệm xem có đúng không. Chúng tôi đã tới khu đất bằng.

Alex nói lớn "Anh nhớ chị em nhà Hawkins chứ ? ».

"Có tôi có nhớ ».

Anh chỉ về phía trước. "Nhà kia kia».

Tôi chỉ nhìn thấy một phần ngôi nhà, vì chung quanh có một hàng rào trắc bách diệp dày và cao bao bọc. Bên trong chắc thế nào cũng phải có thêm một khu vườn nhỏ nhẩn nữa. Duy chỉ có mái nhà và phần trên các cửa sổ là nhô ra khỏi hàng rào. Tôi có thể thấy ngôi nhà quét vôi màu xám, điểm những nét nâu xám, một loại hòa sắc thường thấy ở các nhà ga và trường học trong vùng California.

Ở phía trước và mé cạnh hàng rào có hai cánh cổng nhỏ. Chuồng ngựa ở ngoài hàng rào xanh, bên rìa nhà. Hàng rào được cắt xén vuông vắn, trông thật rậm và chắc.

Alex nói lớn qua tiếng máy xe hơi, "Hàng rào chắn hết cả gió ».

Tôi nói "Nhưng không ngăn được Johnny Bear». Gương mặt Alex thoáng sầm xuống, Anh trở về phía một ngôi nhà vuông quét vôi trắng ở ngay giữa cánh đồng. "Bọn Tàu cấy rẽ ở đằng kia. Chúng làm khỏe đất đấy. Tôi ước gì có một vi tên tá điền như bọn đó».

Vừa lúc ấy, từ phía sau góc hàng rào, một con ngựa nhô ra và rẽ lên đường. Con ngựa xám, già, nhưng được săn sóc cẩn thận, yên cương bóng nhoáng. Mỗi bên lá vĩa che mắt ngựa, có nạm một chữ H lớn bằng bạc. Tôi thấy cái giây cương có vẻ ngắn quá đối với một con ngựa già như thế.

Alex nói lớn "Mấy bà kia kia. Họ đang đi đến nhà thờ".

Chúng tôi bỏ mũ, ngẩng đầu chào hai người đàn bà khi họ đi qua, và các bà gật đầu đáp lễ. Tôi nhìn thấy rõ họ và xúc động lạ lùng. Quả gần đúng hệt như tôi đã hình dung. Johnny Bear còn quái quỷ hơn là tôi tưởng, nếu chỉ với giọng nói, hẳn có thể mô tả được hình dáng con người. Tôi chẳng cần phải hỏi xem ai là Emalin và ai là Amy. Hai mắt nhìn thẳng, sáng ngời, cái cằm nhọn cương nghị, cái miệng sắc, đều, tựa như miếng kính được cắt bằng kim cương, gương mặt lạnh lùng, bình thản; đấy đích thị là Emalin.

Amy trông rất giống Emalin, nhưng cũng thực khác xa. Vóc dáng Amy dịu dàng, thanh tú. Cặp mắt nồng nhiệt, đôi môi đầy đặn. Ngực Amy có nhô lên, tuy thế trông nàng vẫn giống Emalin. Nhưng nếu miệng Emalin mím thẳng một cách tự nhiên, thì Amy lại cố bặm môi lại. Emalin phải đến năm mươi hay năm mươi lăm tuổi và Amy trẻ hơn khoảng mười tuổi. Tôi chỉ được nhìn hai người có một lúc, và không bao giờ gặp lại họ nữa. Tôi lấy làm lạ là ở trên đời này tôi chưa từng gặp người nào khả kính hơn hai thiếu phụ ấy.

Alex nói lớn "Anh đã hiểu tôi muốn nói những người quý phái là thế nào chưa?". Tôi gật đầu. Điều đó thật dễ nhận thấy. Một đoàn thể tất phải cảm thấy an lòng có những bà như vậy. Một nơi như làng Loma này, với sương mù, với cánh đồng lầy bao la như một tội lỗi ghê tởm, phải cần tới, quả phải cần tới các bà họ nhà Hawkins. Trong một vài năm nữa, không khéo người ta sẽ phải rời trí lên, nếu các bà kia không còn đó để mà cầm cân nảy mực...

Bữa cơm ở nhà Alex thật ngon lành. Cô em gái Alex chiên gà với bơ và làm các món khác rất thơm tất, Tôi lại càng nghi ngờ và thấy khó thương anh chàng đầu bếp của tôi. Chúng tôi ngồi quây trong phòng ăn và thưởng thức thứ rượu mạnh hảo hạng.

Tôi nói "Tôi không hiểu sao anh lại còn đến quán Buffalo làm gì. Rượu ở đấy thật là..." "Tôi biết." Alex nói. "Nhưng Buffalo là đầu não của chúng ta. Đấy cũng như tờ báo, rạp hát và lạc câu bộ của bọn mình."

Quả đúng như vậy, khi Alex rời máy chiếc xe Ford và sửa soạn đưa tôi về nhà, thì cả tôi và Alex đều cảm thấy chúng tôi cần phải ghé vào quán Buffalo trong một vài tiếng đồng hồ.

Chúng tôi đã gần tới thị trấn. Ánh đèn xe yếu ớt tỏa trên mặt đường. Một chiếc xe khác chạy ngược về phía chúng tôi. Alex lái xe chặn ngang giữa đường và ngừng lại. Anh cất nghĩa: "Đấy là bác sĩ Holmes. Chiếc xe đang chạy tới chồm hẳn lên vì không thể đi vòng qua chúng tôi. Alex gọi: "Này, Bác Sĩ, tôi đang đi tìm bác sĩ để nhờ xem cho em tôi. Nó bị cái nhọt ở cuống họng."

Bác sĩ Holmes nói với lại. "Được rồi, tôi sẽ xem cho. Đẩy xe ra. Tôi đang vội" Alex vẫn cố hỏi. "Ai đau thế, Bác Sĩ?" "Ai à? Cô Amy hơi khó ở. Cô Emalin gọi giầy nói bảo tôi phải đến ngay. Có tránh ra không nào?"

Alex cho xe lùi lại, nhường bác sĩ đi qua. Chúng tôi lại tiếp tục đi. Tôi đang định bảo đêm nay trời thật quang đãng, thì nhìn ra phía trước, tôi thấy một chuỗi sương mù từ phía đồng lầy bò quanh chân đồi và tựa như những con rắn chậm chạp, leo dần lên đỉnh ngọn Loma. Chiếc xe Ford găm lên ngừng trước cửa quán Buffalo. Chúng tôi bước vào.

Fat Carl đang lau một chiếc ly vào những khăn choàng của hắn, tiến lại

chúng tôi. “Uống gì đây?” “Uýt-ky.” Một nụ cười yếu ớt thoáng qua bộ mặt bị xỉ lăm lỳ của hắn. Gian phòng đầy những người. Nhóm thợ làm của tôi có cả ở đây, trừ anh đầu bếp. Chắc hẳn hắn đang ở trên thuyền, hút thuốc Cuba trong một ống điếu bằng tre. Hắn không uống rượu. Thế cũng đủ cho tôi nghi ngờ hắn. Hai tay làm trên cầu nổi, một người coi máy và ba tay phụ cần trục đều có ở đây. Mấy người này đang bàn về việc đốn một cây gỗ.

Đây là quán rượu hiền lành nhất mà tôi chưa từng thấy. Không hề có một vụ đập lộn nào, cũng chẳng có nhiều hát hổng và những trò diễu. Có lẽ cặp mắt lừ lừ của Fat Carl một phần nào đã làm cho sự uống rượu hóa thành một công việc êm ả, kiến hiệu hơn là một trò chơi huyền ảo. Timothy Ratz đang ngồi giải ván bài một mình bên chiếc bàn tròn. Alex và tôi uống rượu uýt-ky. Trong phòng không còn một chiếc ghế trống nào, thành thử chúng tôi đứng dựa vào quầy rượu, nói chuyện về thể thao, chợ búa và các trò chơi lẳng nhăng, nghĩa là những câu chuyện vớ vẩn ở quán rượu. Thỉnh thoảng chúng tôi gọi thêm một ly rượu khác. Chúng tôi la cà như thế có nhẽ đến hai tiếng đồng hồ. Alex đã nói anh muốn về nhà, và tôi cũng muốn về. Bọn thợ đào kinh đã lũ lượt kéo ra, vì họ phải khởi sự công việc vào nửa đêm.

Hai cánh cửa bật ra lặng lẽ, và Johnny Bear luồn vào phòng, đu đưa hai cánh tay dài, gật gù cái đầu to tướng bù xù những tóc, nhìn quanh mỉm cười điên dại. Hai bàn chân vuông vắn của hắn bước nhẹ như chân mèo.

Hắn sẽ hét: “Uýt-ky?” Không một ai chú ý khuyến khích hắn cả. Thế là hắn bỏ món hàng của hắn ra. Hắn gặp người xuống y hệt như cái bữa hắn chọc tôi, để lọt ra những âm mũi nghe như tiếng hát. Tôi đoán là tiếng Tàu. Và rồi dường như cũng những tiếng ấy được nhắc lại bằng một giọng khác, chậm hơn và không phải giọng mũi. Johnny Bear ngừng cái đầu rậm rạp lên và hỏi “Uýt-ky?” Hắn đứng xồm trên hai bàn chân một cách dễ dàng không chút cố gắng. Tôi chú ý muốn xem hắn làm trò. Tôi đẩy nhẹ hai hào rười lên mặt quầy. Thế là Johnny được uống rượu. Một lát sau tôi thấy tiếc, phải chi tôi đừng làm như thế. Tôi sợ không dám nhìn Alex: bởi Johnny đã bỏ ra giữa phòng và làm ra dáng ghé tai vào cửa sổ.

Giọng nói lạnh lùng của Emalin cất lên “Đi nó ở trong này, thưa Bác-sĩ.” Tôi nhắm mắt, hắn cứ tiếp tục nói. Bắt đầu là giọng nói của Emalin Hawkins.

Tôi đã từng nghe giọng nói của vị Bác-sĩ gặp ở dọc đường, và bây giờ đích thực giọng nói của ông ta đang đáp “A!.. Có bảo ngất đi phải không?”

“Thưa Bác-sĩ, vâng.”

Ngưng một lát, kể lại đến giọng nói của Bác-sĩ, rất dịu dàng “Tại sao cô ấy lại làm như thế hở Emalin?”

“Tại sao cô ấy lại làm cái gì kia?” Câu hỏi dường như đượm một nỗi lo âu

“Emalin! Tôi là thầy thuốc của cô. Tôi cũng đã từng là thầy thuốc của bà cô. Cô phải nói cho tôi biết rõ mọi chuyện. Cô tưởng tôi không nhìn thấy cái vệt này ở cổ từ trước hay sao? Cô ấy treo cổ được bao lâu thì cô đỡ cô ấy xuống?”

Im lặng một lúc lâu. Giọng nói của người đàn bà không còn lạnh lùng nữa giọng nói nhẹ như hơi thở “Hai hay ba phút gì đó. Đi nó không việc gì chứ Bác-sĩ?” “Ồ, không sao! Cô ấy lại khỏe ngay mà, chả đến nỗi nào đâu. Tại sao cô ấy lại làm thế mới được chứ?”

Giọng nói đáp lại còn lạnh hơn là lúc ban đầu. Lạnh như tiền “Thưa ông tôi không biết.”

“Cô định nói cô không muốn kể cho tôi biết!”

“Tôi định nói điều tôi nói.”

Tôi đoán là giọng vị Bác-sĩ tiếp tục chỉ dẫn cách dùng thuốc, bảo bệnh nhân nghỉ ngơi, dùng sữa và uống chút ít ỳt-ky. “Dầu sao, cô cũng nên tử tế với cô ta.” Ông nói. “Điều cần nhất là nên tử tế với cô ta.” Giọng Emalin hơi run run; “Ông sẽ không bao giờ kể lại chứ, Bác-sĩ?”

“Tôi là thầy thuốc của cô” ông nói dịu dàng; “tất nhiên tôi sẽ không kể lại. Tối nay tôi cho người đem một ít thuốc an-thần đến cho cô.”

“Ỗt-ky” Tôi dương mắt nhìn. Nụ cười ghê rợn của Johnny Bear bao quanh phòng.

Mọi người im lặng, xấu hổ. Fat Carl cúi nhìn xuống sàn nhà. Tôi quay về phía Alex, ân hận vì chính tại tôi mà ra cơ sự này. Tôi nói: “Tôi không nghĩ là nó sẽ làm như vậy. Tôi xin lỗi.”

Tôi bước ra khỏi cửa và trở về căn buồng hiu quạnh ở nhà bà Ratz. Tôi mở toang cửa sổ nhìn ra ngoài trời đầy một thứ mây mù đặc quánh, cuộn cuộn, chấp chùng trôi đi từng đợt xa xa, trên vũng đồng lầy tiếng máy Diesel bắt đầu chạy, mỗi lúc một nhanh dần. Một lát sau tiếng máy đào kinh cũng vọng lại.

Buổi sáng hôm sau, những tai nạn lao động thông thường kế tiếp xảy ra. Một trong những giây cáp mới bị tuột văng đi để rơi ống bơm xuống chiếc cầu nổi, chìm ngấm dưới nước sâu đến tám bộ. Khi chúng tôi gỡ được một sợi giây kéo ra khỏi mặt nước, sợi giây lại tuột đi, nghiêng rớt hai bắp vế của một người thợ. Chúng tôi băng bó cho anh ta và cấp tốc đưa anh về Salinas. Thế rồi lại đến các vụ rắc rối nhỏ khác. Một tay thợ cần trục bị nhiễm độc vì một vết xước nhỏ. Sau cùng, tôi vớ được anh đầu bếp định bán trộm một hộp thức ăn cho người thợ máy, khiến tôi không còn nghi ngờ gì về anh ta nữa. Tất cả những chuyện lòi thòi ấy gộp lại làm cho đời sống ở đây không lấy gì làm êm thấm cho lắm. Phải mất đến hai tuần lễ, chúng tôi mới bắt đầu trở lại với một chiếc cầu nổi mới, một người thợ và một người đầu bếp khác.

Anh đầu bếp mới này là một anh chàng nhỏ nhắn, nước da ngăm ngăm với chiếc mũi dài. Anh có biệt tài là phỉnh nịnh rất khéo.

Sự tiếp xúc của tôi với cuộc sống ở Loma đã chán ngấy. Nhưng một đêm khi tiếng máy đào kinh đã khuya đều trong vũng bùn và chiếc máy Diesel cũ kỹ lại nổ dòn trên cánh đồng xa, tôi ra khỏi nhà, đi đến trại Alex Harnett. Khi đi qua nhà Hawkins tôi ghé nhìn vào cánh cổng nhỏ lần trong hàng rào trắc bách-diệp. Một tia sáng yếu ớt lọt qua kẽ cửa sổ khiến căn nhà đã tối đen, lại càng thêm vẻ âm u. Đêm ấy có làn gió nhẹ thổi, đầy những nắm sương mù tròn như những cuộn cỏ rối chạy trên mặt đất. Lúc thì tôi đi trên quang đường trống, lát sau bị nuốt chửng trong lớp sương dày đặc, và rồi lại đến một khoảng trống trơn.

Dưới ánh sao, những vệt sương tròn óng ánh như bạc lăn qua các cánh đồng. Tôi thoáng nghe như có tiếng rên rỉ trống sân nhà Hawkins ở phía sau hàng rào, và khi bỗng dưng thoát ra khỏi lớp sương mù, tôi trông thấy một bóng đen vội vã đi dọc theo cánh đồng. Nhìn bước đi hần trên đường tôi biết đó là một trong những tá điền người Tàu, chân mang dép. Bọn người Tàu ăn nhiều thứ cần phải sẵn vào ban đêm.

Anh Alex ra mở cửa và lộ vẻ vui mừng khi nhìn thấy tôi. Cô em anh không có nhà. Tôi ngồi xuống bên lò sưởi và anh đem ra một chai rượu ngon. Anh nói “Tôi nghe anh gặp một vài chuyện phiền phức.”

Tôi cắt nghĩa nỗi khó khăn. “Thật họa vô đơn chí. Bọn người làm đã nghiệm là các tai nạn thường xảy ra từng loạt năm, bảy vụ liền.”

Alex gật đầu. “Tôi cũng nhận thấy thế.”

Tôi hỏi. "Chị em nhà Hawkins ra sao? Tôi nghe như có tiếng người khóc khi đi ngang qua đó tới đây." Alex nửa như muốn nói nửa như ngần ngại khi đã động đến chị em nhà Hawkins "Tôi có ghé thăm cách đây một tuần lễ. Cô Amy không được khỏe lắm. Tôi không được gặp. Tôi chỉ gặp Emalin thôi." Rồi Alex buột miệng "Có chuyện gì ở trong nhà này, có chuyện gì đây..." Tôi nói: "Anh thì cũng gần như người nhà của họ."

"Thực ra thì ông cụ thân sinh ra các cô ấy và ba tôi là chỗ bạn thiết. Chúng tôi vẫn gọi hai cô ấy là Di Amy và Di Emalin. Họ chẳng có thể làm điều gì xấu cả. Thực là một điều không hay cho bất cứ một ai trong chúng ta, nếu chị em họ Hawkins không còn là chị em Hawkins nữa."

Tôi hỏi: "Phải chăng đó là khuôn mẫu của xã hội chúng ta?"

Anh hét lớn: "Là cái gì tốt đẹp nhất. Là nơi mà một đứa trẻ có thể tìm thấy bánh ăn, một thiếu nữ có thể tìm thấy sự an ổn. Họ kiêu hãnh, nhưng họ tin tưởng ở những điều chúng ta hy vọng là đúng. Và họ sống... tựa hồ như... tựa hồ như sự trung thực quả đúng là đường lối đẹp nhất và lòng từ thiện quả đúng là phần thưởng của chúng ta. Chúng ta cần phải có họ."

"Tôi hiểu."

"Nhưng cô Emalin đang chống chọi với một sự gì kinh khủng lắm và... tôi không chắc là cô ấy sẽ thắng lướt."

"Anh định nói gì?"

"Tôi không biết tôi định nói gì? Nhưng tôi nghĩ tôi phải bắn chết thằng Johnny Bear và quăng nó ra cánh đồng. Thực thà tôi đã nghĩ như vậy."

Tôi cãi lại: "Nhưng không phải lỗi của nó. Nó chẳng qua là một thứ máy ghi âm và phát âm, có điều thay vì dùng một đồng hào, thì người ta quăng ra một ly ụýt-ky."

Chúng tôi chuyện vãn một lát rồi tôi trở về Loma. Tôi thấy hình như đám sương mù cứ quanh quẩn ở hàng rào trắc bách diệp nhà Hawkins, và tôi thấy hình như vô số những quả sương tròn vây chung quanh nhà ấy trong khi những đám sương khác từ từ len lỏi vào bên trong. Tôi tủm tủm cười bước đi trên đường, theo cái lối mà tri óc con người có thể dàn xếp cho cử chỉ bên ngoài ăn khớp với ý nghĩ của mình. Trong nhà không có một ánh đèn khi tôi đi qua.

Công việc của tôi đã khá điều hòa. Chiếc máy đào đã xén được một con lạch ở ngay phía trước. Toán thợ làm cũng cảm thấy mọi sự rắc rối không còn nữa, thành thử cũng đỡ phiền. Được cái là anh đầu bếp mới khéo phỉnh họ đến nỗi, giả bảo họ ăn cả xi-măng họ cũng ăn — Lối cư xử của anh đầu bếp có tác dụng làm vui sướng bọn thợ, nhiều hơn là các món ăn của anh ta.

Vào một buổi chiều cách một hôm sau bữa tôi đến thăm Alex, tôi thả bước trên vỉa hè gỗ, rẽ vào quán Buffalo, kéo theo sau cả một chuỗi sương mù. (Fat Carl tiến về phía tôi, tay lau một ly ụýt-ky. Tôi gọi lớn "ụýt-ky" trước khi hắn kịp hỏi tôi uống gì. Tôi cầm ly rượu đi về phía một chiếc ghế thẳng. Alex không có đây. Timothy Ratz đang ngồi đánh bài một mình và hắn hên một cách kỳ quặc. Hắn ta thắng bốn lần liền, và mỗi lần thắng là một ly rượu. Mỗi lúc trong quán lại thêm đông người. Tôi không biết chúng tôi sẽ làm gì nếu không có quán Buffalo.

Vào khoảng 10 giờ thì có tin đưa tới. Về sau nghĩ lại chuyện này, không ai tài nào có thể nhớ được nó bắt nguồn từ đâu. Một kẻ nào đó bước vào quán, một tiếng thì thầm; thế là tức thì mọi người đều biết chuyện gì đã xảy ra, biết rõ mọi chi tiết. Cô Amy đã tự tử. Ai nói ra câu chuyện này? Tôi không biết. Cô đã tự treo cổ. Trong quán người ta không bàn tán nhiều. Tôi nhận thấy mọi người muốn biết

thằng câu chuyện. Đó là điều họ không muốn tượng ra được. Từng nhóm người đứng rì rầm nói chuyện.

Hai cánh cửa từ từ mở và Johnny Bear luồn vào, với cái đầu to tướng cuộn tròn những tóc, với nụ cười ngu độn trên mặt hắn. Hai bàn chân vuông vắn của hắn trườn đi nhẹ nhàng trên sàn gỗ. Hắn nhìn quanh và hét: "Uýt-ky? Uýt-ky cho Johnny?"

Bây giờ thì bọn người kia thực tình muốn biết. Họ xấu hổ vì muốn biết chuyện, nhưng toàn thể cái hệ thống trí não của họ đòi hỏi sự hiểu biết. Fat Carl rót đầy một ly rượu. Timothy Razi đặt cổ bài xuống và đứng lên. Johnny Bear uống uýt-ky. Tôi nhắm mắt.

Câu hỏi của vị bác sĩ cộc lốc "Cô ấy nằm đâu, Emalin?" Tôi chưa từng bao giờ nghe một giọng nói nào như giọng nói đang trả lời vị bác sĩ: một sự kiềm chế lạnh lùng, một sự kiềm chế luôn luôn được bồi đắp, nhưng là một thứ lạnh lùng nào lòng nhất. Giọng nói đều đều, không cảm động, thế mà các âm thanh rung lên vẫn nào nuốt làm sao. "Dì nó nằm đây, thưa Bác-sĩ."

"Hừ". Im một lúc lâu. "Cô ấy treo cổ lâu rồi sao?"

"Tôi không biết bao lâu, thưa bác sĩ."

"Tại sao cô ấy làm vậy, Emalin?"

Giọng nói lại đều đều. "Tôi không biết, thưa bác sĩ". Một lúc lâu hơn, và rồi: "Hừ, Emalin, cô có biết là cô ấy sẵn có con không?"

Giọng nói lạnh lùng vỡ ra, để lộ một tiếng thở dài "Có, thưa bác sĩ", thật là khế.

"Nếu có phải vì thế mà cô để lâu không đi tìm cô ấy... không, Emalin, tôi không định nói thế..."

Giọng nói Emalin trở lại bình tĩnh "Liệu bác sĩ có thể làm giấy chứng nhận mà không ghi..."

"Chắc chắn là có thể, điều đó được mà. Tôi cũng sẽ nói với người nhà xe đò. Cô chẳng cần phải bận tâm."

"Cám ơn, bác sĩ."

"Bây giờ tôi đi gọi giầy nói. Tôi sẽ không để cô ở đây một mình. Đi sang phòng bên này, Emalin. Tôi sẽ cho cô một liều thuốc an thần..."

"Uýt-ky? Uýt-ky cho Johnny?" Tôi nhìn nụ cười và cái đầu bù xù. Fat Carl rót đầy một ly khác. Johnny nốc cạn ly rượu rồi bỏ tới cuối phòng chui xuống gầm bàn nằm ngủ.

Không một ai hé răng. Bọn người trong quán tiến tới bên quầy rượu và lặng lẽ quăng ra những đồng tiền. Họ có vẻ ngỡ ngác như những người mất hồn, vì cả một hệ thống đã sụp đổ. Vài phút sau Alex bước vào gian phòng im lặng. Anh tiến nhanh về phía tôi, khẽ hỏi: "Anh đã nghe thấy hả?"

"Ừ".

"Tôi vẫn ngại mà", anh la lớn. "Cách đây mấy hôm tôi đã bảo với anh. Tôi vẫn ngại mà."

Tôi nói: "Anh có biết là cô ấy có thai không?"

Alex đờ người. Anh đưa mắt nhìn quanh gian phòng rồi lại nhìn tôi. Anh hỏi: "Johnny Bear?"

Tôi gật đầu.

Alex đưa tay lên dụi mắt. "Tôi không tin". Tôi vừa định hỏi thì nghe thấy

tiếng sột soạt và quay nhìn lại cuối phòng. Johnny Bear nhào người tựa như một con chồn chui ra khỏi miệng hố, đứng thẳng người và lê tới quầy rượu.

“Uýt-ky?” Hắn nhìn Fat Carl, mỉm cười, mong đợi. Liền đó Alex bước ra, nói với mọi người trong phòng. “Bây giờ thì các người nghe tôi? Như thế này là quá lắm rồi. Tôi không còn muốn thấy như vậy nữa.” Anh sẽ thất vọng, nếu anh chờ đợi sự phản đối. Tôi thấy mọi người nhìn nhau, gật đầu.

“Uýt-ky cho Johnny?”

Alex quay về phía tên ngu độn. “Mày phải biết tự xấu hổ. Cô Amy cho mày cơm ăn, áo mặc; những thứ mà mày chưa từng có.”

Johnny mỉm cười với Alex “Uýt-ky?”

Hắn dờ ngón sở trường của hắn ra. Tôi nghe thấy một thứ tiếng giọng mũi véo von tựa hồ như tiếng Trung-Hoa.

Alex có vẻ yên lòng.

Thế rồi một giọng nói khác, ngập ngừng, chậm chạp, nhắc lại những tiếng kia, nhưng không có âm mũi.

Alex vụt phóng người ra, mau như chớp đến nỗi tôi không kịp nhìn thấy cử chỉ của anh. Năm tay Alex đập xuống cái miệng mỉm cười của Johnny Bear. Anh thét lớn “Tao đã bảo mày, thế là quá đủ rồi.”

Johnny Bear lấy lại thế thăng bằng. Môi hắn nứt ra, chảy máu, nhưng nụ cười vẫn còn đó. Hắn tiến lên chậm chạp, nhẹ nhàng. Hai cánh tay hắn giơ ra, vịn xoắn người Alex lại tựa như những cái vôi con bạch tuộc bóp nát một con cua.

Alex ngheo người về phía sau. Tôi vội nhẩy ra, nắm lấy một cánh tay, bẻ quặt lại, nhưng không tài nào gỡ ra nổi. Fat Carl lộn nhào qua quầy, tay cầm một cái khóa mở nút thùng rượu. Anh đập lên chiếc đầu đầy tóc cho đến khi hai cánh tay buông ra và Johnny Bear gục xuống. Tôi đỡ Alex ngồi lên một chiếc ghế. “Anh có việc gì không?”

Alex cố lấy lại hơi thở. Anh nói. “Có lẽ lưng tôi bị sái. Rồi sẽ khỏi, không việc gì.”

“Có chiếc xe của anh ở ngoài ấy không? Tôi đưa anh về.” Dọc đường, Alex và tôi, không ai nhìn vào nhà Hawkins. Mắt tôi không rời khỏi mặt đường. Tôi đưa Alex vào nhà, đỡ anh nằm lên giường và dội đầy rượu mạnh vào người anh. Suốt dọc đường, anh không nói một lời nào. Nhưng sau khi nằm trên giường rồi anh mới hỏi “Anh không nghĩ là có người nghe thấy chứ? Tôi chặn hắn vừa đúng lúc. Phải thế không?”

“Anh đang nói về chuyện gì mới được chứ? Tôi vẫn không hiểu tại sao anh lại đánh nó.”

Anh nói: “Này anh ạ. Vì cái lưng này, tôi sẽ phải nằm nhà trong ít lâu. Hễ thấy có ai nói điều gì, anh hãy ngăn lại, nghe không! Đừng để bọn họ nói một điều gì!”

“Tôi không hiểu anh nói gì cả.”

Anh nhìn thẳng vào mắt tôi trong giây lát. Anh nói: “Tôi nghĩ có thể tin ở anh. Cái giọng nói thứ hai ấy... là giọng cô Amy.”

NGUYỄN HẢI-GIAO

dịch

vết thương

I

Tiếng nước nào chảy trong lòng bàn tay
Giọng ca nào đổ xuống vai này
Em mùa thu môi mọng
Tà áo bay tà áo bay,
Ôi ! Bóng hồn xuống chậm.
Những con chim sáo nhỏ trên trời
Chẳng bao giờ buồn nghe bão tố
Và chúng tôi những người
Của thế-kỷ hai mươi — dẫn-vật u-uất
Ôi ! Những đám mây mùa thu không trở lại
Trên đôi chân gầy — đá — sỏi khô — chết — tình yêu.
Ôi ! Một sớm một chiều
Tóc em thành cuồng-phong mắt em thành lửa-biên
Anh làm thơ bằng nửa-phiến-tim-buồn
Và gọi dậy thời gian gọi dậy
Huyền-bí đông-phương.

2

Từ giã lâu rồi đồng-xanh-khô-cỏ
Mái lều xa đốm-lửa-khuya rừng
Thành-phố nơi đây khoác áo chiến-binh.
Trường vôi loang-lổ
Anh nhìn đó bao bài thơ bỏ-dở
Cọng rêu xanh đâm suốt linh-hồn
Từng đàn xe chạy từng nụ cười vang
Bước chân cầm-thạch
Anh nhìn đó một mặt trời mới mọc
Sóng xô dồn bãi cát-trắng-hồng-gương
Loài sò-ốc đọng mù sương
Thở-lên thở-lên hấp-hối.
Anh nhìn đó và mùa thu đi vội.

3

Xin về trong thư-viện
Xin về trước thánh đường
Bàn tay em lật trang kinh cầu-nguyện
Những chòm lá xanh bắt đầu tàn rụng
Âm-vang không trung
Ôi ! Nước mắt — nụ cười — rêu xanh — lửa biển
Móng tay dài vuốt nhọn tình-yêu
Em còn đó giấc ngủ buổi chiều
Mùa thu rắc phấn trên trời rộng
Chúng tôi áo mềm vai nặng
Hồn-gọi-xưa bỗng tiếng thì-thầm
Bom-đạn —

TỰ-DO LINH-HỒN

DOÃN QUỐC-SỸ

(tiếp theo)

III

Ba giờ rưỡi gà gáy sáng, bốn giờ gà gáy sáng, bốn giờ rưỡi gà gáy sáng. Thanh mở cửa ra sân, đỉnh trời mây có nhiều vết màu xám từ chân trời dâng lên màu ánh sáng vàng nhạt hời hợt. Thấp thoáng ánh đèn đây đó lọt qua khe cửa như tương tư nhau, vẫy nhau thăm lặng. Sáng chủ nhật này Thanh đến tìm Lãng rồi Kha từ sớm. Ba người đi ăn sáng để tám giờ còn kịp tới họp gia đình Văn hóa tại tòa báo.

Trong câu chuyện Khiết nêu một nhận xét về tuổi.

— Có thể tạm lấy năm 1910 phân mốc tuổi — Khiết nói — Những người sinh từ 1910 trở về trước là thế hệ cũ, hoàn toàn bở ngỡ trước văn hóa Tây phương; Từ 1910 đến năm 1930 là thế hệ lý tưởng của giai đoạn lịch sử này, họ hiểu văn hóa cũ, họ tiếp nhận văn hóa mới, họ là hiện thân của đau khổ vì từng trải ngoại xâm, chứng kiến Cách mạng đồ võ, là nạn nhân của bao xảo quyết lưu manh đầu cơ chính trị; những người sinh từ sau 1930 thuộc một thế hệ mới hẳn, nền văn hóa cũ như một ngôi sao vừa chìm xuống chân trời Tây khi họ là một ngôi sao khác xuất hiện ở chân trời Đông. Trên văn đàn có biết bao nhiêu tác giả thuộc thế hệ sau 1930. Tác phẩm đầu tay của họ chói lọi như một nhát

gương thần nhưng cũng chỉ ngẩn ngui như một loáng gương, sau khi đã dốc hết bầu tâm sự ở tác phẩm đầu, từ những tác phẩm sau trở đi là sự tầm thường nghèo nàn hoặc lằm cằm lấp lại những ý đã nói ở tác phẩm đầu: Họ lại ăn cắp chính họ. Nếu những thiên tài thế hệ sau 1930 mà mai một, trách nhiệm chính là thế hệ 1910 — 1930 chúng ta phải gánh. Chúng ta chưa đặt được chút nền móng vững chãi gì cho thế hệ sau, chúng ta chưa phản ánh được hết nếp sống của dân tộc trong cái thế dung hòa hai nền văn hóa Đông và Tây, thế hệ chúng ta sống phong phú trong đau khổ mà chúng ta chưa hoàn thành được... một bức bích họa ghi chú lấy muôn một vẻ hùng vĩ của bước thăng trầm đó.

« Anh thuộc thế hệ sau 1930 — gặp Tú anh bị tiếng sét ái tình, tâm sự anh cần trải lên giấy trắng, anh chỉ viết một tác phẩm để tránh mình lại ăn cắp mình như lời anh Khiết nói, anh sẽ viết về đôi ta : Anh và em, Tú ạ. »

Câu chuyện của Khiết tận cùng bằng tin một số chính khách bù nhìn cho thực dân Pháp trước đây hiện sống sung túc ở Pháp với số tiền chuyển ngân của họ. Lời khời đất mẹ để lại một gia tài nghiêng ngả cho dân tộc, họ ra đi như một người ngoại quốc biết lo xa và họ có thể sống cha truyền con nối trên đất nước người và đọc tin tức bên đất nước nhà bằng tâm trạng bàng quang nếu không phải là tâm trạng tự phụ của kẻ cao kiến « Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. »

Ba giờ chiều, y hện, Thanh tới chùa để đón Sâm, Tình đứng lúc chùa đương làm lễ cầu hồn tử sĩ. Mỗi người cầm một bản ronéo đồng thanh tụng bài *Truy niệm chiến sĩ trận vong* của thần SA-DI-THÍCH THIỆN-AN. Những nét đôi âm thanh lên xuống đều đều :

*Đền... nợ... nước... càng... nung... gan... mật...
Chỉ... nam... nhi... còn... mất... không... màng...
Dầu... cho... thịt... nát... xương... tan...
Nêu... gương... hùng... dũng... nghênh... ngang... giữa... trời...*

Tình quỳ lạy sau cái cột gạch lớn ngăn giữa hai gian chùa, Thanh chỉ thấy rõ Sâm. Nhìn xa một chút, màu da trắng mịn như mỡ đông của Sâm càng đẹp. Nàng chấp hai tay, ngón giữa tay phải có đeo chiếc nhẫn mặt đá màu đỏ xẫm. Nàng lầm nhẫm... Thoạt Thanh tưởng nàng đọc theo bài truy niệm mà nàng thuộc :

*Than... ôi... cao... cả... hy... sinh...
Than... ôi... trí... dũng... anh... linh... hùng... cường...*

Nhưng không, vào từng đợt ngân dài của lời tụng, Thanh vẫn thấy đôi môi nhỏ như cánh hồng xinh của nàng mấp máy. Thì ra Sâm đọc bài kinh nhật tụng riêng của nàng, thỉnh thoảng nàng cúi đầu vái vái như để chấm câu. Đôi tay thon búp vái vái như vậy trông sao mà hiền, sao mà ngoan !

Vẫn chăm chú quan sát Sâm, đôi khi lời đồng ca tụng niệm lọt vào ý thức hững hờ của Thanh :

Hồn... tử... sĩ... bồi... hồi... phảng... phất...

Phách... âm... linh... dờ... dật... bèn... dài...

Thanh thấy nhiều khi cặp môi xinh của nàng lăm nhăm mà đôi mắt chim khuyển của nàng vẫn ra chiều lơ đãng và ngơ ngác. Nàng qui kia, thân hình thẳng thật thẳng, bộ ngực đẹp thật đẹp, bộ ngực như hai ngọn đồi mộng chào đón tình người muôn thuở.

Nơi... nước... Phật... sen... vàng... đốm... nở...

Cảnh... lầy... phương... rục... rờ... hào... quang...

Ôi, nàng sẽ hui quanh biết bao nếu suốt đời nàng chỉ tụng niệm như vậy mà không có bóng một người đàn ông quý xuống ngay bên nàng và gục đầu trên bộ ngực rờn rờn sức sống đó.

Cầu... xin... đức... Phật... đoái... thương...

Rước... hồn... chiến... sĩ... lên... đường... siêu... thắng...

Bài tụng niệm chấm dứt, mọi người đứng dậy, nàng cũng đứng dậy theo. Nhận ra chàng, nàng tươi cười tiến lại gần. Hàng lông tơ xanh phớt trên mép làm chàng thất vọng, trong một lúc Thanh đã tưởng yêu Sâm. Không, chàng chỉ nhìn Sâm qua hình bóng của Tú.

Tình đã tới, tiếng nàng hỏi trong và vui :

— Thế nào anh Thanh, đến xem chị Tú dượt cho các em lần chót nữa chứ ?

Thanh, Sâm cùng bừng tỉnh khỏi vùng không khí hư hư ảo ảo với hai nụ cười mỉm che dấu tâm tư.

— Đi chứ anh Thanh ? — Tình hỏi thêm một lần nữa.

Thanh muốn giữ trọn vẹn hình ảnh Tú qua Sâm lúc quý trước bàn thờ Phật, nước da trắng mịn, đôi bàn tay hiền ngoan chấp lại trước ngực, nét đôi mộng của sinh thành. Thanh đã muốn quyết định lắc đầu trả lời : « Tôi đến nói với hai chị chiều nay tôi bận không đến xem dượt được » nhưng không hiểu vì sao chàng lại gật đầu đáp :

— Vậy thì đi.

Thế là cả ba cùng đến nhà Tú để dự buổi tập dượt cuối cùng cho sáu em. Tú mặc chiếc áo dài hoa tím nhị hồng, đầy mình nàng nở hoa. Ba nàng chống nạng từ nhà trong ra phòng khách. Cụ đã sáu mươi tuổi mà chưa có một sợi tóc bạc, vùng trán cao, khuôn mặt vuông, đôi mắt cũng như nụ cười rất hiền nhưng vẫn thấp thoáng vẻ hóm hỉnh của thời trẻ. Cụ có vẻ thèm chuyện, lúc đó có một mình Thanh ở phòng khách. Sâm, Tình và Tú đã sang phòng bên.

— Bác từ Trà Vinh lên Saigon năm 1912, ngày đó kể từ sau nhà thờ Đức Bà dân còn thấp đèn dầu chưa có đèn khí (điện). Hồi bác còn trẻ, cha 1 nghịch lắm ; dân đao búa mà ; Bác lên Saigon ba tháng mà

không có việc chi mần. Cha ! bác xoay xở cực thiệt cực. Rồi bác vô lính đi Pháp, khi trở về nước bác đi khắp Trung Nam Bắc. Mần hạn lính bác vô Gendarmerie. Bác bỏ Gendarmerie đi bầu, đi buôn, cha ! bác mần ăn khá từ đấy, Bác đi hoài... đi hoài... Bác sang Lào gặp đặng một người bạn buôn người Bắc, anh Tân Lai...

— Dạ thưa Bác — Thanh ngắt lời — cậu cháu có buôn ở Lào, chính cậu cháu là ông Tân Lai.

Tuy nói vậy mà Thanh cũng chẳng hề ngạc nhiên về sự gặp gỡ bất ngờ đó vì còn mãi đưa mắt ngắm tà áo hoa của Tú ở buồng bên.

— Cha.., cháu là con anh Tân Lai ? thế ảnh đâu ?

— Dạ cậu cháu... ba cháu hiện giúp một người bạn thân ở Nha-trang.

— Chừng nào ảnh từ ngoài vô nhớ đưa lại thăm bác nghe. Cha... cháu là con anh Tân Lai ? Ba cháu xem tử vi giỏi thiệt giỏi. Gặp bác ở Lào nghe bác thuật chuyện ba cháu biết ngay là cung Thân của bác có sao Thiên Mã. Cha... Ba cháu đoán giỏi thiệt giỏi. Chuyến buôn cau khô của bác với ba cháu ngộ thiệt ngộ. Hai anh em gặp nhau ở Vạn Tượng rồi chia tay, ba cháu về Hà-nội. Chừng hai ngày sau bác nhận được điện tín báo mua cau khô, mua hết ở Vạn Tượng rồi sang vùng kế cận, tất cả hơn hai lần chở một chuyến máy bay, lăi hai trăm năm chục ngàn, cha.., mần ăn như vậy sướng thiệt sướng. Ba cháu người giỏi thiệt giỏi.

Dốc bầu tâm sự xem chừng đã vơi, cụ buông tha Thanh sau khi cần dặn thêm một lần nữa : « Bao giờ ba cháu từ ngoài vô nhớ đưa lại thăm bác nghe ».

Các em học vũ hóm nay đã thuộc điệu, Tú chỉ phải vừa hát vừa vỗ tay làm nhịp cho các em nhảy. Thanh không dấu điểm, chăm chú nhìn Tú mỗi khi tia nhìn của Tú vô tình gặp tia nhìn của Thanh, Tú chớp mắt. Tú đứng gần cửa sổ, chiếc màn cửa bằng xa tanh trắng theo gió lùa vào phấp phới nhiều khi như cánh tay người đàn ông nào mặc áo trắng âu yếm quàng vai áo hoa của Tú và Thanh muốn ghen. Thanh nhìn Tú như người khát ớ sa mạc uống nước.

Khuôn mặt Tú trái xoan mái tóc rẽ giữa uốn khoảng rủ xuống trán và khoảng rủ xuống ngang vai, còn khoảng trên đầu thì chải mượt, đôi mắt đôi mi ít khi mở rộng rất thích hợp với đường cong khum khum của đôi lông mày ở trên. Thanh nhìn nàng thở, bộ ngực lẽ ra phòng căng... nhưng chiếc *corset* chắt giữ khoảng đó xẹp xuống chút ít, điều này làm Thanh càng mến nàng. Với bộ mặt xinh và hiền như vậy mà có thêm đường cong rõ rệt thì quyến rũ biết mấy, việc nàng cố tình bó ngực Thanh cho là một cử chỉ biểu lộ đạo đức. Nàng hé miệng cười, nụ cười e ấp như bông hoa dưới áp lực của nắng gió nở mà không biết là mình nở. Làm sao cuộc sống còn ý nghĩa nếu Thanh để xổng mất nàng ?

Tú đã cho các em nghỉ. Nàng lại nói chuyện với Sâm, Tinh và với Thanh rồi cả bốn người ra hiên xuống thềm đứng giữa vườn hoa. Hình như Tú biết, nên mỗi lần Thanh đứng gần thì lời nói của nàng không được tự nhiên, hai tay vung vẩy cùng một lúc cùng một chiều ngượng ngập và nàng chớp chớp mắt, đôi mi mòng mọng, hơi thở hồn hèn nhẹ.

Có một điều lạ là Thanh không hề muốn ghi nàng bằng một vài nét. Thanh cho là nét bút của mình bất lực chăng? Sự thực hình ảnh Tú ăn nhập vào với một hình ảnh lý tưởng nào trong Thanh; không dám vẽ Tú vì Thanh sợ xúc phạm đến nàng và cũng là xúc phạm đến hình ảnh lý tưởng.

Lúc sắp ra về, thoáng thấy ba Tú chống nạng ra hiên, Thanhodon đã lên hỏi chuyện. Lần này Thanh cảm thấy sự cần thiết phải làm thân với cụ. Cụ kể chuyện vì sao mà cụ bị tật ở chân. Năm 1950 cụ đương đi ở đường De Gaulle, thấy chiếc GMC của nhà binh Pháp từ xa lao lại chệch choạng. Biết là thằng lính say cụ đã lên hè nép vô bờ tường thế mà rủi thay cụ như nam châm hút chiếc xe lại. Rầm! Cụ ngã bất tỉnh — Xe vô nhà thương — Phải cưa mất một chân.

— Vô phước mà thành ra có phước — Cụ nói — bác không bị tật ở chân bác còn đi hoài. Bị tật ở chân bác ở nhà trông nom hai đứa, chúng nó học bằng người cả. (Tú còn người anh giai mới được học bổng đi Pháp học về kỹ sư canh nông).

Thấy Thanh nói chuyện thân mật với ba, khi tiễn Thanh ra sau cùng Tú nói khẽ :

— Khi nào không mắc chuyện chi mời anh lại chơi.

Thanh cũng chỉ đợi có thế !

Đêm 24 tháng chạp âm lịch, trong buổi trình diễn văn nghệ kỷ niệm Phật Thích Ca thành đạo tại chùa Chí-hòa, không có Tú : là người Công giáo nàng không nghĩ đến dự một buổi lễ bên Phật giáo? — Thanh tự hỏi nàng không nghĩ đến dự mặc dầu nàng biết nếu tới sẽ gặp Thanh ở đây? Nàng chưa yêu Thanh? Khoảng chín giờ tối Thanh đạp xe qua nhà nàng, cuối đường Champagne. Cửa đóng kín, đèn tắt, ngôi nhà âm thầm như ngôi chùa. Thanh thấy thương người con gái dịu hiền đó, ngôi nhà âm thầm cặm lạng bỗng như lãnh cung.

— Hồng được, xây mặt lại, đi thực lúi nghe — Bây giờ cưng trở lại chỗ cũ đừng đi thực lúi nghe. Cái chun trật rồi cưng — Đừng bước dài quá, bước vừa vừa thôi, dứt lại chút súa nữa nghe cưng...

IV

Kinh nghiệm bản thân của Thanh trước đây hồi còn ngày ngày cắp sách đến trường (ngoài Bắc) : thoát ảnh hưởng đạo Phật của gia đình, Thanh muốn tất cả mọi người cùng theo đạo từ bi, nhưng kể mỗi

lần Thanh tranh luận gay gắt với một anh bạn bên Công giáo là ngay sau đó Thanh thấy hối hận, tình cảm hối hận đó đưa dần đến xấu hổ ? Minh yêu đạo mình sao mình lại ngăn cản người khác yêu đạo của người ta ? Điều kiện tiên quyết trong tín ngưỡng là con người phải giữ được tự do linh hồn, như vậy mới có thể đắm mình trong nguồn sống vô hạn mà giao cảm với siêu việt.

Chân lý như ánh sáng mặt trời, các đạo giáo như những cây hoa, cây nào nở hoa nấy làm phong phú cho thế gian và giúp con người đi tới biết mình tương tận.

Thanh thức giấc từ bốn giờ sáng để suy nghĩ liên miên như trên vì chiều thứ bảy hôm qua Thanh đã đến thăm Tú. Thanh gặp Tú ở nhà một mình. Thoạt Tú tiếp Thanh ở phòng khách, Tú mặc bộ pyjama hồng, ống quần hơi ngắn và chề. Thanh hiểu lắm (và cả Tú nữa) nàng mặc bộ quần áo đó đâu phải chỉ để che thân cho khỏi nắng gió mà còn để làm đóm, để cho một người đàn ông nhìn nàng say mê, để nàng có thể ngồi trên lòng người đó.

Khi hai người xuống thềm ra vườn Thanh rút rề nắm lấy bàn tay thon nhỏ của Tú và cúi xuống nói khẽ :

— Tú đẹp và hiền như Đức Mẹ.

Tú hốt hoảng rút tay lại làm dấu trên ngực và thốt lên câu nghe đau thương :

— Lạy Chúa !

Thanh thấy đau lòng tưởng như chính mình vừa cầm dao tự chích vào đầu ngón tay, lúng túng chào Tú rồi rút lui chẳng dám nhìn thẳng vào đôi mắt Tú xem Tú có giận mình hay không.

Cho đến nay Thanh vẫn chưa hề nghĩ đến hình ảnh Tú bằng đường nét.

Có tiếng người lao xao bên ngoài, Thanh nhận ra tiếng Lãng và tiếng Hăng. Sớm chủ nhật Hăng thường lái xe đến rủ mấy anh em cùng đi ăn phở.

Khi xe qua nhà thờ Ngã Sáu, Hăng phải cho hãm ga lại vì đông người đi lễ quá.

Thanh thấy nhớ tiếng chuông thu không miền Bắc, tiếng chuông lằng lằng nhẹ nhàng, cả vũ trụ cùng trầm lặng tịch mịch suy ngẫm theo tiếng chuông. Người dân Việt trước đây nhiễm tinh thần đạo Phật thì hồn nhiên sâu xa mà hiểu đạo lý Phật thì hời hợt nhưng điều đáng quý nhất theo Thanh là họ giữ được vẻ người toàn vẹn tinh anh. Có thể bỏ khuyết điều hời hợt và lý thuyết bằng cách in sách phổ biến,

bằng cách tổ chức thành đoàn Phật tử để nghiên cứu Phật pháp nhưng chớ bao giờ xâm phạm đến cá tính, xâm phạm đến chất người của con người.

* *

Thanh không ngờ rằng cảm tình biểu lộ của Thanh chiều hôm thứ bảy đã làm Tú xúc động vô ngần. Khi Thanh lúng túng chào Tú rồi vội vã rút lui, Tú bần thần đứng lại ngoài vườn giây lâu, khi sức tỉnh thì trên tay nàng đã có bông hoa cỏ màu tím mà nàng cúi xuống ngắt tự lúc nào. Nàng đưa bông hoa lên mũi ngửi, mùi hoa thơm thoảng lẫn với mùi đất hăng hắc như niềm vui nhỏ của đời có pha chút chua cay. Nghĩ lại vừa rồi Thanh nắm tay mình, Tú nghĩ rằng nếu nàng cứ để vậy Thanh đã ôm nàng rồi. Nàng cũng là con người vô danh nhưng nàng muốn ghi được sự hiện hữu của mình trong thời gian, trong không gian bằng giây phút thực sự trong cánh tay người yêu.

* *

Ngay buổi chiều chủ nhật đó Thanh không dẫn nổi nhớ nhưng, Thanh lại đến thăm... hai bác (ba, má Tú) nhưng Thanh luôn luôn quay về phía Tú hỏi chuyện. Thanh hứa với hai bác bao giờ ba mình ở ngoài vô thể nào cũng mời lại đây. Khi hai bác đã vui vẻ rút lui vào nhà trong, Thanh hỏi Tú về phép tắc bên đạo.

Tú hiểu ý Thanh, nàng nói hết những điều cần thiết.

Thoạt Tú nói về tuần cấm phòng, mọi người đọc kinh nhiều, hãm mình, ăn chay, ép xác. Nếu xét mình có tội thì xưng tội để chịu phép giải tội rồi rước lễ (chịu phép mình Thánh Chúa).

Thanh nghe làm vẻ chăm chú ngấm đôi môi chúm rồi gật gù như thể hiểu lắm, sự thực Thanh chẳng hiểu gì cả, Thanh chỉ thấy đôi môi Tú đẹp.

Tú hít mạnh, ngực phồng căng rồi thở phào. Biết nàng đã nói hết chuyện tuần cấm phòng, Thanh hỏi Tú về chuyện giả thiết một người ngoại đạo muốn lấy một người Công giáo thì phải thế nào? — Tú đáp: Thì gia đình người Công giáo cho cha Sở hay. Cha Sở hỏi người ngoại đạo có ưng theo Thiên Chúa giáo không. Rồi Cha Sở định ngày làm phép rửa tội, có sổ ghi người đó được cấp giấy là được rửa tội ngày nào, tại đâu, do vị Linh Mục nào được dự quyền Giáo hội, được chịu các phép bí tích, có bấy phép bí tích, ngày cưới được làm phép tại nhà Thờ.

Thanh nhìn Tú ngập ngừng rồi hỏi:

— Trong trường hợp người đàn bà lấy người đàn ông ngoại đạo thì sao hở Tú?

Tú chớp mắt có vẻ lo âu. Nàng đáp :

— Người đàn bà lấy chồng ngoại đạo bị coi như bỏ đạo, lúc sắp chết không được chịu phép xức dầu Thánh, lúc chết không được mang vào nhà Thờ để Cha làm phép xác. Cũng có Cha ưng làm cho nhưng phải để áo quan ở ngoài nhà Thờ...

Cách Tú nói rạch ròi trôi chảy, chứng tỏ cho Tú là người ngoan đạo biết chừng nào, Thanh càng quý mến và quý trọng nàng.

— Anh theo đạo Phật ? — Tú hỏi.

Thanh nhìn Tú giây lâu để chứng tỏ cho Tú hay là Thanh biết giờ đây đến lượt Thanh bị cật vấn.

— Theo đạo Phật như một tôn giáo — Thanh đáp — nghĩa là đến Chùa dâng hương hoa và quý lễ dưới bệ Phật thì không, nhưng suy cứu đạo Phật như một triết lý để hiểu để sống thì có.

— Hiểu phải chăng là hiểu về lý nhân quả của đạo Phật ?

— Còn vượt xa hơn nữa, hơn nhiều nữa để hiểu đến căn nguyên thanh tịnh chân không của bản thể và tâm.

Thanh nhìn Tú ; Tú nhìn lại Thanh vẻ chú ý lắng nghe.

— Kinh Lăng Nghiêm nói — Thanh tiếp — lấy kính hứng ánh sáng mặt trời rọi vào mớ bụi nhùi thấy lửa. Lửa từ mặt nhật chẳng ? vậy sao cây rừng không bị thiêu trụi hết ? — Lửa từ bụi nhùi chẳng ? Vậy thì sao còn cần bàn tay và cái kính ? — Lửa từ cái kính chẳng ? — Vậy sao cái kính người cầm đó không cháy và cả bàn tay người cầm cũng không cháy ? Vật chất như tứ đại : Đất, nước, gió, lửa. Tinh thần như ngũ uẩn : sắc, thọ, tưởng, hành, thức ; những sắc đó tâm đó thấy đều biến hiện vô thường. Bản thể và tâm vốn thanh tịnh rồi tùy theo tâm của chúng sinh tạo nghiệp như thế nào thì hiện ra thế ấy.

Tú khẽ gật đầu nhưng đôi mắt bờ ngỡ. Thanh nghĩ thầm : « Nếu em là vợ anh, anh sẽ có thì giờ để nói rõ hơn, em sẽ có thì giờ để hiểu hơn. »

Tình bạn một ngày thêm khăng khít mà tình yêu thì ngập ngừng, giới luật của Giáo hội là bức tường ngăn. Trong những phút gặp mặt khi dứt câu chuyện Thanh chỉ còn biết nhìn Tú chăm chăm và Tú thì jảng nhìn về phía khác vẻ rụt rè như buổi đầu. Thanh không dám nắm tay Tú một lần nữa vì kính trọng tín ngưỡng của nàng. Biết rằng có lấy được nhau không ? Và Thanh vẫn chưa hề một lần ghi hình ảnh Tú bằng đường nét. Mà với Tú thì mỗi lần Thanh ra về, nàng ngồi xuống khâu, đường khâu chệch choạc, xao xuyến.

Thanh được xem một phim ở Eden vội tìm Tú ngõ ý mời Tú cùng đi. Tú kín đáo từ chối. Thanh ân cần khuyên Tú đi xem phim đó một mình. Tú gật đầu ưng thuận.

Có gì đâu, trong phim có hai câu đối thoại giữa một nữ bác sĩ ngoại đạo với một vị linh mục.

Nữ Bác sĩ ; — (cười thân mật) Cha tốt lắm mặc dầu Cha là người Công giáo.

Linh mục ; — (cười hồn hậu) Bác sĩ tốt lắm mặc dầu Bác sĩ không là người Công giáo.

Lời đối thoại đơn giản mà thâm thúy của hai tâm hồn phóng khoáng bao dung nhau để chỉ công nhận có lẽ phải và ngấm kết tội bao thái độ cố chấp hẹp hòi.

— Tú ơi anh muốn quý xuống hôn lên tay em mà rằng : Chúng ta hãy đối thoại với nhau theo tinh thần cởi mở quý giá ấy.

Nhưng rồi Thanh cũng không cần đến những tiểu xảo như vậy nữa. Một sự kiện xảy đến thúc đẩy mối tình. Khắp Sài-Thành sững sốt về tin cô M một tuyệt thế giai nhân vừa uống thuốc ngủ tự vận, khi người nhà biết mang vào nhà thương không kịp. M không những là tuyệt thế giai nhân mà còn là một thiếu nữ có học thức, nàng đã bắt đầu bước vào ngưỡng cửa Đại học. Năm ngoái một ông chú họ xa từ Pháp về ở nhà nàng vì thân thích ông không còn ai khác. Là vai chú nhưng ông chỉ hơn M chừng ba bốn tuổi. Hai người yêu nhau họ không dấu diếm gì, toàn thể gia đình này theo Tây học. Tuổi xấp xỉ, họ xa, lấy nhau được. Có những chiều thứ bảy đôi trai gái đưa nhau đi nhảy đến quá mười hai giờ mới về. Về lịch lãm của người chú từ Thủ Đô ánh sáng bên kia trời Tây về đã làm cô gái thấy cuộc đời tràn ngập màu hồng hạnh phúc và tâm hồn rung lên thành bản trường ca tình ái, nồng nàn chờ đợi. Rồi ông chú lên đường sang Pháp nói là tiếp tục học nó cho đến tột đỉnh của tài năng, sẽ trở về trong một ngày rất gần. Hai tháng qua đi, cô gái không nhận được một lá thư. Cô có mang... Ôi ánh sáng hạnh phúc giả trá, âm thanh hạnh phúc điêu ngoa... Thanh nghĩ — Trong tình yêu kia người con gái đã đem cả cái chủ quan say mê và đáng quý của mình dâng hiến người yêu, trong khi người đàn ông hưởng thụ một cách khách quan tỉnh táo và do đó bỉ ổi làm sao.

Nếu Tú hiến dâng nàng cho Thanh, sự tin cần đó càng làm Tú cao quý lên muôn phần dưới mắt Thanh. Thế là Thanh đến tìm Tú, đôi mắt sáng, hơi thở gấp. Lúc đó đã gần chín giờ. Căn nhà im lìm chìm trong bóng tối bên ngoài, quanh nhà lá cây vườn xao xuyến nhẹ hòa với tiếng xào xạc lớn của hàng cây ngoài đường. Phòng nàng còn ánh sáng.

— Lời cầu nguyện phải lắm, cho đôi mắt sáng lên, đừng làm cho đôi mắt tắt đi em ơi — Thanh nghĩ vậy khi gõ khẽ cánh cửa.

— Ba má ngủ rồi. Tú nói khẽ khi mở cửa nhận ra Thanh.

Lời nói thầm của nàng khiến sự gặp mặt đột nhiên nhuộm màu hò hẹn tội lỗi. Thanh vào phòng khách mới được bật đèn. Kế với phòng khách là phòng học của nàng, cánh cửa mở tung. Thanh thân mật dờ phòng khách bước vào phòng học. Bàn học của nàng kê ở phía góc

trên bàn ngồn ngang sách in sách viết, một chiếc đèn có chụp xanh tỏa vùng ánh sáng vàng rất bâng khuâng xuống khoảng bàn đủ để nàng đọc hay chép bài. Thanh tưởng như nàng còn ngồi kia và chăm chú suy nghĩ về mái tóc của nàng cúi xuống từ khoảng tối bên trên. Ngay phía sau bàn học là chiếc giường sắt cá nhân phủ nệm trắng xóa, thang giường là thứ lò xo uốn cong ở giữa, khi có người nằm thì nhún xuống.

Tú đã rót nước mời Thanh uống. Tình Thanh yêu nàng nặng như núi Thái Sơn và bền bỉ như mạch suối của núi đó.

Tú thu gọn bàn học, Thanh đặt tách nước xuống. Thấy sẵn có thỏi phấn hồng Thanh cầm lấy vẽ, thật là thần bút. Chỉ sơ mấy nét đơn giản mà mái tóc ấy khuôn mặt ấy, khuôn mặt đầy đặn như trái hồng, hai mi mắt khum khum và miệng cười lơ đãng. Lần đầu tiên Thanh vẽ Tú. Tú đưa mắt nhìn nét vẽ. Nàng hỏi :

— Khi các anh học vẽ chắc có vẽ đàn bà khỏa thân làm mẫu ?

Hỏi dứt câu Tú cúi xuống, hai mắt hơi dươn lên nhìn về phía khác rồi lại hạ xuống ngay khiến Thanh có cảm giác cả khuôn mặt nàng nhất là đôi môi nàng gọn sóng như hình ảnh trên màn bạc khi đột gió lướt qua. Thanh cũng biết đó chỉ là ảo giác vì luôn luôn Thanh nghĩ về phía Tú tha thiết quá nên bất cứ ảo giác nào cũng chỉ có tác dụng làm Tú đẹp thêm lên ngay lúc cả ảo giác cùng đẹp sau ảo giác.

Thanh cười hỏi lại :

— Ai bảo Tú thế ?

— Biết ; — Tú đáp gọn, nũng nịu, ánh mắt sáng lên rồi dịu ngay,

— Có thể, nhưng người đàn bà khỏa thân dưới mắt họa sĩ không ngưng vì lúc đó đường nét thân thể là hiện thân của nghệ thuật.

Thanh biết là mình ngụy biện một cách hẹp hòi vì nói như vậy thì cảm giác yêu đương khi mình ôm người đàn bà khỏa thân không là nghệ thuật sao ? Nhưng Thanh vẫn tiếp tục :

— Có một nàng công chúa Tây phương ý thức được nét cong tuyệt mỹ của mình, bèn khỏa thân cho họa sĩ vẽ để nhờ nghệ thuật vĩnh viễn hóa đường nét của mình.

Sự đụng chạm giữa hai làn môi đã là một sự kiện phổ thông quốc tế nên khi nói với Tú, Thanh luôn luôn có khuynh hướng cúi xuống tìm gặp môi nàng và sự ám ảnh — đã từ lâu — mãnh liệt đến nỗi ngay khi ấy Thanh vẽ hình Tú lần thứ hai đã vô tình dùng làn phấn vẽ làn môi trước rồi mới tới khuôn mặt sau. Thanh cố ý nói nhiều về khỏa thân về đường nét để Tú nghe quen và bạo với hình ảnh đó. Việc Tú dám hỏi trước về người kiểu mẫu khỏa thân

khiến Thanh yên lòng không còn nghi ngờ gì về cảm tình của nàng với mình.

Thanh tiếp tục gian dối một cách đáng yêu :

— Đường nét của người đàn bà đẹp cần đi vào vĩnh viễn nhờ nghệ thuật. Đường nét đó gần với hương thơm, thứ hương thơm thanh khiết đã được siêu hóa bởi nghệ thuật.

Một cơn gió mạnh từ ngoài lùa vào khuôn cửa.

— Tôi còn nhớ câu chuyện đọc đã lâu — Thanh tiếp — Có một điêu khắc gia đắp tượng người đẹp bằng cát vàng trên bãi biển ; bức tượng được đắp trong một lúc hưng khởi tuyệt vời, nhà điêu khắc vội cho nấu xáp để đồ lên mà giữ lấy, nhưng thủy triều tiến quá nhanh không kịp. Biết rằng không bao giờ bắt được nguồn cảm hứng, qua một buổi sớm mờ hơi sương, nhà điêu khắc đã như kẻ mất hồn tiến thẳng và đi xâu xuống biển để ... lần tìm những mảnh tượng.

Một cơn gió mạnh hơn lùa vào, cái đầu tròn rất xinh của Tú xù lên tơi bời, Thanh mỉm cười nhìn khuôn mặt đẹp của Tú rồi lướt lên khắp thân thể nàng như thể muốn nói lớn trong im lặng : « Đường nét của Tú... cần được vĩnh viễn hóa, Tú nên khóa thân... »

Tú nhìn Thanh như cầu cứu, nàng sợ cái im lặng lúc đó.

— Nếu Tú đổ nước — Thanh tiếp — xóa bức vẽ này thì mặt bàn sẽ là mặt biển và tôi sẽ lặn xuống sâu để tìm lại những nét của khuôn mặt Tú.

Tú mỉm cười ngồi vội xuống luống cuống, miệng như muốn nói điều gì mà không tìm được lời, một bàn chân xinh đặt vào vùng ánh sáng, nàng di dép quai nylon, móng chân phớt màu cánh sen lột. Áo lá bên trong nàng mặc hằn lên, cổ viền *dentelle*.

— Tú — Thanh nói trong cơn sốt — em xem, tên đôi ta sinh ra đã là để lấy nhau rồi, chẳng còn một trở lực nào cản nổi. Anh yêu Tú, chúng ta phải lấy nhau, điều đó mới là quan trọng. Anh không thể ở đây nhìn em được nữa. Anh về. Mai anh sẽ lại để em trả lời. Nếu không lấy được nhau đừng bao giờ gặp mặt nữa.

Thanh bước quanh chiếc giường sắt ra thềm bằng lối cửa ngách, tiến bằng ra đường ngoài cổ lại : Một ngôi sao chói lọi trên sát vòm cây tím đen như muốn cười điệu bóng tối chập chờn bao phủ quanh nhà người đẹp.

Thanh đi đến tòa báo Văn-Hóa. Đã đến 10 giờ, vào giờ này chắc hẳn Khiết còn làm việc ở đấy. Không hiểu sao vào lúc này Thanh chỉ nghĩ đến Khiết. Thanh nghĩ đến Khiết như nghĩ đến người anh cả, một cố vấn thân yêu. Tới nơi Thanh thoáng thấy bóng Lãng và Kha bên trong. Lãng ngật cổ ra cười, ý hân vừa nói câu gì nhảm nhí đặc ý, còn Kha, Thanh thấy Kha sắc sảo quá, uy nghi quá trong

yêu đương, chẳng hợp với tâm tình thiết tha và thơ đại của Thanh. Ngập ngừng một giây rồi Thanh đi thẳng, thất vọng.

Ra đường Thanh không tự chủ được nữa, bước miết mãi về phía nhà Tú. Có lẽ đã quá mười giờ khuya. Thanh rón rén bước lên thềm.

— Tú ơi !

Có tiếng giở mình ngồi dậy, tiếng chân quờ quạng dưới đất tìm dép, rồi tiếng dép rón rén. Tiếng khóa mở khẽ, quả đấm khẽ xoay, cánh cửa từ từ hé mở. Khuôn mặt yêu kiều của Tú vừa xuất hiện giữa nền tối bên trong ; và khoảng ánh sáng sao bên ngoài. Thanh đã nắm lấy tay kéo nàng lại ôm riết trong vòng tay, thoát hồi hộp rồi đê mê :

— Anh không thể chờ được đến ngày mai, anh phải gặp em, anh đã gặp em !

Thanh cúi xuống hôn lên trán Tú rồi lên má, sau cùng ngừng lại trên đôi môi thoát là sự ngừng lại bờ ngõ, rồi qua đi mấy giây Thanh hiểu là Tú đã bằng lòng cái hôn mới thật có ý thức và ý thức đó lớn mạnh rất chóng để còn bạo dạn lay động ý thức của Tú nữa.

DOÃN QUỐC-SỸ

anh không còn lại gì

*Tôi không còn lại gì
Ngoài tình yêu đã mất*

*Anh không còn lại gì .
Vui buồn và chua xót
Anh không còn lại gì
Một tấm lòng rộng không
Anh không còn lại gì
Để thấy mình cô độc
Anh không còn lại gì .
Miệng nôn ra hết máu
Anh không còn lại gì
Mảnh hình hài bệnh tật*

*Anh không còn lại gì
Ngoài vài lần đã khóc*

NGUYỄN ĐÌNH-TOÀN
(trong MẶT-ĐĂNG)

ánh sáng công viên

nhật tiến

Ra đến đường cái, gã quay lại nhìn khám đường với một vẻ lưu luyến. Dầu sao, gã cũng đã sống ở đây tròn ba năm. Gã có cảm giác như mình vừa đi hết một chặng đường. Gã đã bỏ lại ở đằng sau nếp sống quen thuộc, những người bạn thân, những kẻ đã chia xẻ với gã từng tô đanh, điều thuốc. Gã nhìn cuộc sống ồn ào ở đường phố một cách ngỡ ngàng. Ánh sáng chan hòa trên những bảng hiệu sặc sỡ, trên lùm cây xanh và trên mặt đường lấm bụi. Gã tần ngần đứng ở đầu đường. Trên tay gã vẫn lúc lắc cái túi vải. Cơ nghiệp của gã chỉ vồn vẹn còn một bộ quần áo, một xấp vở nguệch ngoạc chữ và hình vẽ mà gã đã học trong tù, một tờ giấy bạc một trăm và một xấp giấy chứng nhận sự tự do của gã. Gã nghĩ đến người vợ trẻ đã tiếp tế cho gã hơn nửa năm trời hồi gã mới bị tuyên án. Từ đó về sau, nàng bỏ mặc gã với số phận hẩm hiu mà gã phải gánh chịu. Lần cuối cùng đến thăm, nàng bỏ vào cái lỉnh của gã một gói thuốc, một cặp bánh chưng và một nải chuối. Hai người nhìn nhau qua tấm lưới sắt. Giữa đám người chen chúc cả bên trong lẫn bên ngoài, tiếng của nàng bị lạc đi trong cái không khí ồn ào, cấp bách. Ở đây ai cũng muốn nói thật to, thật nhiều, muốn ôm người thân yêu trong vòng tay, muốn nước mắt của mình hòa lẫn với nước mắt của kẻ bên kia song sắt. Gã nhìn thấy

nàng trắng xanh, hốc hác. Nước mắt nàng chạy vòng quanh trên riềm mi cong. Gã bầu lấy tấm lưới sắt như muốn nắm chặt bàn tay nhỏ nhắn của nàng.

Sau lần ấy, nàng không trở lại nữa. Gã kiên nhẫn chờ từ tuần này sang tuần khác, buổi tối lúc lên đèn, trong khi mọi người nô đùa, hát xướng thì gã rúc vào tấm áo che kín mặt mà khóc như một đứa trẻ. Đến kỳ nuôi cơm, không nghe thấy gọi đến tên mình, gã tiu ngửu ngồi lại, đập những chiếc ống bơ sữa bò thành từng miếng thiếc phẳng. Lúc ấy gã muốn đập nát cả cuộc đời dưới những nhát búa hần học. Khi trở về, bạn bè xẻ cho gã nửa tô canh, hoặc đĩa bún, hoặc khúc bánh mì cặp chả. Gã ăn chung với mọi người, chệu chạo nuốt lẫn sự ngẹn ngào vào trong cổ họng.

Lâu dần, gã quen với niềm cô độc của mình. Tối kỳ hẹn, gã không chờ, ban ngày gã miệt mài học chữ, học thêu, học gò, học đan hoặc bầu cờ với mấy người bạn già. Đêm đi ngủ, gã nhắm bài cho tới lúc mệt thiếp đi.

Nếp sống bầu vùi qua kẻ khác vừa tạo được thì gã đã lại mẫn hận tù. Bây giờ gã còn thấy cô độc hơn cả cái ngày gã tin chắc vợ gã đã bỏ đi lấy chồng. Chiều hôm qua, một người bạn rúi vào tay gã tờ giấy một trăm. Đó là sự giúp đỡ cuối cùng mà gã nhận được của những người thân. Gã bóp mạnh tờ giấy vào năm ngón tay. Gã đã đi được một quãng đường dài mà lòng gã chưa hết phân vân. Một chiếc xe buýt ngừng ngay ở cách gã mấy bước. Trong một giây gã quyết định chóng vánh trở về nhà cũ. Gã không hy vọng gặp người vợ đã chung sống với gã hai năm đầm ấm. Gã chỉ muốn được đứng ở trên mảnh đất ngày xưa, được nhìn cái mái thấp lụp xụp vào những ngày mưa nước hắt vào tận chiếc giường nhỏ của vợ chồng gã. Trăm ngàn thương yêu đã diễn ra ở chỗ tối tăm lụp xụp ấy.

Gã bước qua chiếc cầu gỗ bắc ngang con lạch nhỏ, rồi tìm một chỗ ngồi ở dưới bóng mát. Cánh cửa gỗ quen thuộc hiện ra trước mắt gã. Mái lá khô cằn, xơ xác vẫn không được lợp lại, vách đất càng thấy vỡ ra, nan tre xộc xệch, nham nhở. Gã không dám nhìn hẳn vào trong mà nhắm nghiền mắt lại. Những giọt nước mắt nóng và mặn chảy ròng ròng ở hai bên má. Hình ảnh người vợ trẻ hiện ra trong ý nghĩ, rõ ràng như gã vừa mới ôm ấp nàng ngày hôm qua. Điều ấy làm gã nhận ra rằng gã chưa quên nàng, không thể quên được nàng. Một người đàn bà to béo bế một đứa bé chốc lở hiện ra ở bậc cửa. Gã vụt thấy trong đầu óc gã vừa có một sự sụp đổ hoàn toàn. Hình ảnh người đàn bà hiện ra đã xóa lấp tất cả cuộc đời đã qua của gã ở đây, ở ngay chốn này. Nàng đã bỏ đi thật rồi, không còn sự tự đánh lừa nào đánh lừa nổi gã nữa.

Gã thất thểu đứng dậy, bước qua cầu. Bên kia là thành phố ồn ào, sự ồn ào bình thản, đều đặn, và rừng rưng đến độ độc ác.

Gã đã đi qua rất nhiều đường phố. Gã đã gặp biết bao nhiêu bộ mặt đi ở trên đường. Nhưng người càng đông gã càng thấy lẻ loi hơn. Ở trong cuộc sống tù tội nhìn ra, gã thấy bên ngoài đầy vẻ hứa hẹn. Gã mong được như mọi người. Có tự do đi lại, có việc để làm, có cơm để ăn, có nhà để ở. Và ở trong ấy, gã tưởng như khi ra đến ngoài, mọi người sẽ cho gã đầy đủ từng ấy thứ. Nhưng bây giờ, gã cảm thấy mọi sự không dễ dàng như gã tưởng. Gã muốn đập phá sự rùng rùng của mọi người.

Cuối cùng, gã tìm đến ghế đá của một công viên và nằm ngủ ở đấy. Gió mát làm người gã nhẹ nhõm hẳn đi. Đã lâu không đi bộ xa, hai chân gã mỏi rừ. Gã cởi chiếc áo ngoài ra đắp lên mặt. Cái túi vải gã kê làm gối. Xấp giấy lẻ của trăm bạc còn lại, gã cuộn tròn dặt ở lưng quần. Giấc ngủ đưa gã trở lại cuộc sống quen thuộc trong khám đường.

Đến lúc choàng dậy, gã vụt túm được một bàn tay đang lẩn vào lưng gã. Trời đã nhá nhem tối. Trước mắt gã, dưới ánh đèn héo úa, một người con gái đang lúng túng gỡ bàn tay nhỏ bé nằm cứng trong những ngón tay xần xùi của gã. Gã vụt hiểu hành động xấu xa của nàng. Gã ngồi nhồm hằn dậy, và người con gái đứng nhoẽn miệng ra cười. Bóng tối che lấp một nửa khuôn mặt trái xoan.

— Ngủ gì mà ngủ khiếp!

Gã không đáp, lẩn tay vào lưng quần. Thấy cuộn giấy bạc vẫn còn cộm ở bụng, gã mới nhìn nàng gườm gườm. Gã thấy nàng không xấu. Cặp mắt to, mũi nhỏ, gò má cao, đôi môi đỏ và mỏng quệt. Nàng cũng nhìn gã với vẻ chế riễu. Sự chế riễu cổ che dấu vẻ sượng sùng về cử chỉ của nàng vừa qua. Một lát, nàng ngồi phệt xuống đất, tay bứt những ngọn cỏ. Gã vuôn vai đứng dậy vắn người cho xương cốt răn ra. Một hàng bánh chưng đi qua, gã vẩy lại mua rồi ngồi bóc ăn. Mặt người con gái như ngày đại. Cổ họng nàng như gang ra. Nàng vừa nhìn lên những ngọn đèn mới thắp trên công viên vừa nuốt trệu trạo những miếng nước bọt. Gã ném vào cạnh nàng một chiếc bánh và nói:

— Ăn đi!

Nàng quay phắt lại, nhìn gã. Gã vừa nhai vừa cười. Mặt nàng thoáng một niềm vui. Nàng cầm cái bánh lên, bóc ăn ngấu nghiến. Gã móc thêm tiền mua thêm bánh. Hai người ngồi gần nhau. Gã hỏi:

— Nhà ở đâu?

Nàng lắc đầu. Gã hỏi thêm:

— Bây giờ làm gì?

Nàng lại lắc đầu. Hai người ngồi im lặng nhai bánh. Tiếng hàm răng chóp chép trong tiếng muỗi bay vo ve trên mặt cỏ. Tiếng xe chạy trên đường phố âm ỉ vọng vào. Đằng xa, những tòa Building chói lọi ánh sáng ngát ngưỡng. Gã thỉnh thoảng lại liếc về phía nàng. Bây giờ gã thấy

nàng đẹp hơn là gã tưởng. Cổ trắng, mình dài, vai thon. Ăn xong nàng đứng lên. Thân hình cắt trên bóng tối nhá nhem. Nàng đi lại vò nước trên bồn hoa, khom lưng xuống rửa. Gã tiến theo nàng, bắt chước vục tay xuống dòng nước mát lạnh. Một lát nàng trở lại chỗ ngồi, lần này khuất trong bóng tối. Gã lững thững đi thật chậm. Gã phân vân tự hỏi nên lại ngồi nói chuyện với nàng hay bỏ đi. Nhưng lần này nàng lại nói với gã trước:

— Bác ở đâu?

Gã đáp:

— Ở tù ra.

Nàng mở to mắt nhìn gã kỹ hơn, rồi nàng mỉm cười. Gã ném cái túi vải xuống cỏ và ngồi xuống theo. Nàng hỏi:

— Ăn trộm, giết người, hay Việt cộng?

Gã đáp:

— Chở đồ lậu.

Nàng «à» một tiếng hóm hỉnh rồi vòng tay ra gãi ở sau lưng. Một lát nàng nói:

— Còn bây giờ thì sao!

Gã nhún vai:

— Đi một ngày rồi nhưng không có việc. Cò cũng thế hả?

Nàng gật đầu. Gã ước ao:

— Ồ! Giá bây giờ có một liều thuốc nhỉ?

Nàng nói:

— Để tôi đi mua cho.

Gã lúng túng trao cho nàng đồng bạc. Nàng đứng dậy phủi bụi ở quần. Gã nói:

— Thuốc Mê-li-a ấy nhé.

Nàng đi thật nhanh. Gã nằm ngả người trên nệm cỏ. Bầu trời trên đầu lưa thưa sao. Gã thấy nhớ khung cảnh ồn ào trong tù lúc buổi tối, nhớ người bạn già có khuôn mặt trầm ngâm lúc bí nước cờ, nhớ tiếng cười hả hê sung sướng của mấy người bạn trẻ lúc họ chuyền cho nhau cái muống nếm thử nồi canh còn nghi ngút khói. Ở ngoài này, gã thấy mình khổ hơn họ nhiều.

Một lát, người con gái trở về, trên môi có liều thuốc cháy đỏ. Hai môi nàng chum lại, cong lên. Nàng bật ra những tiếng ho ngắn. Gã thấy lòng mình ấm lại. Nàng ngồi xuống cạnh gã rồi đặt vào môi gã liều thuốc. Đầu lưỡi thấm ướt nước bọt. Gã thấy thú vị về điều đó. Gã nhìn nàng bằng cặp mắt biết ơn. Gã rít một hơi dài, qua màu khói xanh cuộn cuộn gã thấy mắt nàng long lanh như hai chấm đèn sáng. Khuôn mặt của nàng rạng rỡ hẳn lên. Gã lại thấy nàng đẹp hơn mười lần

phút về trước. Lần này nàng nhoẻn miệng cười. Hai hàm răng nàng khá đều đặn. Nàng nói :

— Thuốc khét thế này mà cũng nghiện được.

— Nhưng nghiện vào rồi thì thấy nó bùi.

Nàng ngạc nhiên :

— Nó bùi ?

— Ừ, nó bùi.

Cả hai cùng bật lên cười. Gã ngồi xích lại gần nàng. Gã thấy hơi nàng thở nhẹ nhẹ. Bàn tay nhỏ nhắn của nàng bứt từng sợi cỏ. Gã định nắm lấy nhưng rút rề mãi lại thôi. Nàng nói :

— Hồi trước vườn hoa này là một khu đồ rác.

Gã gật đầu :

— Thành phố có vẻ mỗi ngày một đẹp thêm ra. Mình đi mấy phố cứ hoa cả mắt.

— Chắc ở tù ra thì thấy cái gì cũng lạ lắm nhỉ ?

— Chuyện ! Mấy năm giờ không được thấy cái gì ngoài một vườn hoa rộng...

Nàng ngạc nhiên :

—Ồ ! Trong ấy cũng có vườn hoa hả ?

— Có chứ. Bọn tôi chăm tưới còn đẹp bằng mấy.

— Nhưng rồi tưới cho ai coi ?

— Mình coi !

— Tù coi ?

— Ừ, tù coi !

— Tù mà cũng được coi à ?

— Ai cấm ?

— Tưởng tù rồi thì phải cấm chứ !

— Cấm cái gì ?

— Cấm coi !

Nàng cười hồn nhiên. Mái tóc chạm vào vai gã. Người gã nóng lên, trông gã đầy vẻ lúng túng của một kẻ ngây thơ vụng dại trước tình yêu. Bây giờ họ ngồi sát vào nhau, âu yếm như một đôi tình nhân thực thụ. Nàng chợt nói :

— Còn một điếu thuốc nữa, hút nốt nhé.

Gã gật đầu như một đứa trẻ. Nàng nhoài ra chỗ cái mẩu thuốc gã vừa hút, nhón lên rồi móc điếu còn lại ra châm. Khuôn mặt của nàng đỏ hồng lên. Cặp lông mi cong lại. Những sợi khói bay qua vầng trán phẳng. Lúc nàng đặt điếu thuốc lên môi gã thì gã nắm lấy bàn tay của nàng. Gã muốn nói :

— Tôi mong tìm được việc làm. Tôi sẽ kiếm được tiền cho cả hai người...

Nhưng nếu gã tìm ra một câu ngẩn hơn thì gã đã thốt ra được. Bởi thế đã lúng túng gã lại càng lúng túng hơn.

Trong lúc ấy người con gái lại không để ý đến cử chỉ của gã. Nàng chợt ngھên cổ ra nhìn một cái xe xích lô kẻ lại ở lối vào công viên, và có người phu chạy vào nhón nhác dòm quanh. Nàng gọi :

— Bác Tám phải không ?

Giọng trả lời mừng rỡ :

—Ồ ! đây rồi.

Bác ta tiến lại gần. Người con gái bước ra khỏi bóng tối.

Gã đàn ông ngồi lại trên bệ cỏ nghe thấy tiếng họ thì thảo :

— Có khách chờ cô ở trên xe.

NHẬT TIẾN

cuộc đời

Đứa trẻ sơ sinh khóc thét kinh hoàng
Trực giác một án tù mãn kiếp
Đôi mắt nhắm chối từ mọi ánh sáng mặt trời

Trong khoảng thời gian người ta gọi thiếu thời
Được nuôi ăn như thú vật đợi việc làm
Thỉnh thoảng khóc như một niềm uất ức
Rồi lãng quên như một thói quen

Gã thanh niên khóc thầm
Không phá nổi song sắt địa ngục trần gian bằng
hai bàn tay trắng
Vòng mả mai nào đeo cho tuổi hai mươi
Gã gục đầu ôm đen niềm tâm sự

Người con gái khóc vì nhan sắc
Giữa bóng tối và hơi thở nặng nề
Kiếp sống từng mấy lần kết án
Ôi cuộc đời buồn như những bánh xe

Người đàn bà ngồi rũ tóc
Trước quan tài mình khóc một đám tang
Và cuộc đời buồn như những thiên đường
Buồn như trót làm người dưới thế

Kẻ tội tù khóc như bóng tối
Chập chùng tù ngục ngục tù
Và cuộc đời buồn như cửa sắt
Buồn như những bát cơm khô

Tóc bạc râu dài như một niềm kiên nhẫn
Như một niềm ơn phước
Cho lão già khóc trong mỉm cười
Ôi một ngày ân xá
Bãi tha ma nào lão ngủ không mơ
Thở hơi cuối cùng còn thương con cháu

Mắt em buồn như hồi tiếc
Và cuộc đời buồn như những tiếng cười

LÊ VINH-THỌ

TUỔI TRẺ, ngươi ở đâu?

NGUYỄN-SA

Tuổi trẻ, ngươi ở đâu? Nó ở đấy. Ở trước mặt các anh, trước mặt chúng ta. Nó đứng thẳng, to lớn, sừng sững, lừ lừ. Rõ rệt lắm! Không thể nhầm được. Cần rìa, Ngọc « Marlon », Thanh Kêu, Văn Solex, Thực « cây toán ». Phải đó là những « cây ». X cây toán, Y cây lý hóa, Z cây triết, K cây bát. Với những cây ci-né, cây ngực, cây dấm. Và những B B (khi không phải là cây gì đó): B B Phan Đình Phùng, B B chợ vườn chuối, B B Nguyễn Tri Phương, B B Văn khoa... Nó ở đấy, chúng ta không nhìn thấy hay sao? Những loài cây không có tên trong tự điển thực vật học hợp lại thành một thảo cầm viên rộng lớn. Hơn nữa, thành một cánh rừng.

1.— ĐÒI THOẠI VỚI CẦN-RIA.

Đừng vội vẽ trong tâm hồn mấy nhánh thành kiến rậm rạp nếu chúng ta muốn tiến sâu vào những khu rừng tạm gọi là bí mật đó. Những ý tưởng tiên thiên đó sẽ không phải là địa bàn, họa đồ hay dao sắc để chặt những cỏ sắc cành gai. Ta sẽ chẳng thấy gì vì ta không định tìm thật sự. Ta sẽ chỉ thấy những gì ta định tìm: ý kiến có sẵn, định kiến của ta về tuổi trẻ. Vả lại nó không cần. Nó sẽ nhìn ta bằng một cặp mắt xa lạ, hoài nghi, chán ghét. Nó sẽ nói với nhau về ta — những người trưởng thành — : nham nhở, khô hài, tiểu lâm, hội tề, cây đạo

đức, cây quan trọng. Phải, các anh, tôi, chúng ta, những người muốn khám phá cánh đồng tuổi trẻ đó sẽ bị loài thảo mộc kỳ dị đó «thảo mộc hóa».

Nó đã nhìn tôi bằng cặp mắt có tác dụng «thảo mộc hóa» đó. Tôi đã gặp nó. *Thời gian* : buổi sáng 9 giờ. *Nhân vật* : ba người dưới hai mươi tuổi, một người ngoài ba mươi tuổi. Tôi đã nghĩ rằng : tuổi trẻ là thành thật. Muốn tiêu xài vào những tâm hồn còn mang nặng màu sắc của thế giới thiên thần (nói theo một nhà thơ), biện pháp tốt hơn cả là sự chân thành. Sự thành thật của tôi đã bị trả bằng một giá rẻ. Sau khi trình bày lý do, mục đích, nguyện vọng «tìm hiểu tuổi trẻ», tôi nói lên hy vọng về một «cuộc đối thoại» chân thành sẽ được thiết lập, tôi bị sáu con mắt chiếu vào với sức sáng ghê rợn của những hỏa đăng nghi ngờ. Tôi trở thành một «cây tìm hiểu» trước ba khuôn mặt ấy. Tôi không đi vào cuộc thảo luận nghiêm trang nữa mà đặt những câu hỏi ngoài lề sau khi phần tự giới thiệu danh tính của mỗi cá nhân chấm dứt.

— Cần, không tĩnhtự kèm theo hay sao ?

— Có chứ, Cần «ria».

Tôi chợt nhận thấy một sự thực : trong cuộc giới thiệu danh tính với một người không còn là tuổi trẻ những tên hiệu kèm theo bị cắt đứt. Người tuổi trẻ ngồi trước mặt anh với cái tên đúng khai sinh đó với không khí của thế giới trưởng thành, khuôn mẫu, công thức. Sự thành thật mất rồi. Nó không còn là nó nữa. Nó trở thành *con-của-anh*, *em-của-anh*, *học-trò-của-anh*. Nó không là Thanh kều, Thực cây toán, Vân Solex. Với thân phụ, thầy giáo nó, với những vị đại diện của trật tự xã hội uy quyền đó nó đã dùng thông hành giả. Nó là Thanh là Thực là Vân. Nó chỉ mang tên hiệu — nghĩa là tên thực của nó — với bạn bè nó. Thanh chỉ là Thanh-Kiều với Ngọc-Marlon, với Cần-ria.

— Tại sao lại Cần-ria ?

Ba tiếng cười.

Tôi đổi câu hỏi :

— Tại sao không lấy một tên kèm theo khác, không chọn một tiếng khác đẹp hơn. Thí dụ : Cần họa sĩ, Cần kỹ sư v.v...

— Đơn giản : vì nó có ria.

Người trả lời hộ người có tên là Cần-ria tên là Thanh-kiều. Câu trả lời đơn giản. Và đúng. Vì chân lý bao giờ cũng đơn giản : quả nhiên Cần-ria có ria. Tôi nhìn Cần-ria, nhìn Thanh-kiều và nhìn Ngọc Marlon. Câu trả lời của Thanh-kiều và sự quan sát ba người tuổi trẻ nói lên ý nghĩa này : không phải Cần tự đặt tên là Cần-ria, không phải Thanh tự xưng là Thanh kều, không phải Ngọc tự xưng là Ngọc Marlon. Trong truyện kiếm hiệp, đúng. Có những nhân vật tự xưng là Chí Thiện thiền sư, Quần sơn Lão hiệp v.v... Nhưng ở đây : Cần quả nhiên có ria, Thanh rất cao, và Ngọc chải đầu theo kiểu tài tử đóng phim Un tramway nommé désir và Sur les quais. Tóm lại : sự đặt tên không phải là sản

phẩm ngẫu nhiên, sản phẩm tự do của người mang tên. Có một chút gì định mệnh. Như kịch của Racin. Như nhân vật của Nguyễn Du. Từ Hải không thể là thằng hèn. Khuyển Ưng, Khuyển Phệ không thể là tay « đội trời đạp đất ». Sở Khanh không thể là người chung thủy. Cần không thể không là *Cần-ria*. Chứng cứ :

— Tại sao anh không cạo bộ ria ấy đi ?

— Câu hỏi vô lý. Cần nói.

— Thầy nó bảo cạo đi cho một nghìn. Nó cũng không chịu.

— Tại sao không chịu ?

— Cần ria mà không ria thì còn ra cái quái gì nữa.

Hỡi Freud, hỡi James, hỡi Piaget, có lẽ các ông có lý. Trước khi ý thức được « bản ngã tinh thần », đưa trẻ ý thức được « bản ngã cơ thể », « bản ngã sinh lý ». Nó là cơ thể nó, là đầu ấy, thân ấy, chân ấy, tay ấy, tóc ấy, ria ấy. Nó khác kẻ khác ở chỗ nào ? Nó chưa tìm ra thuyết tương đối, chưa lĩnh giải Nobel văn chương. Nhưng nó cần là nó. Nó cần khác kẻ khác. Quanh nó có nhiều nghìn thằng Cần, nhiều trăm thằng Thanh, nhiều chục thằng Ngọc. Nhưng chỉ có nó là Cần-ria, Thanh-kêu, Ngọc-Marlon. Bộ ria ấy là nó, thân thể gầy cao ấy là nó, mái tóc đặc biệt ấy là nó. Không thể bỏ bộ ria ấy đi, đổi kiểu đầu ấy đi được. Nó sẽ không còn là nó nữa. Ở một độ cao hơn : cái ngôi bá chủ toán học hay triết học hay lý hóa ở lớp này là của nó. Nhưng chỉ có một Hùng-cây-toán, một Tùng-cây-ly, một Huy-cây-triết. Đừng hy vọng bắt Phèdre không ngoại tình với con chồng, Sở Khanh trở thành anh hùng. Đừng hy vọng bắt Hùng-cây-toán giỏi Việt văn, Tùng-cây-ly giỏi sử địa, Huy-cây-triết giỏi vạn vật. Hùng sẽ không còn là Hùng-cây-toán nữa, Tùng sẽ không còn là Tùng-cây-ly nữa và Huy sẽ không còn là Huy-cây-triết nữa. Nó sẽ không còn là nó nữa. Không được.

Và tôi van các anh đừng dơ tay lên trời hay cười cợt mà kêu rằng : quái gở. Hãy nhớ lại hai mươi năm về trước cũng có những *Kim-vá*, *Long-hàng-giấy*, *Mai-hắc-đế*, *Ngọc-cần-long*. Tuổi tác đã đeo vào mắt chúng ta cặp kính cận thị thành kiến. Rồi hét lên những tiếng u, ơ, mê sảng, khôi hài : tuổi trẻ sa đoạ, tuổi trẻ hỗn loạn. Không phải đặt những tĩnh tự có hàm chứa tính chất kết án là giải quyết vấn đề. Không thể bắt Cần đừng là Cần-ria, Tùng là Tùng-cây-toán. Vấn đề không phải là thái độ tiêu cực ấy. Vấn đề là làm cho Cần-ria trong tương lai, trở thành *Cần-kỹ-sư*, Tùng-cây-toán của lớp đệ II trở thành *Tùng-bác-học*.

Đừng bắt tuổi trẻ đừng trẻ. Đừng bắt giòng nước ngừng chảy. Sẽ lụt lội. Sẽ thủy tai. Nhưng giòng nước chảy có thể là nguồn của điện lực. Có đúng chẳng ? (Câu hỏi thường thức lớp nhất).

CON ĐƯỜNG THỦY TINH

NGUYỄN-ĐỨC

Huy ra khỏi rạp Ciné, trời đêm âm và lạnh. Huy đi dưới những tàn cây lớn, mỉm cười một mình. Chàng vừa xem phim « Les temps modern » của Charlie Chaplin, chàng vâng vâng nút áo của mình và nghĩ đến những chiếc đinh ốc đã ám ảnh Charlot.

Trên đường, từng vòng ánh sáng nhỏ đây đó như ánh sáng những vì sao dẫn dắt Huy về phía Trại Hải Quân. Huy không chủ ý nhưng hình như có sự thúc đẩy âm thầm nào khiến Huy tiến về hướng đó. Bờ sông, Đại lộ Cường-Đề, Thống Nhất rồi Nguyễn-Bỉnh-Khiêm . . . Một biệt thự xinh xắn giữa khu vườn rộng đầy hương nhài, đinh lăng, ngọc lan . . . Bây giờ Vân còn thức hay Vân đã ngủ ? Vân có nghĩ hay Vân có mơ tới một miền hoa cỏ nào ở đó có Vân và . . . Huy ?

Và Huy cảm thấy cần phải đi qua (chỉ đi qua thôi) và nhìn vào (chỉ nhìn vào thôi) cửa phòng Vân. Chàng hy vọng hai cánh sổ còn mở rộng, ánh sáng của bóng đèn ngủ khêu gợi trí tưởng tượng của Huy hình ảnh chiếc giường ngủ, đến màu *drap* trắng, đến mái tóc đen xõa trên gối, đến chiếc ngực căng dưới làn vải mỏng phập phồng theo hơi thở . . .

Huy mỉm cười nghĩ đến Quang và giọng nói lúc nào cũng riêu riêu của hắn :

— Tình yêu là một thứ thuốc phiện, nó làm ngu và hèn thẳng đàn ông.

Nếu thật vậy — Huy nghĩ — chàng vẫn thích được « nghiên » tình yêu và « nghiên » Vân như thường.

Huy hơi thất vọng vì cửa phòng Vân đóng kín. Nhưng hương nhài loãng trong không gian đủ cho Huy cảm thấy hồn phiêu diêu và nghĩ tới mùi da thịt của Vân.

Huy về nhà ngồi chong đèn trước bàn học. Chàng lấy mảnh giấy trắng viết lớn mấy chữ : THI ĐỐ — VÂN — NHẠC CỦA STRAUSS dán lên tường.

Huy để tay lên những chiếc giây đàn guitare, lúc này chàng thấy thêm những tiếng nhạc. Nhưng có tiếng nhạc nào đủ diễn tả những âm thanh xao xuyến trong tâm hồn chàng lúc này. Huy ngủ thiếp đi trong vùng ánh sáng nhỏ bé.

..

Huy quẹo xe vào ngõ, nhà Quang ở cuối con đường đất mấp mô. Sau nhà Quang có một khoảng đất nhỏ được che rợp bởi tàn cây trướng cá xum xoe hèn mọn, trông ra chiếc hồ cá và dãy cầu tiêu công cộng. Huy và Quang thường ngồi ở đấy nói chuyện trong những tiếng lồm bồm và một thứ mùi khó chịu.

Quang đang xoay trần sửa chiếc xe đạp, chiếc xe kỳ quái không phanh, không đèn, không *garde de boue*, không gì ngoài những thứ cần thiết đủ cho chiếc xe chạy được.

— Tao đỗ rồi.

Quang hỏi cụt ngủn, không ngừng lên :

— Đỗ à ? Mà mày định làm gì ?

— Chưa biết !

Lát sau, Huy và Quang ngồi phía sau nhà. Quang ườn người ra phía sau, hỏi lại câu ban nãy.

— Mày chưa định làm gì à ?

— Ừ, học thì học, đỗ thì đỗ thế thôi !

Quang nhếch một bên mép. « Cái cười khó thương lạ ! » Huy nghĩ thế.

— Chủ trương của mày không ngửi được. Tao hỏi không cốt để biết địa vị của mày để nhờ vả nhưng để biết « chí lớn » của mày tới đâu. Điều này đỗ không đáng lạ, ăn học đàng hoàng và phồn phơ như mày mà không đỗ mới là lạ. Nhưng đỗ để làm gì ? đấy mới là vấn đề ?

Quang liếm mép, môi hằn khô và dày nhưng có một vẻ thu hút khi hằn mấp máy nói.

— Tao không có bằng cấp gì, điều tao nói khiến mày, hay nhiều thằng khác, cho là đồ ky. Nhưng mày phải công nhận là mày học, mày

thì, mây đổ chẳng có mục đích gì hết. Như thế mây nên vo viên mảnh bằng vút vào sọt rác còn hơn, nhưng cũng chẳng cần vì tự nó cũng chẳng có nghĩa gì. Mây học như một sự đua đòi hay chỉ là một thói quen. Mây có thấy thế là vô lý hay không? Giá trị của mây không phải do mây tự tạo mà do xã hội gán cho nó. Xã hội... ồ, xã hội...

Quang vung vẩy cánh tay, hấn có vẻ khờ khạo và vụng về như một con gấu. Huy không nghe rõ từng lời hấn nói, chàng lơ đãng nhìn những mái nhà tranh xám ngoét bên kia hồ cá và nền trời sáng vẩn mây bên trên.

— Nhưng mọi người đều thế! — Huy cãi vụng về.

— A... mọi người, cái mọi người mà người ta gọi là xã hội — một thứ đám đông ngu xuẩn. Xã hội làm cho mây ngu đi, hèn đi, mây không dám làm trái lại những thành kiến của xã hội. Mây sợ dư luận, mây sợ mang tiếng lỗ bịch, chính vì thế mây lỗ bịch với chính mây. Tao nói mây đây là mây, không phải mây là thằng Huy, cử nhân luật...

Huy nhìn xuống bàn tay trắng nõn gân xanh của mình, nhìn chiếc nhẫn saphir trên ngón tay út. « Anh hãy mang chiếc nhẫn này theo anh, nó là em, và em được theo từng bước chân của anh ».

« Anh vẫn mang theo anh, mang suốt đời anh, Vân ạ. Nếu nó là em, nó cũng là anh. Tình yêu biến mọi sự thành duy nhất, cả anh và em cũng thành duy nhất... »

— Vân đã biết mây đổ chưa ?

— Chưa.

— Vân sẽ mừng lắm. Nhưng không nên trách Vân, mọi đứa con gái đều thế cả. Mây sẽ chết đuối trong những sự nhỏ nhặt tầm thường ấy. Thí dụ mây trượt, mây có thể mất Vân, nhưng tao cho thế lại hay cho mây hơn.

Huy muốn đâm vào mặt Quang. Vân thế chẳng ? Dù trong một lúc Huy thấy ghét Quang thật tình, nhưng chàng vẫn lo ngại vân vợ. Vân thế chẳng ?

Không ! Vân không thể thế ! Vàng trán thông minh ấy, con mắt trong sáng ấy, nụ cười e ấp ấy, tâm hồn dịu dàng ấy không thể nhỏ nhặt và tầm thường như thế. « Vân của anh, và anh là anh, thế thôi ! »

Quang xua một con ruồi vo ve trên đầu mũi sần sùi của hấn, cười :

— Mây đang đi trên con đường thủy tinh, coi chừng, nó vỡ vụn dưới chân mây lúc nào không biết.

Nắng buổi sáng trong suốt càng làm nổi bật màu xám của những mái nhà và vết xám đang loang rộng trong tâm hồn Huy.

Huy đứng bên này sông, chân lún xuống vũng bùn đặc quánh, ghé tởm. Bên kia bờ, một cánh đồng hoa bát ngát rực rỡ. Vân đang bay nhảy trong đó, vạt áo trắng của nàng phấp phới như những cánh bướm.

Tiếng Vân cười như giọng hát sơn ca, lên cao, cao mãi, vang xa, vang xa mãi. Bùn ngập dần lên bụng, lên ngực Huy, đè nặng như một khối đá, Huy gào to :

— Vân ! Vân ơi !

Vân vẫn bay nhảy vô tình, tiếng cười chế riếu. Huy vùng vẫy, càng vùng vẫy chàng càng lún sâu thêm, khối bùn như chiếc vôi những con bạch tuộc kéo chàng xuống. Huy tuyệt vọng, gào thét :

— Vân ! Vân ơi !

Huy tỉnh dậy, mồ hôi ướt đầm, thân thể tê liệt và nặng trĩu trên giường.

Chàng nằm im, rất lâu, cố cử động chân tay. Mắt chàng nhìn lên đỉnh màn trắng xóa, trái rọng mãi ra khiến chàng ngập trong một cảm giác ghê rợn.

Huy vùng dậy, chàng mặc nhanh quần áo xuống đường. Phố xá tấp nập khiến Huy bình tĩnh. Mọi người đều có vẻ vội vàng và lạnh đạm. Trời đang nắng bỗng tối lại, báo hiệu một cơn mưa bất ngờ.

Huy đi không chủ đích, nhưng bước chân vẫn đưa tới nhà Vân. Cánh cổng khép hờ, con đường trải sỏi trắng chạy dài bên trong, những chiếc lá rụng đuổi nhau theo gió như những đứa trẻ nghịch ngợm.

Vân ngồi đấy, dưới mái hiên, đón Huy bằng một nụ cười. Huy chợt nhớ đến tiếng cười sơn ca trong giấc mơ.

— Anh xanh quá ! Vân hỏi lo lắng.

— Anh hơi mệt.

Vân đề tay lên trán Huy.

— Chết chưa ! Anh ồm rồi đấy, trán lạnh quá.

Huy đề tay mình lên tay Vân, mỉm cười :

— Em cứ đề tay đây anh sẽ ấm lại, vì em là mặt trời, là lửa, là...

— Là nàng thơ của thi sĩ Huy ?

— Hơn thế nữa, là Đức Mẹ đối với con chiên, là Phật Bà Quan Âm đối với đệ tử.

— A-di-đà-Phật ! A-men !

Vân cười nắc nẻ, vết lúm ở má nàng càng lúm sâu hơn. Mưa hồng rào rào đổ xuống, Vân giật tay ra :

— Vào trong này kéo hắt, anh.

— Không, anh thích ngồi ngoài này. Em biết tại sao không? Vì những bụi nước bám vào tóc em trông như những hạt ngọc, và không một món nữ trang nào của những nàng công chúa đẹp hơn thế nữa.

Vân chớp mắt, hàng mi cong cụp xuống, những chiếc lông dài vẩy vẩy như những cánh chim non.

Huy bỗng đổi giọng nghiêm trang :

— Vân này, anh trượt rồi.

Vân ngừng lên :

— Thế à, lạ nhỉ ?

Huy bỗng thấy đau nhói, chàng nhớ đến lời của Quang : « Điều may đó không không đáng lạ, ăn học đàng hoàng phởn phơ như mây không đổ mới lạ. »

Huy gượng cười :

— Em phạt anh gì nào ?

Vân làm dấu thánh-giá trên môi. Vân vẫn thường đùa bảo Huy : « Em phải cảm tạ Chúa trước khi dâng hiến cho anh ».

Huy sung sướng, rạo rức kéo Vân lại phía chàng, khẽ đặt môi mình lên môi Vân. Cả sức sống của Vân như dồn lên đôi môi, cháy bỏng.

Huy khẽ vuốt đôi vai thon nhỏ, thì thầm :

— Anh nói dối em đấy. Anh đổ rồi ! Em phạt anh gì nào ?

Vân lại làm dấu thánh-giá. Huy cười chỉ vào vết lúm trên má :

— Không, em làm ở đây cơ !

Vết lúm quen thuộc như chiếc rãnh trái đào, làm Huy thêm muốn nhưng không dám cắn răng vào, sợ phai mất sương tuyết quý báu.

Huy nói với Vân, say sưa :

— Anh đang đi trên con đường thủy tinh, Vân ạ. Con đường trong suốt nhưng không có cỏ mọc, hoa nở. Anh sẽ rời bỏ nó để tìm những con đường đất gồ ghề. Nhưng em, anh muốn em là một khối pha-lê để anh cất vào hòm, khóa lại, em không còn trốn chạy được nữa.

Vân ngơ ngác. Huy hấp tấp xuống thêm, ra sân và không ngoảnh lại. Trời còn lất phất mưa...

vấn đề của chúng ta

BUỔI NÓI CHUYỆN VỚI MỘT GIÁO-SƯ ĐẠI-HỌC

Với mục đích xây dựng cho Văn-Học một đường lối phù hợp với hiện tình đất nước, nhất là về phương diện văn hóa và xã hội, chúng tôi đã tìm tới thỉnh ý một giáo sư Đại-Học mà vì lý do riêng chúng tôi tạm dấu danh tính và Phân khoa mà ông phụ trách.

Vị Giáo-Sư với, phong thái của một nhà trí thức và đôi chút nghệ sĩ (chúng tôi yêu thích mái tóc lòa xòa ít khi gọn ghẽ) đã dành cho chúng tôi gần trọn buổi tối vào một cuộc nói chuyện rất cởi mở.

Ông xác định rằng ông đã dành cho Văn-Học rất nhiều cảm tình, dù cho còn đôi chút khiếm khuyết nhưng riêng sự kiện «dám làm» trong giai đoạn này đã là một quả cảm đáng khuyến khích, và là một sự hy sinh, ít ra là hy sinh về tài chính.

Được sự mở đầu phấn khởi ấy, chúng tôi đã thỉnh ý ông về sinh hoạt nội bộ của một vài phân khoa. Ông đã tỏ ra đôi chút dè dặt, nhất là đối với những phân khoa mà ông không được biết rõ.

Riêng về trường Đại-Học Văn-Khoa, ông đã thành thực phát biểu :

— Tôi nhận thấy anh em Sinh-viên Văn-khoa rất hay kêu nài (ông hơi mỉm cười), anh em luôn luôn viết thư đăng tải trên các nhật báo. Nhưng anh em đã phản nài gì ? Anh em đã phản nài về chuyện

sắp xếp thời khóa biểu, về việc cho những người không kịp ghi danh được thi chẳng hạn . . . Những chuyện đó đâu có nên đặt thành những vấn đề lớn, chỉ cần một viên thư ký hay cùng lắm ông Tổng Thư Ký thu xếp cũng đủ. Tôi thấy còn bao nhiêu vấn đề cần phải nói, cần phải tranh đấu, nó xác định trình độ của anh em, như vấn đề giáo sư phụ trách các môn tại các chứng chỉ . . . chẳng hạn. Đó là vấn đề then chốt, vấn đề giá trị của một Trường Đại-Học, của các chứng chỉ được cấp phát, và của các sinh viên tốt nghiệp.

Ông ngừng lại, suy nghĩ, trầm tư . . . hình như ông đang phải quyết định có nên hay không nên phát biểu trọn vẹn ý kiến riêng của mình ?

— Sự lựa chọn một giáo sư Đại Học thật là hệ trọng. Anh em Sinh viên để cho người ta đặt những người không xứng đáng lên địa vị giáo sư tức đã để cho người ta chà đạp lên nhân vị của mình. Theo tôi, có hai nguyên tắc rất rõ rệt để tuyển chọn một giáo sư : hoặc là có đủ bằng cấp đại-học, hoặc được công nhận là học giả uyên thâm. Chắc các bạn cũng thấy tại Văn-Khoa không thiếu những người phụ trách giảng dạy không hề đủ một trong hai điều kiện này. Nó đã tạo nên một cuộc « khủng hoảng » với nhiều hậu quả.

Hậu quả nguy hiểm nhất là tình trạng mua chuộc Sinh-viên. Đó là hậu quả tất nhiên, bởi không đủ khả năng, không có uy tín thì chỉ có cách mua chuộc Sinh-viên để bảo vệ địa vị. Có những chứng chỉ 16 người thi, 15 người đỗ. Không phải anh em Sinh-viên không hiểu rõ điều này (có gì đâu được sự tinh quái của anh em nhỉ ?) nhưng họ « khôn ngoan » tìm cách lợi dụng tình trạng ấy. Đó là một điều đáng phàn nàn, về phía các anh em.

Giáo-sư kể lại cho chúng tôi câu chuyện một Sinh-viên vừa đỗ cử nhân được đề cử ngay làm phụ giảng bị Sinh-viên phản đối kịch liệt và việc ấy đã bị bãi bỏ.

— Tôi cho tinh thần anh em lúc đó đáng khen nhất. Nhưng tại sao lại không cố giữ được truyền thống ấy nhỉ ?

Giáo-sư cũng không quên nhắc đến những điều « phiền lòng » nho nhỏ như thỉnh thoảng trước hội đồng Giáo-sư người ta đưa ra những hồ sơ xin học bổng hoặc xin làm phụ khảo mà những học bổng hay cuộc tuyển chọn phụ khảo chưa bao giờ được công bố. Chẳng hiểu những hồ sơ ấy làm cách nào « lọt » vào được. Đây là điều « bậy » nhất (nguyên văn lời Giáo-sư) vì nó gạt bỏ những phần tử khá, làm lợi cho những phần tử thân cận với những người này hay người nọ.

Để hiểu rõ hơn về tình trạng giáo sư của trường Đại-Học Văn-Khoa, chúng tôi xin Giáo-sư cho biết rõ một vài chi tiết.

Giáo sư mỉm cười :

— Tôi không muốn nêu danh những người đó vì nó dễ xảy ra những

sự va chạm đáng tiếc. Nhưng hẳn các bạn cũng biết những ai đã tốt nghiệp cái bằng « văn khoa chuộng ngựa » (nguyên văn) từ Hà-nội, những ai tự mệnh danh là học giả. Thật ra quan niệm về sự nghiệp văn học rất co dãn, nhưng ở lãnh vực khác thì được, một trường Đại Học phải khắc khe hơn, nhất là đối với Văn Khoa. Bên khoa học, có gì họ rất dễ phục hồi ; đối với Văn khoa hậu quả thường kéo dài và khó lòng xóa bỏ được. Theo tôi nghĩ, tại Viện Đại Học nào cũng vậy, thường Phân Khoa Văn khoa phải vạch một đường đi, biểu dương một khuynh hướng chung cho cả Viện, vì thế càng không được cầu thả.

Ngay người chỉ huy cũng vậy, với đầu óc công chức và hình như không được đào luyện trong tinh thần Đại Học nên không hiểu được thế nào là truyền thống tự trị của Đại Học. Nay thượng cấp, mai thượng cấp làm sao có thể điều khiển nổi một Phân Khoa quan trọng ?

Chúng tôi chuyển hướng câu chuyện, xin giáo sư cho biết ý kiến về một vài lãnh vực khác, về nền văn chương Việt Nam hiện đại, về tình trạng báo chí... Giáo sư vui vẻ trả lời, phát biểu nhiều nhận xét xác đáng. Cuối cùng ông mỉm cười, cái cười rất khế, kết luận :

— Các bạn có thấy hiện nay trong nhiều lãnh vực tràn ngập một thứ « tác phong cao-bồi » hay không ? Tôi dùng chữ « cao-bồi » với một nghĩa rộng, rất rộng...

Rộng và trống rỗng như ý nghĩ của chúng tôi khi từ giã giáo sư. Trời Saigon về đêm êm ả nhưng liệu ngày mai, mùa mưa miền Nam đã hết, có nhiều nắng gió hay không ?

Sinh viên và trách nhiệm

Sau khi phát hành V.H số 1, chúng tôi nhận được nhiều thư của các Bạn sinh viên khắp nơi, trong đó có bạn Vy-Ca. Lá thư của bạn Vy-Ca không có tính-cách một bài lai-cáo, mà chỉ nhằm mục-đích thảo-luận cùng V.H. về những vấn-đề lớn liên-quan đến tình-trạng sinh-viên và thanh niên.

Cũng như bạn Lê-Đôn-Khoan (V.H số 1), bạn Vy-Ca đã không thiếu sự nhiệt-thành đáng quý và vì vậy, theo chúng tôi nghĩ, bạn đã đặt vấn-đề hời phiến diện. Nhưng dù sao, ý-kiến của bạn không phải là không hữu ích, ít nhất nó làm bằng cứ cho sự tin-tưởng rằng sinh viên — thanh niên vẫn thiết tha đến vận mạng mình và sẵn sàng đón nhận những trách nhiệm nặng nề.

Bởi vậy, chúng tôi xin trích đăng một đoạn trong lá thư của Vy Ca, tạm đặt dưới tiêu đề :

« Sinh-viên và trách-nhiệm »

« ... Chúng ta là những sinh viên, không còn quá nhỏ để được quyền an nhàn ngồi thừa hưởng, và chưa đến nỗi quá già để chỉ lo bo bo gìn giữ. Chúng ta là con người của thay đổi và của xây dựng, điều đó đòi hỏi ở chúng ta một ý thức trách nhiệm sáng suốt và định hướng.

Trách nhiệm, một thực tại không thể lẩn tránh. Không thể tránh vì nó không quanh quẩn bên ngoài chúng ta, mà nó là chính chúng ta, nó là công việc chúng ta đang làm, là tư tưởng chúng ta đang thắc mắc, là hoài bão chúng ta đang ấp ủ.

Trách nhiệm ? Vì sao ? Chúng ta có thể cho rằng hoàn cảnh chung quanh đã xô đẩy chúng ta tới đây. Hiện tại của chúng ta đã được đúc kết ngoài ý muốn, vậy mà tại sao chúng ta lại bó buộc phải đón nhận ?

Hoàn cảnh ? Sống trong xã hội làm sao mà tránh được hoàn cảnh (vì đặc tính của vật chất là phải chiếm một chỗ trong không gian, và một khoảng không gian lại bị xác định và chịu ảnh hưởng của các khoảng không gian chung quanh). Có lẽ chúng ta muốn bám víu lấy lý do hoàn cảnh không thuận tiện cho sự thực hiện những dự tính ? Nhưng thử hỏi đã có bao nhiêu cơ hội thuận tiện mà chúng ta đã bỏ lỡ ?

Hoài bão của chúng ta, những sinh viên, không còn nhỏ bé đến độ chỉ cần phát lộ ý muốn là đủ (chúng ta nào muốn là một đứa trẻ được chiều chuộng ?) mà nó phải được cố gắng thực hiện, hình thành dần dần qua những quyết định hàng ngày. Chúng ta không muốn nhắc lại một tư tưởng quen thuộc « sống là lựa chọn », nhưng ít ra cũng cần phải nhắc lại : Hãy quyết định để khỏi bị xác định.

Tinh thần trách nhiệm và thái độ bất mãn. Thái độ bất mãn, mà chúng ta thường thấy qua các cuộc đàm luận trên bất cứ lãnh vực nào, thường là hậu quả của một mặc cảm bất lực và ý muốn tự bào chữa.

Chúng ta công nhận kinh tế chúng ta chậm tiến, công nhận lệ h sử chính trị của chúng ta đã trải qua những giai đoạn đồ hộ nặng nề, công nhận nền văn hóa của chúng ta không thuần nhất. Nhưng chúng ta không thể công nhận rằng sự cố gắng của mỗi chúng ta là vô vọng.

Một con én không thể mang lại mùa xuân. Vâng, một con én không thể mang lại mùa xuân cho nhân loại, nhưng nó mang lại mùa xuân cho chính nó, vì nó là tượng trưng của mùa xuân. Chúng ta cũng vậy, nếu chúng ta chưa thể thay đổi được hoàn cảnh chung quanh thì ít nhất chúng ta cũng phải xác định lại thái độ đối với cuộc đời của chính mình.

Thói quen tự biện hộ thường ru chúng ta vào một giấc ngủ tự hài lòng : « Tôi đã cố gắng hết sức rồi, nhưng mà tại vì, tại vì và tại vì », rồi chúng ta sẽ để mặc những cái « tại vì » này xô đẩy đến những cái « tại vì » khác. Sao chúng ta không quay lại để thẳng thắn trả lời : « Tại vì tôi ».

Tóm lại thái độ bất mãn chỉ là hậu quả tất nhiên của một tinh thần trách nhiệm hẹp hòi.

Trách nhiệm và giá trị. Trách nhiệm là cuộc đời của chúng ta, vậy nó cũng là tất cả giá trị của chúng ta. Và thiết tưởng cần mình xác thêm rằng : giá trị mà chúng ta tạo ra chứ không phải của xã hội gán cho. Có lẽ chúng ta đã thấy mơ hồ quan niệm không thành công cũng thành nhân, và muốn đầy đủ hơn phải thêm : thành công chưa chắc đã thành nhân.

Vậy giá trị của chúng ta không phải là những công cuộc mà chúng ta đã hoàn thành (hay tự nhận là đã góp phần lớn trong công cuộc xây dựng!). Nhưng là sự tin tưởng, niềm kiêu hãnh nó làm động cơ cho tất cả những hành động của chúng ta. Mà sự tin tưởng ấy, niềm kiêu hãnh ấy chỉ có thể có nếu chúng ta dám nghĩ rằng chỉ có một mình chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm, không vội tìm cách thu về mình những thành công để tìm nguyên nhân các khiếm khuyết ở bên ngoài.

« Một hòn sỏi cũng có giá trị của nó, » Nhưng giá trị ấy bị lệ thuộc hoàn cảnh, và hoàn cảnh lệ thuộc các biến chuyển ngoài ý muốn của nó (nếu có). Nhưng chúng ta, chúng ta có khả năng làm thay đổi các biến chuyển (hay ít ra, thay đổi ảnh hưởng của những biến chuyển ấy vào cuộc sống), chúng ta có thể lựa chọn hoàn cảnh, vậy sự xác định giá trị không tùy thuộc những điều kiện bên ngoài chúng ta.

Thật vậy, chúng ta không còn quá ngây thơ để ra phỉnh nịnh, cũng chưa đến nỗi quá cần cỗi để ngồi nguyên rũa. Hoài bão tràn đầy, tài năng đang phát triển, tương lai hé mở nhiều bất trắc và nhất là với danh hiệu một sinh viên, chúng ta cần sáng suốt nhận đón hiện tại, không oán trách hay luyến tiếc quá khứ, luôn luôn sẵn sàng quyết định tương lai. Lúc đó, cuộc sống sẽ đến với chúng ta như một thực tại sống động, phong phú và mỗi chúng ta sẽ đón nhận nó với niềm kiêu hãnh của một sinh viên, hay đúng hơn, của một con người đã khám phá ra rằng chỉ có mình chịu trách nhiệm về cuộc đời của chính mình...»

VY-CA

GIAN NHÀ BÚP-BÊ

KỊCH BA MÀN

nguyên tác : HENRIK IBSEN

người dịch : VIÊM-ĐẦU

MÀN II

Cùng khung cảnh.— Cây Giáng Sinh đặt ở góc phòng gần chiếc đàn dương cầm, trang-hoàng nhiều đèn nến rực rỡ. Áo khoác ngoài và mũ của Thu-Hà đặt trải trên ghế Sofa Một mình Thu-Hà, băn khoăn đi lại trong phòng. Nàng đến bên ghế cầm chiếc áo lên tay.

THU-HÀ.— (thả áo xuống ghế). Có ai đang lên cầu thang. (Đi ra phía cửa và nghe ngóng) Không, chẳng có ai cả. Mà khách nào lại đến vào giữa ngày Giáng Sinh bao giờ, cả ngày mai cũng sẽ chẳng có ai đến. Nhưng biết đâu đấy... (Mở cửa và nhìn ra ngoài) Không, chẳng có gì trong thùng thư. Hoàn toàn không có gì cả. (Đi trở lại vào phòng). Mình thật ngu xuẩn ! Nó tất nhiên không thể nào làm như thế được. Không thể nào lại xảy ra chuyện như vậy ; không thể nào... Mình còn ba đứa con nhỏ.

(Vú An từ phòng bên trái đi vào, tay ôm một hộp lớn).

VÚ AN.— Mãi tôi mới tìm thấy cái áo mùa của mợ đây.

THU-HÀ.— Cám ơn Vú. Vú đặt lên bàn này hộ tôi.

VÚ AN.— *(Đặt hộp áo lên bàn)* Áo thủng nhiều chỗ quá, cần phải mạng lại.

THU-HÀ.— Tôi muốn xé tan nó ra thành trăm ngàn mảnh.

VÚ AN.— Việc gì mà phải bỏ đi ! Còn khâu lại được mà, chỉ mất công một tý thôi.

THU-HÀ.— Ừ để tôi đi mời bà Túy Linh lại giúp tôi một tay.

VÚ AN.— Mợ định đi ra ngoài bây giờ hay sao ? Giời lạnh này mà đi, thì thế nào mợ cũng bị cảm và mang bệnh vào thân.

THU-HÀ.— Hừ, còn tệ hơn nữa chứ ốm mà thôi à. Lũ trẻ con thế nào ?

VÚ AN.— Chúng nó đang mải mê với các đồ chơi Giáng-Sinh, nhưng...

THU-HÀ.— Chúng nó có đòi ra với tôi luôn không ?

VÚ AN.— Mợ tính, bọn trẻ đã quá quen quần bên chân mẹ...

THU-HÀ.— Ừ.. nhưng, Vú này, từ giờ tôi không thể ở gần bên chúng nhiều như trước nữa đâu.

VÚ-AN.— Dào, trẻ con thì cái gì rồi cũng quen ngay đấy mà.

THU-HÀ.— Thật thế không ? Vú có nghĩ là trẻ con sẽ quên mẹ chúng nếu người mẹ đi biệt tăm không ?

VÚ AN.— Trời đất !... đi biệt tăm ?

THU-HÀ.— Này vú, tôi muốn Vú nói cho tôi nghe một vài điều mà tôi vẫn lấy làm lạ... là sao Vú lại nỡ bỏ con Vú ở giữa những người không quen thuộc thế ?

VÚ-AN.— Tôi buộc lòng phải như thế, nếu muốn làm Vú già cho cô bé Thu-Hà.

THU-HÀ.— Ừ, nhưng sao Vú lại muốn thế chứ ?

VÚ-AN.— Sao à ? — Khi mà tôi kiếm được chỗ làm tốt như thế này. Một đứa con gái đang ở cảnh túng quẫn như tôi, ắt phải vui sướng mà làm như vậy. Với lại, cái thằng cha ấy nó chẳng ngó ngang gì tới tôi cả.

THU-HÀ.— Nhưng nhớ con gái Vú nó quên bằng Vú đi thì sao ?

VÚ-AN.— Không đâu, nó không quên tôi đâu. Nó viết thư cho tôi khi có người hỏi và khi nó đi lấy chồng.

THU-HÀ — *(Vòng tay lên cổ Vú An)*. Vú An ơi ? Vú là một người mẹ hiền-dịu của tôi khi tôi còn nhỏ.

VÚ-AN.— Cô Hà, cô cứ coi tôi như người mẹ duy nhất của cô.

THU-HÀ.— Nếu mấy đứa nhỏ không còn người mẹ nào khác, tôi tin chắc là Vú sẽ... Ồ tôi đang nói ba làng nhàng ! *(mở chiếc hộp)* Vú đi vào với các em đi. Tôi còn phải... Ngày mai Vú sẽ thấy tôi đẹp biết chừng nào ?

VÚ-AN.— Chắc hẳn là trong đám khiêu vũ không còn ai đẹp hơn mợ nữa. *(Đi vào phòng bên trái).*

THU-HÀ.— *(Bắt đầu tháo chiếc hộp nhưng lại đẩy ngay ra xa).* Nếu mình có thể đi ra ngoài được bây giờ ! Nếu không ai đến vào lúc này thì hay quá. Nếu mình có thể biết chắc được là không có chuyện gì xảy ra ở đây trong lúc mình vắng nhà.Ồ mình thật điên rồ, kỳ cục ! Thôi không nghĩ đến chuyện ấy nữa mới được. Mình sẽ đi chải cái bao tay. Cái đôi găng này thật tuyệt, thật tuyệt.Ồ quên đi ! quên đi ! Đừng nghĩ nữa ! Một, hai, ba, bốn, năm, sáu... *(Kêu lớn)* A ! Có ai đến. *(Bước ra phía cửa nhưng dừng lại, e ngại).*

(Túy Linh từ phía cửa ngoài; bỏ áo khoác và mũ đi vào)

THU HÀ.—Ồ, hóa ra chị, chị Túy-Linh. Không còn có ai ở ngoài ấy nữa chứ ? Chị đến em mừng quá.

TÚY LINH.—Mình nghe nói Hà có đến tìm mình.

THU HÀ.—Vâng, em có ghé qua chị. Em có việc này muốn nhờ chị giúp một tay. Lại ghế sofa này ngồi chị Linh. Chả là thế này, chiều mai vợ chồng nhà anh Bảo, ở ngay tầng lầu trên nhà em đây sẽ tổ chức một buổi khiêu-vũ hóa trang, và anh Hoàng muốn em ăn mặc giả làm con gái thuyền chài vùng Naple và múa điệu vũ em học được hồi ở Capri.

TÚY LINH.—À ra thế ; chị sẽ thử vai ấy chứ !

THU HÀ.—Vâng anh Hoàng muốn thế. Đây, cái áo ấy đây này. Anh Hoàng may cho em ở Capri, nhưng bây giờ nó tã quá rồi, em không biết tính sao đây...

TÚY LINH.—Chúng mình có thể sửa lại gọn ghẽ mà. Có một vài chỗ bị tuột chỉ thôi, không sao, kim, chỉ đâu ? Chỉ cần hai thứ này là đủ.

TÚY LINH.—*(Vừa khâu vừa nói chuyện)* Thế là ngày mai Thu Hà sẽ làm đom đấy. Mình muốn nói với Hà điều này... Mình sẽ chỉ đến thăm Hà một lát và ngắm vẻ duyên dáng của Hà. À mà mình quên khuấy đi mất không cảm ơn Hà về buổi chiều rất thú-vị ngày hôm qua.

THU HÀ.—*(dừng dặt và đi ra giữa sân khấu)* Em thì em không nghĩ là chiều hôm qua thú-vị như mọi khi. Nhẽ ra chị nên lên sớm hơn mấy ngày, chị Linh ạ. Em chắc anh Hoàng là người biết làm thế nào cho vui cửa vui nhà.

TÚY LINH.—Và cả Hà nữa, mình nhận thấy như thế, Hà thật xứng với cụ nhà. Nhưng Hà này, cái ông Bác-sĩ Thành có phải lúc nào cũng chán đời như ngày hôm qua không ?

THU HÀ.—Không ; hôm qua là cái ngày bất tường. Em cũng phải nói để chị biết là anh ấy bị mắc chứng bệnh rất nguy-hiểm. Anh ấy bị đau sống lưng, thật tội nghiệp. Ông cụ ngày trước trác táng quá thành thử để con ra đã bị ốm đau quặt quẹo từ nhỏ. Chị hiểu chứ gì ?

TÚY LINH.— *(Ngừng tay kháu, bỏ áo xuống)* Nhưng, Hà ơi, làm sao Hà lại biết được những chuyện như thế ?

THU HÀ.— *(Đi lại trong phòng)* Đâu ! Khi mình đã là gái có ba con rồi và thỉnh thoảng có... có một vài người đàn bà có chồng biết ít nhiều về những chuyện thuốc men, họ đến chơi thì họ kể cho mình nghe hết chuyện này đến chuyện nọ.

TÚY LINH.— *(tiếp tục kháu. Một lát sau)* Bác sĩ Thăng đến đây hàng ngày ?

THU HÀ.— Đến đều đặn mỗi ngày. Anh ấy là bạn thân nhất của anh Hoàng và cũng là bạn của em nữa. Anh ấy cũng gần như người trong gia đình.

THU LINH.— Nhưng mà Hà này... ông ấy có hoàn toàn thành thực không ? Mình muốn nói ông ấy có phải là người luôn luôn muốn tỏ ra mình là một người dễ chịu không ?

THU HÀ.— Không hẳn thế. Cái gì làm chị nghĩ như vậy ?

TÚY LINH.— Khi Hà giới thiệu mình với ông ta ngày hôm qua, ông ấy nói thường vẫn nghe thấy tên mình nhắc nhở trong nhà này, thế mà về sau mình thấy anh Hoàng ngỡ ngàng không hề biết mình là ai cả. Sao Bác-sĩ Thăng lại có thể...

THU HÀ.— Đúng thế chị Linh ạ. Tại vì nhà em quá yêu em, chỉ muốn em hoàn toàn thuộc về anh ấy, như anh vẫn thường nói. Em thấy dường lúc nào anh Hoàng cũng có vẻ ghen tương khi nghe em nhắc nhở đến tên một người thân nào trong nhà này, thành thử em chẳng nói nữa. Nhưng em thường chuyện trò với Bác-sĩ Thăng vì anh Thăng thích nghe những chuyện này.

TÚY LINH.— Hà nên nghe lời mình. Hà hãy còn trẻ con lắm, trong nhiều việc, và mình có thể nói, mình nhiều tuổi hơn, có ít nhiều kinh nghiệm hơn Hà. Mình bảo thật Hà điều này.. Hà cần phải chấm dứt ngay với Bác-sĩ Thăng.

THU HÀ.— Chấm dứt về chuyện gì mới được chứ ?

TÚY LINH.— Về hai chuyện, theo ý mình. Ngày hôm qua Hà nói bậy bạ về một anh chàng giàu có cảm Hà và đề cử lại cho Hà..

THU HÀ.— Thật không may cho em, là không hề có cái anh chàng mê em ấy. Nhưng rồi sao nữa ?

TÚY LINH.— Bác Thăng là một người giàu có ?

THU HÀ.— Vâng, đúng thế.

TÚY LINH.— Và không có ai đề giúp đỡ ?

THU HÀ.— Không, không có ai ; nhưng...

TÚY LINH.— Và đến đây hàng ngày ?

THU HÀ.— Vâng, em đã nói với chị rồi.

TÚY LINH.— Nhưng sao con người học thức ấy lại vô-ý vô-tư như thế ?

THU HÀ.— Em không hiểu chị tí nào cả.

TÚY LINH.— Thôi đừng vờ vẩn nữa, Hà. Hà tưởng mình không đoán ra ai đã cho Hà vay hai trăm chục ngàn hay sao ?

THU HÀ.— Chị nói mới hay chứ ? Tại sao chị lại có thể nghĩ ra một chuyện như vậy ! Một người bạn của chúng em, đến đây chơi hàng ngày ! Chị có thể tưởng tượng cái cảnh khổ tâm biết chừng nào, nếu em vay tiền của anh ta không ?

TÚY LINH.— Thế sự thực không phải Bác sĩ Thăng ?

THU HÀ.— Không, chắc chắn không phải. Em không hề nghĩ đến chuyện ấy một tí nào. Vội lại, dạo ấy anh Thăng cũng chẳng lấy tiền đâu ra mà cho vay ; về sau này, anh ta mới khá giả đấy chứ.

TÚY LINH.— Thế là may cho Hà đấy, Hà ạ.

THU HÀ.— Không, trong óc em không hề thoáng qua chuyện hỏi vay tiền anh Thăng, mặc dầu em biết chắc là nếu em hỏi thì thế nào...

TÚY LINH.— Nhưng dĩ-nhiên Hà sẽ không hỏi.

THU HÀ.— Dĩ nhiên là không rồi. Em thấy chẳng có gì mà cần phải như thế. Song em chắc là nếu em nói với Bác sĩ Thăng...

TÚY LINH.— Ở sau lưng chồng Hà ?

THU HÀ.— Em phải chấm dứt vụ này với thằng cha kia, và cũng sẽ phải dẫu nhà em. Em phải tính cho xong vụ này với nó.

TÚY LINH.— Phải, đó là điều mình nói với Hà ngày hôm qua, nhưng...

THU HÀ.— *(Đi lại trong phòng)* Một người đàn ông có thể giải quyết phát những vụ như thế này dễ hơn một người đàn bà nhiều.

TÚY LINH.— Phải, đó là chồng mình.

THU-HÀ.— Vô lý ! *(Đứng dừng lại)* khi trả xong nợ rồi thì lấy giấy nợ lại, phải thế không ?

TÚY-LINH.— Cái đó đã hẳn.

THU-HÀ.— Và có thể xé ra hàng trăm ngàn mảnh, mà đem đốt đi... cái mảnh giấy bản thiêu ty tiện ấy.

TÚY-LINH.— *(Nhìn chăm chặp vào Thu-Hà, bỏ đồ khâu xuống và từ từ đứng dậy)* Thu Hà, Hà muốn dẫu mình chuyện gì.

THU-HÀ.— Trông em có vẻ như thế, hử chị ?

TÚY-LINH.— Có chuyện xảy ra với Hà từ sáng hôm qua. Cái gì thế, Hà ?

THU-HÀ.— *(Đến gần Túy-Linh)*. Chị Linh ! *(Nghe ngóng)* Suyt ! Nhà em đã về. Chị hãy tạm vào trong nhà với các cháu một lát được

không ? Nhà em phải cái tính không thích trông thấy cảnh khâu vá bừa bãi. Bảo Vú An giúp chị một tay.

TÚY-LINH.— Được rồi . . . nhưng mình sẽ không đi khỏi đây cho tới khi nói xong chuyện này đã (*Túy-Linh đi vào phòng bên trái trong khi Hoàng lừ cửa ngoài bước vào*).

THU-HÀ.— (*tiến về phía Hoàng*) — Anh Hoàng ơi, em mong anh quá chừng !

HOÀNG.— Thợ may đến sửa áo phải không ?

THU-HÀ.— Không, chị Linh đấy ; chị ấy đang giúp em chữa lại áo cho gọn ghẽ. Anh sẽ thấy là em rất duyên dáng.

HOÀNG.— Có phải là ý kiến của anh hay không nào ?

THU-HÀ.— Thật tuyệt ! Nhưng anh có nghĩ là em cũng tử tế với anh đấy chứ ? Em làm theo ý muốn của anh !

HOÀNG.— Tử tế ? . . . bởi vì cô đã làm theo ý muốn của chồng cô ? Cái cô này thật là . . . thật là đoảng. Anh chắc em không có ý thế. Nhưng thôi, anh không quấy rầy em nữa ; em nhỉ, em đang muốn đi thử áo.

THU-HÀ.— Em chắc là anh cũng bận việc bây giờ.

HOÀNG.— (*Đưa cho Hà xem tập giấy*). Em coi đây. Anh vừa ở nhà Bằng suốt buổi (*Quay vào phòng riêng*).

THU-HÀ.— Anh Hoàng !

HOÀNG.— Gì em ?

THU-HÀ.— Nếu con sóc bé bỏng của anh yêu cầu anh một việc cón con, rất cón con thì . . .

HOÀNG.— Việc gì ?

THU-HÀ.— Thì anh có làm không ?

HOÀNG.— Anh phải biết việc gì đã mới được chứ ?

THU-HÀ.— Con sóc của anh sẽ nhảy tung tăng và làm đủ mọi trò vui nếu anh vui lòng chiều một tí.

HOÀNG.— Thì em nói rõ ra nào.

THU-HÀ.— « Chim Khuyên » của anh sẽ hát vang mọi gian nhà, với giọng ca véo von.

HOÀNG.— Bao giờ mà chim Khuyên của anh chả véo von !

THU-HÀ.— Anh Hoàng ơi ! Em sẽ đóng vai tiên nữ nhảy múa cho anh xem dưới ánh trăng.

HOÀNG.— Em Hà, ý hẩn em muốn nhắc lại lời em yêu cầu anh sáng nay ?

THU-HÀ.— (*đến gần Hoàng*) Vâng, anh Hoàng, em tha thiết xin anh !

HOÀNG.— Em còn can đảm nhắc lại chuyện ấy à ?

THU-HÀ.— Vâng, anh ơi, anh *phải* làm như em nói ; anh *phải* để cho Nguyễn-Thạch ở lại nhà Bằng.

HOÀNG.— Em ạ, chính anh thu xếp để chị Túy-Linh sẽ làm vào chỗ của hắn đấy.

THU-HÀ.— Vâng, anh quả đã hết sức tốt bụng giúp cho chị ấy, nhưng anh có thể sa thải một nhân viên nào khác thay vì thải Nguyễn-Thạch.

HOÀNG.— Em thực bướng bỉnh không thể tả được ! Chẳng qua chỉ vì em đã trót hứa với nó là em sẽ nói hộ nó, anh cũng sẽ...

THU-HÀ.— Không phải thế đâu, anh Hoàng. Em chỉ vì anh mà thôi ! Thằng cha ấy nó viết cho những tờ báo tọc mạch nhất, chính em biết như thế. Nó có thể viết bậy viết bạ đủ thứ về mình. Cứ nghĩ đến nó, em hãi đến chết được.

HOÀNG.— A, anh hiểu ; chỉ vì nhớ đến chuyện đã qua mà em sợ chứ gì ?

THU HÀ.— Anh định nói gì thế anh Hoàng ?

HOÀNG.— Dĩ nhiên là em nghĩ đến chuyện ba em chứ gì ?

THU HÀ.— À,... Vâng, đúng thế đấy. Để nhắc với anh những điều mà bọn bắt lương đã viết về ba trên mặt báo và làm ba buồn phiền đến thế nào. Em tin rằng ba sẽ phải huyền chức nếu trên Bộ không cử anh xuống để điều tra cho kỹ lưỡng và nếu anh không sốt sắng giúp ba.

HOÀNG.— Em Hà, em phải nhớ giữa ba em và anh có một sự khác biệt quan-trọng. Tiếng tăm của ba em hồi còn đi làm việc không phải là hoàn toàn không có gì đáng ngờ. Còn thanh danh của anh, anh hy-vọng sẽ bảo toàn chừng nào còn giữ chức vụ.

THU HÀ.— Anh chẳng bao giờ có thể ngờ bọn chúng dám làm những chuyện độc hại như thế nào. Chúng ta cần phải thật sung túc, thật ấm cúng, thật hạnh-phúc ở đây, trong gian nhà êm ả này, và không phải lo lắng một điều gì... anh và em, và cả lũ trẻ nữa, anh Hoàng ơi ! Chính vì thế mà em khẩn khoản xin anh...

HOÀNG.— Và chính vì khẩn khoản can thiệp cho hắn mà em làm anh không thể nào giữ hắn lại được. Ở nhà Bằng mọi người đều biết anh muốn thải Nguyễn-Thạch rồi. Bây giờ người ta lại bảo ông Giám-Đốc mới thay đổi ý-kiến chỉ vì lệnh bà vợ ?

THU HÀ.— Thế thì đã sao ?

HOÀNG.— Thế thì đã sao, tất nhiên ! nhưng nếu cái con người bướng bỉnh này đừng có xen vào ! Em có cho là anh sẽ làm trò cười cho toàn thể nhân viên của anh không, để cho họ nghĩ rằng anh bị lôi cuốn bởi mọi thứ ảnh-hưởng bên ngoài không ? Rồi thì chẳng chóng

thì chầy anh sẽ thấy hậu quả của chuyện này, anh có thể nói chắc em như vậy đó! Không những thế, còn có một điều khiến anh không thể nào giữ tên Nguyễn Thạch ở lại nhà Bàng chừng nào anh còn làm giám-đốc.

THU HÀ.— Chuyện gì thế hở anh ?

HOÀNG.— Tư cách tồi tĩnh của hân thi anh có thể bỏ qua đi được nếu cần thiết...

THU-HÀ.— Vâng anh có thể, có thể mà ! phải không anh ?

HOÀNG.— Và anh nghe nói hân là một tay làm việc cũng giỏi. Nhưng anh lại quen nó từ khi còn nhỏ. Chính vì những chuyện bạn bè vớ vẩn này mà thường gây khó chịu cho mình về sau. Anh có thể nói trắng ra để em biết là, có một dạo anh với nó đã là đôi bạn rất thân. Nhưng cái thằng cha vô ý vô tứ, chẳng biết giữ mồm giữ miệng gì cả khi có mặt những người khác. Trái lại, nó tưởng nó có quyền giở giọng xuống xã với mình, và hể mở miệng ra là y như là : « Đây, Hoàng này, tớ bảo cho cậu biết » ... Ấy đại để những câu như vậy. Em phải biết, những cái như thế làm anh bức mình hết sức. Nó làm cho địa vị của anh ở nhà Bàng không còn ra gì nữa ?

THU-HÀ.— Anh Hoàng, em không tin là anh nghĩ như thế !

HOÀNG.— Không à ? Tại sao không ?

THU-HÀ.— Bởi vì đó là một lối nhìn sự việc rất nhỏ hẹp.

HOÀNG.— Em nói gì ? Nhỏ hẹp ? Em cho anh là một người có đầu óc nhỏ hẹp à ?

THU-HÀ.— Không, trái lại thế anh ạ. Và chính vì lẽ đó mà...

HOÀNG.— Thi đẳng nào cũng vậy. Em đã bảo là quan điểm của anh nhỏ hẹp, vậy thì anh phải nhỏ hẹp. Hừ, đầu óc nhỏ hẹp ! Được lắm — Anh phải kết thúc vụ này. *(Đi ra phía cửa ngoài gọi lớn)* Con Liên đâu !

THU-HÀ.— Anh làm gì thế ?

HOÀNG.— *(nhìn vào đồng giấy tờ)* Giải quyết việc này *(chị người làm đi vào)* Tao bảo đây ; cầm cái thư này đi xuống nhà ngay lập tức. Tìm người đưa thư bảo giao cái thư ngay, và mau mau lên. Có địa chỉ ở trên phong bì ấy. Tiền đây.

LIÊN.— Thưa ông, vâng ạ ! *(chị Người Làm cầm thư đi ra)*.

HOÀNG.— *(Thu gọn giấy tờ)*. Nào thế bây giờ, Cô Bé Bướng Bỉnh !

THU-HÀ.— *(Nghẹn thở)* Anh Hoàng ... Cái gì thế ?

HOÀNG.— Thải hồi Nguyễn-Thạch.

THU-HÀ.— Gọi nó lại, anh Hoàng ! Hãy còn kịp. Ô, anh Hoàng, gọi nó lại ! Anh hãy vì em vì anh vì đàn trẻ, gọi nó lại ! Anh có nghe em không, anh Hoàng ? Gọi nó lại ! Anh không biết là cái thư ấy sẽ đem lại sự gì cho chúng ta.

HOÀNG.— Chậm quá rồi.

THU-HÀ.— Vâng chậm quá rồi.

HOÀNG.— Em Thu-Hà, anh có thể tha thứ cho nỗi băn khoăn của em, mặc dầu đó quả là một sự phỉ báng đối với anh. Mà đúng như vậy. Cho rằng anh sợ sự trả thù của một tên cạo giấy chết đói dở, thì có phải là một sự phỉ báng hay không? — Nhưng dầu sao anh cũng tha thứ cho em, bởi vì anh biết đó là một bằng chứng hùng hồn về tình yêu của em đối với anh — (*Ôm Thu Hà trong tay*) Và dĩ nhiên em lo là phải, em Hà yêu quý của anh. Sự gì đến sẽ đến, em có thể tin chắc là anh có đủ can đảm và nghị lực nếu cần. Em sẽ thấy anh xứng đáng là một người đàn ông để đảm lãnh mọi sự về mình.

THU-HÀ.— (*Với một giọng hoảng hốt*) Anh nói thế là ý thế nào?

HOÀNG.— Anh muốn nói : tất cả mọi sự gì xảy đến.

THU-HÀ.— (*Trấn tĩnh trở lại*) Anh sẽ chẳng bao giờ phải như thế.

HOÀNG.— Em nói đúng. Em và anh, chúng ta sẽ cùng san sẻ mọi sự, Hà ạ, như vợ và chồng cần phải nương tựa vào nhau. (*Vuốt ve mái tóc Hà*). Bây giờ thì mình bằng lòng chứ? Thôi mà em, đừng có cái vẻ mặt sợ hãi ngơ ngác như thế nữa! Mọi sự ở đời đều chỉ như một trò vô nghĩa. Bây giờ thì em phải ra tập lại điệu vũ của em với cái trống kia đi. Anh vào phòng không nghe thấy tiếng ồn đâu. (*Quay lưng đi về phía cửa*). Và khi nào anh Thăng đến em bảo anh ấy vào trong này tìm anh. (*Gật đầu với Hà, cầm giấy tờ đi vào phòng đóng cửa lại*).

THU HÀ.— (*lo lắng, đứng sững một chỗ như chôn chân xuống sàn nhà, nói lầm bầm*) Nó có thể làm như thế. Nó có thể làm. Nó sẽ làm, bất chấp mọi sự, không, không thể được. Không đời nào. Bất cứ chuyện gì nhưng không thể như thế được. Trời ơi! làm thế nào, làm thế nào bây giờ. (*Tiếng chuông reo*) Bác-sĩ Thăng! Muốn gì thì gì nhưng đừng có chuyện đó là được, muốn gì thì gì! (*Thu Hà, đưa tay ôm mặt, lảo đảo đi ra mở cửa. Thăng đang đứng bên ngoài, treo áo khoác. Suốt trong cuộc đối-thoại dưới đây, trời bắt đầu tối dần*).

THU HÀ.— Chào anh Thăng. Nghe tiếng chuông tôi biết ngay là anh. Nhưng anh đừng vào phòng anh Hoàng bây giờ; anh ấy đang bận chút việc thì phải.

THĂNG.— Thế còn chị?

THU HÀ.— (*Đưa Thăng vào nhà và đóng cửa*) Tôi ấy à, anh biết là tôi. bao giờ cũng có thì giờ tiếp chuyện anh.

THĂNG.— Cám ơn. Tôi sẽ tận dụng chỗ thì giờ ấy càng nhiều càng hay!

THU HÀ.— Anh nói gì vậy? Càng nhiều càng hay?

THĂNG.— Có gì mà chị hoảng hốt thế?

THU HÀ.— Nghe anh nói lạ lùng quá. Hay là có chuyện gì xảy ra?

THĂNG.— Chẳng có chuyện gì cả ngoài một việc mà tôi chờ đợi từ lâu. Nhưng tôi không ngờ nó lại xảy đến sớm thế.

THU HÀ.— (*Nắm chặt cánh tay Thăng*) Anh khám phá ra chuyện gì ? Anh Thăng, anh phải nói cho tôi biết !

THĂNG.— (*Ngồi xuống bên lò sưởi*) Chuyện này hoàn toàn thuộc về tôi. Không thể trông cậy ở ai được cả.

THU HÀ.— (*Thở dài nhẹ nhõm*) Chuyện của anh à ?

THĂNG.— Chứ còn ai nữa ? Trông cậy chính mình cũng chẳng ích gì. Tôi, con bệnh suy nhược nhất trong những con bệnh của tôi, bà Hoàng ạ. Gần đây tôi đã tiêu hết những sức lực tiềm ẩn của tôi. Phá sản ! khéo lắm trong vòng một tháng nữa là tôi nằm dài ở nghĩa trang.

THU-HÀ.— Anh nói gì nghe chẳng đẹp tí nào cả !

THĂNG.— Chẳng nói thì nó cũng xấu xa rồi, mà tệ hơn hết là tôi sẽ còn phải đối phó quá nhiều đến nỗi thấy khả ố trước sự đó. Tôi sẽ chỉ tự khám lại một lần nữa thôi ; lúc bấy giờ tôi sẽ biết chắc bao giờ thì nó xảy đến, và bắt đầu những nỗi kinh hoàng của sự tan rã. Có một vài điều tôi muốn nói với chị. Con người tao nhã của anh Hoàng khiến anh ghê tởm trước bất cứ một sự gì xấu xa. Tôi không muốn có mặt anh ấy bên giường bệnh của tôi.

THU-HÀ.—Ồ, nhưng mà, Bác sĩ Thăng !

THĂNG.— Tôi không muốn có anh ấy ở đó, không vì một lẽ gì hết. Tôi cấm cửa không cho anh ấy vào. Ngay khi nào tôi biết chắc điều bất hạnh xảy đến, tôi sẽ gửi cho chị tấm thiệp của tôi có vạch một dấu thập đen, và chị hiểu cái phút tận cùng khả ố đã khởi sự.

THU-HÀ.— Hôm nay anh nói những điều phi lý hết sức. Tôi thực lòng mong muốn anh hãy tươi tỉnh lên.

THĂNG.— Với sự chết cười sát bên tôi ? Để phải trả cái nợ này vì tội lỗi của một người khác ! Có sự công bằng nào như thế không ? Và trong bất cứ mọi gia đình nào, bằng cách này hay cách khác, cũng đều có sự quả báo khốc liệt như thế.

THU-HÀ.— (*lấy tay bịt tai*) Trời ơi ! Xin anh hãy nói chuyện gì êm ái hơn !

THĂNG.—Ồ, tôi nói đùa chơi đó mà, có nghĩa lý gì, chỉ thương hại cho cái xương sống vô tội của tôi phải đau đớn vì những thú vui của ba tôi ngày còn trẻ.

THU-HÀ.— (*ngồi cạnh chiếc bàn bên trái*) Tôi đoán là anh muốn nói ông ăn quá nhiều măng tây với chả dòi chứ gì ?

THĂNG.— Phải rồi, và nắm rạ nữa.

THU-HÀ.—Ừ, nắm rạ. Và cả sò huyết nữa, tôi chắc thế ?

THĂNG.— Cái đó đã hẳn ; sò huyết thì còn phải nói !

THU-HÀ.— Và không biết bao nhiêu là rượu mùi và xam banh. Thật buồn là những thứ thú vị đó lại làm hại đến xương cốt của mình.

THĂNG.— Nhất là nó lại làm hại đến bộ xương vô phúc của những kẻ không có được cái lạc thú hưởng thụ nó.

THU-HÀ.— Vâng, đó là điều buồn hơn tất cả !

THĂNG.— (*Đưa mắt nhìn Hà*). Hừm . . . !

THU-HÀ.— (*Ngừng một giây*). Sao anh lại mỉm cười !

THĂNG.— Không, chính chị đang cười.

THU-HÀ.— Không, chính anh mỉm cười, anh Thăng !

THĂNG.— (*Đứng dậy*). Tôi không ngờ chị ranh mãnh hơn tôi tưởng.

THU-HÀ.— Hôm nay tôi ngớ ngẩn lắm.

THĂNG.— À, thế đấy !

THU-HÀ.— (*Đề tay lên vai Thăng*). Anh Thăng ơi, anh Thăng ! Sự chết không thể nào khiến anh xa cách anh Hoàng và tôi.

THĂNG.— Sự mất mát ấy, các người bù đắp lại dễ dàng. Những kẻ ra đi là những kẻ chóng bị bỏ quên.

THU-HÀ.— (*Nhìn Thăng, lo ngại*). Anh tin như thế sao ?

THĂNG.— Người ta sẽ có bạn mới, và rồi . . .

THU-HÀ.— Ai sẽ có bạn mới ?

THĂNG.— Chị và Hoàng, cả hai người, khi tôi chết rồi. Chính ngay chị cũng tập tễnh đi tìm bạn mới, tôi nghĩ thế. Cái bà Túy-Linh muốn cái gì ở đây đêm hôm qua ?

THU-HÀ.— Ô hô ! Anh có ý ghen với chị Túy-Linh khốn khổ đấy phỏng ?

THĂNG.— Đích thị, tôi ghen. Bà ấy sẽ thay thế tôi trong mái nhà này. Khi tôi đã hết đời rồi, thì cái bà ấy sẽ . . .

THU-HÀ.— Suyt ! Đừng có to tiếng thế. Chị đang ở trong buồng kia ?

THĂNG.— Cả hôm nay nữa. Đấy, chị xem.

THU HÀ.— Chị ấy chỉ đến để khâu hộ tôi cái áo, lạy Chúa, sao hôm nay anh lại lần thân đến thế ! (*Ngồi xuống ghế Sofa*) Bây giờ thì hãy vui vẻ lên anh Thăng, và ngày mai anh sẽ thấy tôi nhảy múa đẹp biết là chừng nào, và anh có thể cứ tưởng tượng là tôi nhảy múa cho anh... và cả anh Hoàng, tất nhiên. (*Lấy mấy thứ lật vạt ra khỏi chiếc hộp*) Anh Thăng, ra đây ngồi, tôi cho anh xem mấy thứ này.

THĂNG.— (*Ngồi xuống*) Cái gì thế ?

THU HÀ.— Cứ nhìn đây !

THĂNG.— Đôi tất lụa.

THU HÀ.— Màu da đấy nhá. Trông đẹp không anh ? Bây giờ ở

đây hơi tối, nhưng đến mai.. Ồ, không! không! Anh chỉ được nhìn dưới bàn chân tôi thôi! Ờ, mà anh cũng có thể nhìn lên trên đùi một tí cũng được.

THĂNG.— Hừm!

THU HÀ.— Anh nhìn gì dữ thế vậy? Đôi tất này không hợp với tôi hay sao?

THĂNG.— Tôi không có thẩm quyền phát biểu ý kiến về chuyện đó!

THU HÀ.— *(Nhìn Thăng trong giây lát)* Mặc cỡ hả! *(Cầm đôi tất phải nhẹ lên tai Thăng)* Đấy, để phạt anh đấy. *(Gấp đôi tất lại)*

THĂNG.— Đâu, thế còn những thứ xinh xinh khác mà tôi được phép xem đâu?

THU HÀ.— Thôi, không còn một thứ nào khác nữa. Vì anh xấu lắm. *(Hà nhìn khắp trong hộp, hát se se)*

THĂNG.— *(Im lặng một lát)* Khi tôi ngồi ở đây nói chuyện thân mật với chị như lúc này, thì tôi không hề có thể tưởng tượng được là đời tôi sẽ ra sao nếu tôi không bao giờ đặt chân đến nhà này.

THU HÀ.— *(mỉm cười)* Tôi tin là ở đây với chúng tôi, anh cảm thấy hoàn toàn như ở nhà anh.

THĂNG.— *(Thấp giọng, nhìn thẳng ra phía trước)*. Và rồi bắt buộc phải từ bỏ tất cả...

THU-HÀ.— Nói xằng, anh sẽ không từ bỏ cái gì hết!

THĂNG.— *(Vẫn như trước)*. Và không thể nào để lại sau mình một bằng chứng hèn mọn nhất của lòng biết ơn, ngay cho đến cả một nỗi tiếc thương phù du cũng không có... Không có gì cả ngoài một khoảng trống trơn, mà một kẻ lạ mặt đầu tiên đến, cũng có thể che lấp như bất cứ kẻ nào khác.

THU-HÀ.— Và nếu bây giờ tôi yêu cầu anh một điều... Không!

THĂNG.— Điều gì?

THU-HÀ.— Một bằng chứng lớn lao về tình bằng hữu của anh...

THĂNG.— Vâng, vâng, được lắm!

THU-HÀ.— Tôi muốn nói một ân-huệ lớn lao vô kể...

THĂNG.— Quả thực chị sẽ cho tôi được hưởng điểm-phúc một lần trong đời tôi hay sao?

THU-HÀ.— A! nhưng mà anh đã biết chuyện gì đâu kia chứ?

THĂNG.— Chưa, tôi chưa biết. Chị nói đi.

THU-HÀ.— Tôi không thể nói được, anh Thăng ạ. Đây là một sự gì ở ngoài mọi lý lẽ; có thể vừa là một lời khuyên nhủ, một sự giúp đỡ và một ân huệ...

THĂNG.— Được, việc càng lớn càng hay. Tôi không thể đoán được ý chị định nói việc gì. Chị hãy kể rõ cho tôi nghe. Tôi không phải là người bạn tâm sự của chị hay sao?

THU-HÀ.— Hơn bất cứ một người nào khác. Tôi biết anh là người bạn tốt nhất, chân thành nhất của tôi, và vì vậy tôi sẽ nói cho anh biết rõ chuyện gì. Thế này, này anh Thăng, đây là một việc mà anh cần phải giúp tôi cản lại. Anh cũng biết là anh Hoàng yêu tôi tận tụy như thế nào, tha thiết, sâu xa như thế nào ; anh sẽ không ngần ngại một giây nào mà không hy sinh cả cuộc đời cho tôi.

THĂNG.— *(Ngả về phía Thu-Hà)*. Thu-Hà . . . Hà có nghĩ anh ấy là người duy nhất . . .

THU-HÀ.— *(Hơi sửng sốt)*. Người duy nhất làm sao ?

THĂNG.— Người duy nhất sẵn lòng hy sinh cả cuộc đời cho Hà ?

THU-HÀ.— *(Rầu rầu)*. Thật thế ư ?

THĂNG.— Tôi đã định bụng là Hà phải biết rõ trước khi tôi từ giã cõi đời này, và sẽ không còn cơ hội nào tốt hơn là lần này nữa. Bây giờ thì Hà đã biết. Và bây giờ thì Hà cũng biết rằng, Hà có thể tin tôi như Hà sẽ không còn tin một người nào khác nữa.

THU-HÀ.— *(Đứng thẳng dậy và lạnh lùng)*. Để cho tôi đi.

THĂNG.— *(Tránh để Hà đi qua trước mặt nhưng vẫn ngồi yên)* Thu-Hà !

THU-HÀ.— *(Đứng ở cửa ngoài)*. Liên ơi, đem cây đèn lên đây ! *(Đi trở lại bên lò sưởi)* Bác-sĩ Thăng ơi ! Anh thật là kinh tởm.

THĂNG.— Vì đã yêu Hà tha thiết như bất cứ một người nào khác cũng yêu mến Hà. Như vậy là kinh tởm hay sao ?

THU-HÀ.— Không phải thế, như tại anh nói ra. Thực ra không cần thiết.

THĂNG.— Hà bảo sao ? Hà biết rồi à ? *(Chị người làm cầm đèn vào đặt lên bàn rồi đi ra)*. Hà . . . Bà Hoàng . . . Bà nói cho tôi biết, bà nghĩ gì về việc này ?

THU-HÀ.—Ồ, tôi làm sao mà biết được tôi nghĩ gì hay không nghĩ gì ? Tôi không thể nào nói với anh được. Không hiểu sao anh lại có thể lăm càm thế anh Thăng ! Chúng ta vẫn cư xử với nhau tốt đẹp mà !

THĂNG.— Hà thừa biết là bất cứ lúc nào Hà cũng có thể sai khiến linh hồn và thể xác tôi. Thế sao Hà không nói ra đi ?

THU HÀ.— *(Nhìn thẳng)* Thế rồi sau ra sao ?

THĂNG.— Tôi xin Hà cho tôi biết chuyện ?

THU HÀ.— Bây giờ thì tôi không thể cho anh biết chuyện gì cả.

THĂNG.— Vâng, vâng. Xin Hà đừng có trừng phạt tôi như vậy. Hà hãy cho phép tôi được làm cho Hà bất cứ điều gì một người đàn ông có thể làm được.

THU HÀ.— Bây giờ anh không còn có thể làm một điều gì cho tôi nữa. Vả chăng, tôi cũng chẳng cần sự giúp đỡ nào. Anh sẽ thấy là tất cả

chỉ là một trò cười đối với tôi. Thực như vậy đó.... dĩ nhiên là như vậy ! (*Ngồi xuống chiếc ghế chông chành và nhìn Thăng, mỉm cười*) Anh Thăng, anh là một thứ người kỳ cục ! Bây giờ có đèn sáng, anh không cảm thấy xấu hổ à ?

THĂNG.— Không một ly nào. Nhưng có lẽ tôi nên ra đi... mãi mãi ?

THU HÀ.— Không, anh không đi đâu cả. Trái lại anh vẫn phải đến đây như trước. Anh biết rõ là anh Hoàng không làm gì được cả nếu không có anh.

THĂNG.— Vâng, thế còn Hà ?

THU HÀ.—Ồ ; tôi thì lúc nào cũng rất vui thích khi có anh đến chơi.

THĂNG.— Chính vì vậy mà tôi nhầm. Hà thật là cả một sự bí-hiểm đối với tôi. Tôi vẫn thường nghĩ là Hà sẽ ở bên tôi cũng như ở bên Hoàng vậy.

THU HÀ.— Vâng... anh cũng hiểu là có những người mình yêu hơn hết và cũng có người mình chỉ thích có ở bên cạnh như là bạn thôi.

THĂNG.— Vâng. quả cũng có như vậy.

THU HÀ.— Khi tôi còn ở nhà, dĩ nhiên tôi yêu ba tôi hơn hết. Nhưng lúc nào tôi cũng thấy thích thú lạ lùng nếu tôi có thể xuống nhà dưới trò chuyện với các chị người làm, bởi vì họ chẳng bao giờ nói chuyện đạo-đức cả và chỉ tán nhảm với nhau những chuyện nhăng nhít vui vui.

THĂNG.— À ra thế... hóa ra tôi thay chỗ bọn đó.

THU HÀ.— (*nhảy ra khỏi ghế chông chành, đi đến bên Thăng*)Ồ, anh Thăng thân ái, tôi không hề bao giờ nghĩ như thế đâu. Nhưng chắc chắn anh có thể hiểu là, tôi với anh Hoàng thì cũng gần như với ba tôi. (*Chị người làm từ cửa ngoài đi vào*)

LIÊN.— Thưa mợ, ... (*nói nhỏ và đưa cho nàng một tấm thiệp*)

THU HÀ.— (*liếc nhìn tấm thiệp*)Ồ ! (*Bỏ tấm thiệp vào túi áo*).

THĂNG.— Có chuyện gì chẳng ?

THU HÀ.— Không, không, không có gì cả. Đây chỉ là... đây là cái áo mới của tôi ấy mà...

THĂNG.— Sao ? Cái áo của chị nằm kia mà.

THU HÀ.— À vâng, cái ấy ; nhưng cái này là cái khác. Tôi mới đặt may. Anh Hoàng không được biết tí gì về cái áo này.

THĂNG.— Ô hô ! Một sự bí-mật ghê gớm !

THU HÀ.— Dĩ nhiên. Thôi anh vào với anh ấy đi. Anh ở phòng trong ấy. Giữ anh ấy càng lâu càng hay...

THĂNG.— Yên chí ! Tôi không để anh ấy chạy thoát đâu. (*Thăng đi vào phòng Hoàng*)

THU HÀ.— (*nói với chị người làm*) — Thế ông ta vẫn đứng chờ ở dưới bếp à ?

LIÊN.— Vâng ; ông ấy vào bằng lối cửa sau.

THU HÀ.— Thế mà có nói là không có ai có nhà không ?

LIÊN.— Có, nhưng ông ấy không chịu nghe.

THU HÀ.— Ông ấy không chịu đi à ?

LIÊN.— Không. Ông ấy bảo chưa được gặp vợ thì ông ấy chưa đi.

THU-HÀ.— Được, đưa ông ấy vào... nhưng sẽ chứ. Liên, mà không được bép xép với ai đấy ! Đây là một sự ngạc nhiên đối với cậu.

LIÊN.— Thưa vợ, con hiểu. (Đi ra)

THU-HÀ.— Thế là cái chuyện kinh khủng sắp xảy ra ! Nó xảy ra mình không tránh được ! Không, không, không thể xảy ra được. Sẽ không thể nào xảy ra được. (Thu-Hà khóa cửa buồng Hoàng lại, chỉ người làm mở cửa trước cho Nguyễn-Thạch vào rồi đóng lại. Thạch mặc chiếc áo ngoài bằng lông thú, đi giày cổ cao, và đội một chiếc mũ lông).

THU-HÀ.— (đi về phía Thạch) Nói khẽ chứ... nhà tôi có nhà.

NGUYỄN-THẠCH.— Cái đó không thành vấn đề.

THU-HÀ.— Ông muốn gì ở tôi ?

NGUYỄN-THẠCH.— Giải thích về một chuyện.

THU-HÀ.— Nói mau lên. Chuyện gì ?

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi nhận được giấy thải hồi. Điều đó, chắc bà biết rồi.

THU-HÀ.— Tôi không thể ngăn được. Tôi đã cố gắng hết sức bênh vực cho ông, nhưng không ăn thua gì.

NGUYỄN-THẠCH.— Chồng bà yêu bà ít thế hay sao ? Ông ấy biết là tôi có thể hại bà như thế nào mà vẫn cứ liều.

THU-HÀ.— Sao ông có thể nghĩ rằng nhà tôi lại biết đến một chuyện như vậy ?

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi không nghĩ thế tí gì cả. Ông Trần Hoàng thân mến của chúng ta chẳng bao giờ có thể có nhiều can đảm đến độ ấy...

THU-HÀ.— Ông Thạch, ông không được nói bậy, xin ông nể nhà tôi một chút !

NGUYỄN-THẠCH.— Chắc chắn rồi. Tất cả sự tôn kính đối với ông ấy. Nhưng tại bà cứ nhất định giữ chuyện này cho riêng bà, nên tôi mới tự hỏi phải chăng bây giờ bà đã thấy rõ hơn ngày hôm qua, cái việc bà làm, nó sẽ như thế nào không ?

THU-HÀ.— Ông không cần phải dạy bảo tôi.

NGUYỄN-THẠCH.— Vâng, một luật sư hạng bét như tôi.

THU-HÀ.— Ông muốn nói gì với tôi ?

NGUYỄN-THẠCH.— Chỉ muốn hỏi thăm xem bà ra thế sao thôi, Bà Hoàng ạ. Tôi nghĩ đến bà suốt ngày hôm nay. Một tên thu

ngân xoàng, một tên cạo giấy, một... còn gì nữa?... một người như tôi..., nhưng dù sao nó cũng còn có một chút gì có thể gọi là tình cảm, thưa bà.

THU-HÀ.— Ông hãy tỏ ra người có tình cảm đi; hãy nghĩ đến mấy đứa con nhỏ của tôi.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế bà với ông nhà có nghĩ đến lũ con tôi không? Nhưng thôi khỏi cần đề ý đến điều đó. Tôi chỉ muốn nói với bà là bà không cần phải coi chuyện này quá quan trọng. Trước hết tôi sẽ không kiện cáo bà đâu.

THU-HÀ.— Không, hẳn là không. Tôi tin thế.

NGUYỄN-THẠCH.— Tất cả mọi chuyện điều có thể thu xếp ổn thỏa; chẳng có lý gì để cho người khác biết chuyện này. Đây là một sự bí mật giữa ba người chúng ta.

THU-HÀ.— Chồng tôi sẽ không bao giờ được biết một tí gì cả.

NGUYỄN-THẠCH.— Làm sao bà lại có thể ngăn cản được chứ? Liệu tôi có thể tin là bà sẽ trả được hết món nợ không?

THU-HÀ.— Không, ngay trong lúc này, không được.

NGUYỄN-THẠCH.— Hay có lẽ bà trúng món lời nào sắp đem lại nhiều tiền?

THU-HÀ.— Chẳng có món nào tôi định làm cả.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế thì bà không còn có cách nào nữa. Nếu bà cứ ý ra đấy, chẳng bao giờ có số tiền ấy trong tay, thì tôi sẽ không bao giờ ra đi với mảnh giấy nợ của bà.

THU-HÀ.— Ông thử nói tôi coi, ông định dùng nó vào mục đích gì?

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi chỉ việc cất đi thôi... giữ làm của riêng của tôi. Không có một người nào ngoài cuộc có thể đụng tới. Để rồi nếu vì nó mà bà nảy ra ý đi đến một quyết định tuyệt vọng nào thì...

THU-HÀ.— Quả thế.

NGUYỄN-THẠCH.— Nếu bà có ý định trốn khỏi nhà...

THU-HÀ.— Tôi đã có ý định ấy.

NGUYỄN-THẠCH.— Hay có thể tệ hơn nữa...

THU-HÀ.— Sao ông lại biết được?

NGUYỄN-THẠCH.— Bà bỏ ý định ấy đi.

THU-HÀ.— Sao ông lại biết được tôi đã nghĩ đến điều ấy.

NGUYỄN-THẠCH.— Phần lớn chúng ta đều nghĩ đến điều ấy trước tiên. Tôi cũng thế... nhưng tôi không có can đảm.

THU-HÀ.— (yếu ớt) Cũng chẳng hơn gì tôi.

NGUYỄN-THẠCH.— (bằng một giọng thoải mái) Cũng chẳng hơn gì, phải không?... Bà cũng chẳng có can đảm?

THU-HÀ.— Không, tôi không dám... Tôi không dám.

NGUYỄN-THẠCH.— Với lại, đó sẽ là một chuyện điên rồ ghê

gồm. Một khi cơn giông bão trong nhà qua đi rồi thì... Tôi có đem theo một bức thư cho ông nhà đây.

THU-HÀ.— Nói cho anh ấy biết rõ mọi sự ?

NGUYỄN-THẠCH.— Bằng một cách khéo léo hết sức có thể được.

THU-HÀ.— (Nói nhanh) Anh ấy không thể đọc bức thư ấy, xé bỏ nó đi. Tôi sẽ có cách kiếm ra tiền.

NGUYỄN-THẠCH.— Xin lỗi bà, bà Hoàng, nhưng tôi vừa nói với bà là...

THU-HÀ.— Tôi không nói chỗ tiền tôi thiếu ông. Tôi hỏi ông muốn xin nhà tôi bao nhiêu, tôi sẽ kiếm cho.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi không xin chồng bà lấy một xu nhỏ.

THU-HÀ.— Thế thì ông muốn gì ?

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi sẽ nói cho bà biết. Tôi muốn lập lại cuộc đời tôi, bà Hoàng ạ. Tôi muốn như thế và chồng bà phải giúp tôi trong việc đó. Từ hơn một năm qua, tôi không hề nhúng tay vào một việc gì xấu xa cả, và trong suốt thời gian ấy, tôi đã phải tranh đấu trong những hoàn cảnh eo hẹp nhất. Tôi bằng lòng làm lại cuộc đời từng bước một. Bây giờ thì tôi bị hất ra, và tôi không phải chỉ bằng lòng là lại được hưởng đặc-ân đâu. Tôi muốn tiến tới, tôi nói cho bà biết, tôi muốn trở lại nhà Bàng, với một chức-vụ cao hơn. Chồng bà phải nhường cho tôi một chỗ...

THU-HÀ.— Điều ấy nhà tôi không bao giờ làm đâu !

NGUYỄN-THẠCH.— Có chứ; tôi biết chồng bà mà; ông ấy không dám phản đối. Rồi đây, khi tôi lại vào làm với ông ấy, bà sẽ thấy. Chỉ trong vòng một năm tôi sẽ làm chủ nhà Bàng. Lúc bây giờ, sẽ là Nguyễn-Thạch chứ không phải Trần-Hoàng điều-khiển Ngân-Hàng.

THU-HÀ.— Đó là điều mà không bao giờ ông thấy xảy ra cả !

NGUYỄN-THẠCH.— Bà có định nói là bà sẽ...

THU-HÀ.— Bây giờ tôi có đủ can-đảm làm việc ấy.

NGUYỄN-THẠCH.—Ồ ! Bà không thể đe dọa tôi. Một người đàn-bà yếu-diệu, quen được chiều chuộng như bà...

THU-HÀ.— Được, ông sẽ thấy ! Ông sẽ thấy...

NGUYỄN-THẠCH.— Thấy bà ở dưới lớp băng giá, có lẽ ? Chìm nhấm dưới đáy nước sâu đen xăm, lạnh tê. Và rồi, đến mùa xuân, nổi lều bều lên mặt nước, hình thù ghê rợn không còn nhận ra nữa, với mớ tóc rũ rượi.

THU-HÀ.— Ông không thể nhát cho tôi sợ hãi.

NGUYỄN-THẠCH.— Cả bà nữa, cũng không làm cho tôi sợ hãi. Không ai lại đi làm những chuyện như vậy, bà Hoàng. Gia dĩ, cũng chẳng có ích gì ? Đẳng nào thì tôi cũng nắm trọn ông ấy trong tay tôi.

THU-HÀ.— Thế rồi sau ra sao ? Khi tôi không còn nữa...

NGUYỄN-THẠCH.— Bà quên là chính tôi nắm giữ thanh danh của bà ? (*Thu-Hà đứng sững nhìn Nguyễn-Thạch, không nói được lời nào.*) Thôi được, tôi đã cảnh cáo bà rồi. Đừng có làm một việc gì điên rồ. Khi ông Hoàng nhận được bức thư này, tôi chờ đợi ông ấy trả lời. Và bà cũng nên nhớ là chính chồng bà đã buộc tôi phải dùng đến thủ đoạn như thế. Tôi sẽ không bao giờ tha thứ ông ta về việc này. Xin chào bà ! (*Đi ra cửa ngoài*).

THU-HÀ.— (*đi ra cửa ngoài, hè cửa, nghe ngóng*) Nó đi rồi. Nó không bỏ thư vào thùng thư. Ồ không, không ! Không thể thế được ! (*mở cửa dần dần*) Cái gì thế kia ? Nó đứng ngoài kia. Nó không đi xuống nhà. Hay nó còn do dự ? Có thể nó... (*Một lá thư rơi vào thùng thư ; rồi tiếng chân Nguyễn-Thạch bước xuống cầu thang, và nhỏ dần. Thu-Hà thốt một tiếng kêu kinh hãi và chạy băng qua phòng tới chiếc bàn bên ghế Sofa. Ngưng một lát*).

THU HÀ.— Trong thùng thư ! (*Nhìn ra ngoài cửa*). Nó nằm kia. ... Anh Hoàng ơi, anh Hoàng, chúng ta không còn hy vọng gì nữa !

(*Túy Linh từ phòng bên trái đi ra, tay cầm chiếc áo*)

TÚY LINH.— Đây này, mình thấy không còn chỗ nào phải mạng nữa. Hà thử mặc xem sao ?

THU HÀ.— (*nói thì thào*) Chị Linh ơi, lại đây.

TÚY LINH.— (*ném áo xuống ghế Sofa*) Hà làm sao thế ? Trông Hà có vẻ bứt rứt, không yên.

THU HÀ.— Lại đây chị. Chị có trông thấy cái thư kia không ? Kia kia, chị nhìn qua cửa kính, nó nằm trong thùng thư ấy.

TÚY LINH.— Có, mình có thấy.

THU HÀ.— Cái thư ấy là của Nguyễn-Thạch.

TÚY LINH.— Hà ! Thế ra lão Thạch cho Hà mượn tiền à ?

THU HÀ.— Vâng, và bây giờ thì anh Hoàng sẽ biết hết mọi chuyện.

TÚY LINH.— Hà nên nghe mình. Đó là điều hay nhất cho cả Hà và anh Hoàng.

THU HÀ.— Chị chưa biết rõ câu chuyện. Em đã mạo chữ ký.

TÚY LINH.— Trời đất ơi !

THU HÀ.— Em chỉ muốn nói chuyện này với chị thôi, chị Linh... chị phải làm chứng cho em.

TÚY LINH.— Làm chứng cho Hà ? Hà định nói gì thế ? Mình là thế nào mà có thể ...

THU HÀ.— Nếu em không còn tỉnh trí... và có mệnh-hệ nào...

TÚY LINH.— Thu Hà !

THU HÀ.— Hay nếu có bất cứ một sự gì khác xảy ra cho em... Bất cứ chuyện gì, chẳng hạn, em có thể không còn ở trong mái nhà này nữa...

TÚY-LINH.— Hà ơi ! Hà điên rồi !

THU-HÀ.— Và thắng hoặc có một người nào muốn đảm lãnh lấy mọi trách nhiệm, mọi lời chê trách, chị hiểu chứ gì...

TÚY-LINH.— Có, có, mình hiểu... Nhưng sao Hà lại có thể nghĩ...

THU HÀ.— Thì chị phải làm chứng cho em, thật không đúng tí nào, chị Linh. Em không điên một tí nào cả ; em hoàn toàn tỉnh táo và em nói chị biết là không một người nào khác biết một tí gì về chuyện này. Em, và một mình em mà thôi, làm tất cả mọi sự. Chị nên nhớ như thế.

TÚY-LINH.— Có, mình nhớ chứ. Nhưng mình chẳng hiểu ra sao cả !

THU-HÀ.— Chị làm sao mà hiểu được ? Một sự kỳ diệu sắp xảy ra.

TÚY-LINH.— Một sự kỳ diệu ?

THU-HÀ.— Vâng, một sự kỳ diệu ? Nhưng nó thật kinh khủng. Chị Linh, nó *không* được xảy ra, nhưng có thể có ở trên đời này.

TÚY-LINH.— Mình sẽ đến gặp Nguyễn-Thạch ngay lập tức.

THU-HÀ.— Đừng đến tìm nó, chị. Nó sẽ làm chị phiền lòng.

TÚY-LINH.— Đã đến lúc nó sẽ vui lòng làm một việc gì cho mình.

THU-HÀ.— Nó ư ?

TÚY-LINH.— Hẳn ở đâu ?

THU-HÀ.— Em đâu có biết ? À, có... (*cho tay vào túi*). Cái danh thiếp của nó đây. Nhưng còn cái thư ! Trời ơi, cái thư !

HOÀNG.— (*Từ trong phòng gọi vọng ra, tay dấm cửa*). Thu-Hà !

THU-HÀ.— (*Sự hãi, kêu*). Ô, cái gì thế ? Anh gọi gì, anh Hoàng !

HOÀNG.— Việc gì mà phải sợ quá thế ! Anh không ra ngoài ấy đâu ; em khóa cửa buồng anh. Em đang thử áo đấy à ?

THU-HÀ.— Vâng, em đang thử áo. Trông xinh lắm cơ, anh Hoàng ạ !

TÚY-LINH.— (*Đã đọc xong tấm danh thiếp*). À, nó ở góc đường này.

THU-HÀ.— Vâng, nhưng chả ích lợi gì. Không còn hy vọng nữa. Cái thư đang nằm kia, trong thùng thư.

TÚY-LINH.— Anh Hoàng giữ chìa khóa hả ?

THU-HÀ.— Vâng, lúc nào anh cũng giữ chìa khóa ?

TÚY-LINH.— Lão Thạch phải lấy lại cái thư chưa đọc, nó phải tìm một cơ gì...

THU-HÀ.— Nhưng chính vào lúc anh Hoàng thường...

TÚY-LINH.— Hà phải giữ anh ấy lại. Đi vào trong buồng với anh ấy. Mình sẽ trở lại hết sức mau chóng có thể được. (*Đi vội vàng ra cửa*).

THU-HÀ.— (*Đến mở cửa phòng Hoàng và đi vào*). Anh Hoàng !

HOÀNG.— *(Từ phòng trong nói ra)*. Thế nào ? Liệu bây giờ anh có thể đi vào phòng anh được không ? Đi ra đây, anh Thăng, anh sẽ thấy ... *(Đứng dừng lại ở cửa)*. Nhưng cái gì thế này ?

THU-HÀ.— Cái gì là cái gì, hử anh ?

HOÀNG.— Anh Thăng nói là anh sẽ thấy một sự biến đổi huy hoàng.

THĂNG — *(Đứng ở ngưỡng cửa)*. Tôi ngờ thế, nhưng chắc tôi lầm.

THU-HÀ.— Vâng, không có một ai được ngắm em mặc áo, từ giờ cho đến mai.

HOÀNG.— Nhưng em Hà ạ, trông em lồi thoi lốc thốc lắm. Em đã tập nhiều quá, phải không ?

THU-HÀ.— Không, em chẳng tập tí nào cả.

HOÀNG.— Nhưng em cần phải tập...

THU-HÀ.— Vâng, thì em sẽ tập chứ sao. Nhưng em không thể đi một bước nào, nếu anh không giúp em ; em quên hết tất cả rồi.

HOÀNG.— Ừ, chúng mình sẽ tập lại từ đầu.

THU-HÀ.— Vâng, anh chỉ cho em, anh Hoàng nhé. Anh hứa là anh sẽ chỉ cho em đi ! Em lo ngại về việc đó quá, bao con mắt sẽ nhìn vào... Anh phải dành cả buổi chiều hôm nay cho em, không được nghĩ một tí gì về công việc... anh không được đụng cả đến cán bút của anh. Anh hứa đi, anh Hoàng ?

HOÀNG.— Anh hứa. Chiều nay anh sẽ hoàn-toàn thuộc quyền sai bảo của em, em, cô nàng vô tích-sự ! À, nhưng mà gượng đã, trước hết anh còn phải... *(Đi ra phía cửa ngoài)*.

THU-HÀ.— Anh ra ngoài ấy làm gì thế ?

HOÀNG.— Xem có cái thư nào không ?

THU-HÀ.— Ồ, không, không ! Đừng, anh Hoàng !

HOÀNG.— Tại sao không ?

THU-HÀ.— Anh Hoàng, em van anh, không có gì ngoài ấy đâu.

HOÀNG.— Ừ, thì để anh nhìn thử xem. *(Quay lưng đi ra phía thùng thư. Thu-Hà đến bên dương cầm, dạo một cung đàn của điệu múa. Hoàng dừng lại ở cửa)* A, ha !

THU-HÀ.— Em không thể nào múa ngày mai được, nếu em không tập với anh.

HOÀNG.— *(Đi về phía vợ)* Em có thực quá lo ngại về chuyện đó không, em ?

THU-HÀ.— Vâng, em sợ quá thể. Để cho em tập ngay bây giờ. Bây giờ có đủ thì giờ, trước khi mình ăn cơm. Anh ngồi xuống, dạo đàn cho em, anh Hoàng. Anh vừa đàn vừa sửa bước chân cho em nhé.

HOÀNG.— Anh rất sẵn lòng, nếu em muốn thế. *(Ngồi vào bên đàn dương cầm)*.

THU-HÀ.— *(lấy một cái trống nhỏ trong hộp ra, cùng với một tấm khăn choàng dài. Nàng quấn vội tấm khăn choàng chung quanh người. Rồi nàng nhảy ra giữa sân khấu, gọi lớn).* Đạo đàn đi ! Em múa đây !

(Hoàng đạo đàn, và Thu Hà nhảy múa. Thằng đứng tựa bên đàn dương cầm, phía sau Hoàng, đưa mắt nhìn.)

HOÀNG.— *(vừa đạo đàn vừa nói).* Chậm hơn tí nữa, chậm hơn một tí !

THU-HÀ.— Em không thể nhảy khác hơn được.

HOÀNG.— Đừng có mạnh quá thế, Hà !

THU-HÀ.— Phải múa như thế chứ !

HOÀNG.— *(Ngừng tay đàn)* Không, không đúng một tí nào cả.

THU-HÀ.— *(Cười lớn và múa chiếc trống)* Đấy em đã bảo anh trước mà ?

THĂNG.— Để tôi đàn cho chị ấy múa.

HOÀNG.— *(Đứng dậy)* Ừ, anh đàn hộ đi. Tôi có thể sửa cho nhà tôi cẩn thận hơn.

(Thăng ngồi vào đàn dương cầm, dạo nhạc. Thu Hà, mỗi lúc nhảy càng man rợ hơn. Hoàng đã đến đứng bên lò sưởi trong khi Hà múa, và luôn luôn chỉ vẽ cho nàng. Hà dường như không để ý đến lời Hoàng. Mái tóc rối tung rủ xuống vai. Hà không vuốt tóc lại, mà cứ tiếp tục nhảy. Túy-Linh đi vào).

TÚY LINH.— *(Đứng sững ở cửa)* Ồ !

THU HÀ.— *(vừa nhảy vừa nói)* Thú không, chị Linh !

HOÀNG.— Em Hà ơi ! Em đang nhảy như cả cuộc đời em tùy thuộc vào đấy !

THU HÀ.— Đúng thế !

HOÀNG.— Ngừng lại, Thăng ! thật là điên rồ. Ngừng lại, tôi bảo ngừng lại ! *(Thăng ngừng tay, và Thu Hà đột nhiên đứng thẳng đờ người. Hoàng đi về phía Hà)* Anh không thể nào tin được như vậy. Em quên hết những gì anh đã dạy em.

THU HÀ.— *(Quăng chiếc trống ra xa)* Đấy, anh xem.

HOÀNG.— Em còn phải tập nhiều lắm.

THU HÀ.— Vâng, anh xem em cần phải học nhiều như thế nào. Anh phải luyện cho em cho đến phút chót. Anh hứa thế đi anh Hoàng !

HOÀNG.— Em có thể trông cậy ở anh !

THU HÀ.— Anh không được nghĩ đến một chuyện gì khác ngoài em, cả hôm nay và ngày mai ; anh không được mở một lá thư nào ra coi... ngay cả không được mở thùng thư.

HOÀNG.— A ! Em hãy còn sợ cái thằng cha ấy ...

THU HÀ.— Vâng, thực thế !

HOÀNG.— Em Hà, cứ trông mắt em, anh cũng biết là có cái thư của nó đang nằm kia.

THU HÀ.— Em không biết ; em đoán là có ; nhưng anh không được đọc một lá thư nào như thế bây giờ. Không có một sự gì kinh khủng được xảy ra giữa chúng ta trước khi mọi cuộc vui kết thúc.

THĂNG.— *(Nói nhỏ với Hoàng)* Anh không nên làm trái ý chị ấy.

HOÀNG.— *(Ôm Hà trong hai cánh tay)*. Cô Nàng sẽ được vừa ý. Nhưng đến đêm mai, sau khi em đã múa xong...

THU-HÀ.— Là anh sẽ được tự-do. *(Chị người làm đứng ở cửa bên phải)*.

LIÊN.— Thưa mợ, cơm đã dọn lên rồi.

THU-HÀ.— Đem xâm-banh ra, Liên !

LIÊN.— Thưa mợ, vâng.

HOÀNG.— Ái chà !.. hôm nay chúng mình mở tiệc à ?

THU-HÀ.— Vâng, một tiệc xâm-banh cho đến khuya. *(gọi vọng ra ngoài)* và đem kẹo súc-cù-là lên đây, Liên... Đem thật nhiều, đem thật nhiều một lần này thôi !

HOÀNG.— Thôi mà, vừa vừa chứ. Đừng có hóa rồ hóa dại ra như thế. Em vẫn là con chim khuyển ngoan ngoãn của anh mà !

THU-HÀ.— Vâng, thưa anh, em sẽ ngoan. Nhưng anh đi vào buồng ăn đi, cả anh Thằng nữa. Chị Linh, chị giúp em làm lại mái tóc.

THĂNG.— *(Nói nhỏ với Hoàng trong khi đi ra ngoài)* Tôi đoán là không có chuyện gì... Chị ấy không chờ đợi một sự gì chứ ?

HOÀNG.— Chẳng có gì đâu, anh ơi ; chẳng qua chỉ là sự kích-dộng trẻ con, mà tôi đã nói với anh đấy *(Hai người đi vào phòng bên phải)*.

THU-HÀ.— Thế nào ?

TÚY-LINH.— Đi ra khỏi tỉnh rồi.

THU-HÀ.— Nhìn mặt chị, em cũng đoán được.

TÚY-LINH.— Hắn sẽ trở về vào chiều mai. Mình có viết giấy để lại cho hắn.

THU-HÀ.— Chị phải để mặc ; không được ngăn cản một sự gì. Dầu sao, chờ đợi một sự kỳ-diệu xảy tới, cũng là một điều tuyệt-thú.

TÚY-LINH.— Chị chờ đợi sự gì thế ?

THU-HÀ.—Ồ, chị sẽ không hiểu được. Đi vào với bọn họ đi. Em sẽ vào ngay bây giờ. *(Túy-Linh đi vào phòng ăn. Thu-Hà đứng yên một lúc. Rồi nàng nhìn chiếc đồng hồ đeo tay)* Năm giờ. Còn bảy tiếng đồng hồ nữa đến nửa đêm ; và rồi hăm bốn tiếng đồng hồ nữa đến đêm mai. Thế là xong điệu múa. Hăm bốn và bảy ? Mình còn ba mươi một tiếng đồng hồ nữa để sống trên đời này.

HOÀNG.— *(Từ ngưỡng cửa bên phải)* Con chim khuyển của anh đâu rồi.

THU-HÀ.— Đi về *(phía Hoàng, giang hai tay)* — Em đây, anh ơi !

nguyện cầu ánh sáng

*Có hay không Thượng-đề ?
Có hay không con người ?
Có hay không thể xác ?
Có hay không cuộc đời ?*

*Dù có hay không tôi cúi đầu khấn nguyện.
Mặt trời — trái đất — hoa cỏ — tình thương.
Ơi những Thiên-đường.
Ơi ảo ảnh những tâm hồn sa mạc.*

*Tôi gào thét phổi tim khô nứt nẻ.
Đêm Giáng-Sinh trong nguồn thương Đức Mẹ.
Ánh sáng — tin yêu — vô lượng bao la.
Niềm đau nào rên xiết yêu ma.
Tôi cúi đầu — ngủ yên — và chết.*

*Đêm Chúa xuống trần.
Loài cỏ dại.
rêu xanh
đang mọc rữa.
Trái đất khô mòn nổi cơn giông lửa.
Tôi cúi xin.
cúi xin.
và khóc
và cười — vỡ nứt môi tươi...*

văn học và chính trị

MỘT Ý KIẾN
VỀ NHẬN ĐỊNH CỦA
ÔNG **Nguyễn Văn Trung**

Kính gửi Ông Chủ-Bút Nguyệt-San VĂN-HỌC

Thưa ông,

Tôi đã được hân hạnh đọc qua Nguyệt-San Văn-Học do ông chủ-trương, trong đó tôi rất lưu ý tới phần « Sinh-hoạt Văn-hóa », nhất là đoạn tường thuật buổi diễn-thuyết của Giáo-sư Nguyễn-văn-Trung và dư luận của « phái đôi lập » chung quanh vấn-đề « bản chất thật sự của cuộc tranh-luận về Kiều giữa Phạm-Quỳnh và Ngô Đức-Kế ».

Thiết tưởng đây là một vấn-đề quan-hệ, có thể trở thành một « vụ án văn-học », tôi xin phép ông được góp một vài ý kiến. Trước hết tôi cần minh xác rằng tôi không hề được quen biết ông Trung. Thật ra có thể nói có « biết » nhưng không « quen », biết ông Trung qua những tác phẩm đã xuất-bản, Tạp-chí Đại-Học do ông Trung chủ-trương. Nói thế để ông hiểu rằng tôi muốn giữ một thái-độ khách-quan cần-thiết như chính ông đã nhấn mạnh trong bài tường thuật.

Thưa ông,

Chung quanh bài diễn-văn của ông Trung, hình như người ta đã đặt ra từng này vấn-đề :

1) Ông Quỳnh có hay không là một nhà ái-quốc, một chiến-sĩ văn-hóa chân chính ?

2) Ông Quỳnh có hay không « theo Tây » (vô tình hay hữu ý) trong chính-sách mị dân của chính quyền Bảo-hộ ?

3) Bản-chất cuộc tranh-luận Phạm-Quỳnh, Ngô Đức-Kề là bản-chất văn-học hay chính-trị ?

4) Mục-đích của ông Trung khi đưa ra những nhận-định mới để lên án Phạm-Quỳnh ?

Tôi nhận thấy dư-luận hình như không thuận tiện cho ông Trung, và có phần bất công đối với ông. Tôi xin đặt sang một bên vấn-đề ý-kiến ông Trung đúng hay sai, tôi chỉ xin nhấn mạnh đến điểm sau cùng : mục-đích của ông Trung khi phát biểu những ý-kiến ấy ?

Nếu mục-đích của ông Trung tốt thì dù ý-kiến của ông đúng hay sai cũng có bản-chất tốt, vì nó là khởi điểm cho những nghi vấn, những thắc mắc hoài-nghi mà rồi những công-trình nghiên-cứu rộng rãi hơn sẽ làm sáng tỏ. Trái lại, nếu ông Trung có một dụng ý không tốt nào đó, khi ấy chúng ta mới nên khe khắt hơn.

Theo tôi, thiết tưởng ông Trung đã can đảm làm một công việc xứng đáng. Sở dĩ tôi tin như vậy bởi trước hết tôi tin « con người » ông Trung. Ông Trung là một người trí-thức (là giáo-sư Đại-Học Văn-khoa), một nhà văn-hóa (ông đã có nhiều công-trình khảo-cứu khá đẹp đẽ), như vậy có thể tin rằng ông chỉ làm nhiệm-vụ của ông, nhiệm-vụ bồi đắp cho phong phú thêm kho tàng Văn-học nước nhà.

Hơn nữa, nếu ý-kiến ông phát biểu có nghịch thường, thì đó chính là điểm rất đáng khích lệ. Thử hỏi, nếu ông Trung, và toàn thể chúng ta, chỉ biết nô-lệ sách vở, sùng kính cổ-nhân một cách mù-quáng làm sao chúng ta có thể có sáng-kiến, có thể khám phá những đa diện của cuộc đời, mà cuộc đời và tư-tưởng là một sự trùng hợp không ngẫu nhiên.

Theo tôi, cuộc đời là một tra hỏi, nó không để cho chúng ta thụ động. Mà làm gì có một thái-độ thụ-động hoàn-toàn, thụ-động cũng là một hình-thức tác-động, nó chỉ là hai bộ mặt của một sự thực : niềm xao-xuyến của quá khứ còn sót lại trong hiện tại và những tra hỏi của hiện tại đối với tương-lai. Đó là nhiệm-vụ của nhà văn-hóa, ông Trung đã đi đúng con đường ấy. Gán cho ông những mục-đích (tưởng tượng) không

tốt đẹp, như thế có phải là bất công chăng? Và như thế có làm cản trở những thiện-chí đang hay sẽ có chăng?

Sau hết, chính do bài diễn-văn của ông Trung mà đã có một dư-luận xét lại vụ án Quỳnh, Kê. Như vậy ông Trung đã thành công vì đã đặt được vấn-đề chăng? Nếu không có ông, hai ông Quỳnh, Kê cũng sẽ mai một với thời-gian chăng?

Trên đây là vài ý-kiến của tôi, nếu Quý ông cho rằng có phần hữu-ích, hữu-ích không phải để minh oan cho ông Trung — người tôi không quen biết, không cảm tình riêng tư — mà để dư-luận phán xét một cách chín chắn hơn.

Một độc giả
V. T.

T. B.— Tôi xin thêm một nhận xét là tôi có cảm tưởng những cá-nhân đã lên tiếng công-kích ông Trung còn trẻ tuổi, có khi chỉ đáng tuổi em ông Trung và trình độ chỉ bằng các Sinh-viên đang theo học ông Trung thôi. Điều đáng tiếc chăng? (1)

Thưa Ông V.T.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn ông đã có công theo dõi một mục rất nhỏ trên tờ Nguyệt San của chúng tôi. Chúng tôi không có ý định gán cho vấn đề Ông nêu một tính cách nghiêm trọng và tham dự cuộc thảo luận (hay công kích?) ông Nguyễn văn Trung. Cá nhân ông Trung, dù có là một hiện tượng đáng lưu ý chăng nữa, cũng không nên làm phiền lòng độc giả vốn tiết kiệm thời giờ và về phần chúng tôi, vốn tiết kiệm giấy mực.

Nhưng nếu chúng tôi không nhầm thì Ông muốn đặt vấn đề dưới hai khía cạnh: một tổng quát và một cá biệt. Về khía cạnh tổng quát, Ông đề cập tới nhiệm vụ của nhà văn hóa; về khía cạnh cá biệt, Ông áp dụng quan niệm về nhiệm vụ ấy vào trường hợp ông Nguyễn văn Trung. Ý kiến quả thật hữu ích, như ông nói cuối thư, nên chúng tôi rất hân hạnh được tham gia đề, cũng như Ông nói, dư luận phán xét một cách chín chắn hơn.

Trước hết, có hai điểm chúng tôi đồng ý với Ông:

1.— Nếu mục đích của ông Trung tốt thì dù ý kiến của ông đúng hay sai cũng có bản chất tốt.

2.— Nhiệm vụ của nhà văn hóa là biết tìm tòi, biết sáng tạo, không nhất thiết sùng kính và nô lệ cổ nhân.

1) Trên đây là nguyên văn bức thư chúng tôi nhận được bằng bưu-điện, không ghi địa-chỉ, ngày tháng, được đánh máy và ký tên tắt V. T.

Như vậy giữa Ông và chúng tôi đã có sự thỏa thuận về nguyên tắc. Nhưng Ông đã căn cứ vào các nguyên tắc để suy diễn ra những kết luận mà chúng tôi không thể đồng ý. Chúng tôi trở lại từng điểm, và chỉ xin đảo ngược thứ tự mà thôi.

— Ông Trung có làm đúng nhiệm vụ của nhà văn hóa hay không ? Ông « tin » ở « con người » ông Trung để trả lời là « có ». Đó là quyền của Ông. Nhưng chúng tôi không dám tin tưởng như vậy. Không dám bởi không phải là cứ là giáo sư Đại-học tất là người trí thức ! Không dám bởi không phải cứ viết một vài cuốn sách mà giá trị chưa được thử thách bởi thời gian tất là nhà văn hóa ! Định nghĩa của ông chúng tôi tưởng rằng quá thô sơ nếu không nói là sai lầm.

Thứ nữa, ông cho rằng cần phải xét đoán cổ nhân, khám phá những đa diện của cuộc đời. Đôi khi những danh từ đẹp để dễ đánh lừa kẻ khác cũng như chính mình. Chúng tôi nghĩ rằng cùng một hành động có thể gán cho nhiều danh từ mâu thuẫn mà vẫn thừa cách biện luận. Nhưng để giới hạn vấn đề, chúng tôi xin phép đặt câu hỏi văn tắt như sau : đâu là thực chất hàm ngụ trong hành động và ý kiến ông Trung ? Hỏi như thế tức chúng ta đã trở lại điểm thứ nhất.

Để trả lời, chúng tôi không dám hàm hồ võ đoán dụng ý của ông Nguyễn văn Trung. Chúng tôi chỉ căn cứ vào những nguyên tắc mà chính ông nêu ra : ông Trung có sáng tạo được gì khi lên án Phạm Quỳnh ? Các ý kiến của ông Trung — đúng hay sai ? chiều ý ông chúng tôi cũng xin đặt sang một bên — nếu không phải là toàn thể thì cũng là hầu hết những lý lẽ buộc tội trong bản án 1945 của Cộng sản. Điều ấy có thể kiểm soát được vì tài liệu này may mắn vẫn có người giữ được. Ông Trung đã gom góp những điểm chính trong bản án chính trị này, chẳng những về cách lập luận mà cả về danh từ, có sự trùng hợp ngẫu nhiên chăng ?

Trong bản án trên, Cộng sản lên án hai « Việt gian » : Phạm Quỳnh và một chiến sĩ cách mạng lão thành. Những lý lẽ trong bản án của Cộng Sản dùng để gán cho cả hai vị, ông Trung dùng nó để hạ uy tín Phạm Quỳnh, như vậy cũng đồng thời và gián tiếp hạ uy tín của nhà cách mạng tiền bối mà thành tích đấu tranh không ai phủ nhận được. Như vậy mục đích của ông Trung là mục đích chính trị hay mục đích văn học ? Ông Nguyễn văn Trung đã làm phát ngôn nhân cho ai ? Cho « con người văn hóa » của ông hay cho một vang bóng chính trị nào ?

Cứ cho là ông Trung chỉ có một mục đích rất cụ thể : củng cố địa vị học giả của ông. Nhưng nếu quả thực thế ông Trung cũng đã tính lầm. Trước hết ông đã có một địa vị học giả hay chưa để củng cố ? Hơn nữa, ông đã củng cố bằng cách gì, bằng phương tiện nào ? Nếu ông V.T. muốn có câu trả lời, xin Ông vui lòng tìm đọc tài liệu mà chúng tôi đã nói ở trên (biết đâu chính Ông chả được nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu này rồi, thưa ông V.T. !)

Đến đây, chúng tôi xin đề cập chút ít tới lương tâm và nhân phẩm của người cầm bút để kết thúc bức thư ngỏ này. Người cầm bút, hơn ai hết có trách nhiệm đối với người đồng thời, và nhất là đối với hậu thế. Quần chúng dễ dàng tin cậy nhưng không hạn là hoàn toàn mù quáng. Ở đâu cũng có sự lợi dụng nhưng không đâu sự lợi dụng dễ nguy hiểm bằng trong lãnh vực văn hóa. Vì vậy, sự trung thực là yếu tố tiên quyết mà người cầm bút phải tâm niệm.

Sau hết, về các nhận xét của Ông, thưa ông V.T., liên quan tới các cá nhân từng phát biểu ý kiến chung quanh vấn đề này, chúng tôi xin dành quyền cho các cá nhân ấy minh xác thái độ nơi đây hay bất cứ nơi nào khác. Riêng phần chúng tôi, chúng tôi rất đa tạ thịnh tình quý báu của Ông.

Trang trọng
Nguyệt-San VĂN-HỌC

ĐIỂM SÁCH

NGUYỄN
TẠO
LÂM

LA CRAVACHE

của **VIRGILE GHEORGHIOU**
Bản dịch Pháp văn
của nhà sách Plon, Paris.

Người ta biết đến văn sĩ Lỗ-ma-ni C.V. Gheorghiu nhiều nhất là nhờ tác phẩm *Giờ thứ Hai mươi lăm*. Cuốn sách khá dày này được bàn tán xôn xao trong giới văn học trí thức Tây phương. Nhiều người coi đây là một bản trường hận ca mới của thời đại. Nhiều người chỉ cho là một tham vọng lớn, rất lớn : viết sử thời đại, kể chuyện con người trong thời đại máy. Ý kiến thứ hai có phần đúng hơn. Nhưng tham vọng thì rất rõ, mà có thành được tham vọng đó trong tác phẩm thì không có gì chắc chắn. Dù sao cũng được cái dáng to lớn, vĩ đại, bàn đến những chuyện lớn lao ghê gớm của thời đại.

Sáng tác phẩm : La Cravache, C.V. Gheorghiu lại được một lần chú ý, lần này không phải vì giá trị tác phẩm trước tiên, mà vì một vụ kiện khá ngộ nghĩnh : một nhân vật trong truyện lại trùng với tên thật của một người. Nếu chỉ trùng tên thôi thì không sao, đằng này lại trùng luôn tên họ, nghề nghiệp, quốc tịch, và hình như cả trong vài ba hoạt động. Cuốn La Cravache vì thế một dạo bị tịch thu. Sau đó chẳng hiểu nhờ đâu vẫn được phổ biến.

Lại một lần nữa tác giả mang tham vọng lớn vào một tiểu thuyết. Lần này có điều tham vọng lớn, nhưng tác phẩm nhỏ về số trang, so với tác phẩm trước. Về phẩm thì xin hạ hồi phân giải.

*
*
*

Câu chuyện bắt đầu trong một chuyến di chuyển của một đội binh Đức chiếm Lỗ. Đoàn quân gồm hai phần : quân chính qui Đức và những thân binh Lỗ. Dọc đường gặp một chi tiết đem lại cho viên chỉ huy người Đức một lý luận đơn giản : «... Không một người dân quê nào còn việc gì phải làm ngoài đồng. Vì đó nên không có một người dân quê nào ngoài đồng cả. Vậy người dân quê mà chúng ta thấy kia là một lính nhảy dù của địch. Một tên phá hoại. Một tên gián điệp hay đào ngũ. Các anh không nên quên rằng chúng ta chỉ cách tiền tuyến không quá trăm cây số. Quân địch ở sát nách chúng ta. Vậy cần phải đề phòng cẩn mật lắm. Chúng ta là những chiến sĩ. Vận mệnh của quốc gia và hai mươi triệu dân Lỗ trong tay chúng ta... Sự sợ hãi của một binh sĩ là điều không thể tha thứ được... Vậy hạ sĩ Motok dẫn hai binh sĩ tiến về phía đó. Tiến theo thế tấn công... khí giới sẵn sàng. Nếu tên kia bỏ chạy hay cố gắng trốn thoát thì phải bắn ngay. Các anh đem nó lại đây nếu không bắt sống được thì chết vậy. Mệnh lệnh : không để cho nó trốn thoát. Kết luận : chú mục vào nó và để ngón tay lên cò súng.»

Đoàn quân Đức chuẩn bị nghiêm trọng như sắp tấn công một địch thủ hùng mạnh. Nhưng khi đến gần, người dân quê không bỏ trốn. Hẳn binh lính có vẻ thản nhiên và tươi cười đứng chờ, rồi theo quân Đức đi lại phía xe đậu. Trong cuộc thẩm vấn hăng xung : « Tôi tên là Tomitza Apostol, thừa trung úy. Tôi hai mươi chín tuổi, nhà tôi ở trên đồi kia kia, trong cái làng trên đồi kia... Tôi là binh sĩ giải ngũ. Đáng lý tôi đã đến nhà từ khá lâu, nhưng không thể đi thẳng được. Tôi phải ngừng bước dọc đường. Một binh sĩ giải ngũ không thể đi như một thường dân lành mạnh. Đau đầu này. Sốt rét, xây xẩm và còn bao nhiêu thứ nữa. Khi mới bắt đầu chiến tranh tôi khỏe mạnh lắm. Tôi đã tham dự từ ngày đầu. Đi khắp cả nước Nga. Luôn luôn ở tiền tuyến... Bây giờ tôi được giải ngũ. Lần đầu tiên tôi bị thương — tôi bị thương nặng — các bác sĩ quân y đã phải cắt bỏ hẳn một lá phổi, lá phổi bên trái. Và ba xương sườn.»

Nhưng dù cho Tomitza giải thích cặn kẽ như thế, viên Trung úy Đức vẫn không tin lời Tomitza và kết luận : « Tất cả những điều tên dân quê này nói đều láo toét tuốt tuột. Không đúng sự thật một tí gì hết. Người dân quê Lỗ nói dối. Nói dối vì tật xấu. Các anh sẽ có những bằng chứng tỏ rõ nó nói dối.»

Bằng chứng đó là đôi giấy lính. Lý luận của con sói đối với cừu non thật đơn giản, chắc nịch và chí lý !

Và cuối cùng tên dân quê Lỗ-ma-ni Tomitza Apostol bị kết tội : « Công dân Tomitza Apostol, anh bị tội tàng trữ và sử dụng bất hợp pháp những dụng cụ nhà binh. Vậy theo luật nhà binh, anh bị kết án tử hình. Anh sẽ bị xử bắn ngay tức khắc. Chúng ta không có thì giờ để phi phạm đối với những kẻ thù của tổ quốc. »

Người dân quê Lỗ - ma - ni chết. Thật vô lý, mà cũng thật hợp lý. Tomitza Apostol, người dân quê Lỗ-ma-ni chết đi để lại một vợ trẻ thật yêu thương gã. Nàng Johanna kết duyên cùng chàng dân quê Tomitza được hai hôm thì chồng phải đi lính. Cách biệt từ đó. Lấy nhau mới hai ngày, nhưng họ yêu nhau, chờ ngày phối hợp từ rất lâu, lâu đến nỗi tưởng như từ đời kiếp nào. Hai đứa con song thai đã chết. Chỉ còn Johanna và tình yêu. Nhưng Tomitza lại cũng đã chết. Chết khi chiến tranh sắp kết liễu, và nàng đợi chồng trở về. Johanna không biết gì cả. Nàng thoáng nghe trong giây phút Tomitza bị xử bắn có tiếng gọi tha thiết của chồng. Rồi một ngày kia « Johanna đã nhận được một lá thư của cơ quan báo tin chồng chết trên chiến địa, chết để đền nợ nước. » Từ đây Johanna như nàng vọng phu muôn thuở, tạc ảnh chồng vào lòng, lên giấy để thờ.

Trong lúc đó đất nước Lỗ đang hứng chịu bao nhiêu tai ương, thất bại. Liên quân Đức thất trận. Các mặt trận thu hẹp. Quân Đồng minh, Nga tiến sâu vào đất Lỗ. Thân binh Lỗ được lệnh cưỡng bách dân chúng tản cư đi nơi khác, nói là « tản cư dân chúng để không rơi vào tay quân địch tàn bạo. Trong vòng hai tiếng đồng hồ chúng ta phải tản cư hết. Không một sinh vật nào có thể để rơi vào tay quân Nga. Sự mạng của chúng ta cao cả vô cùng. Chúng ta đến đây để cứu vớt sinh mạng của dân một thôn làng ».

Mĩa mai thay, người ta nhân danh « tổ quốc » để cưỡng bách dân chúng tản cư, khi biết rằng ra đi mà không có lương thực gì là chết. Nhưng đó là một mệnh lệnh, và các binh sĩ cưỡng bách dân chúng ra đi, không có Johanna Apostol. Đoàn người thê thảm bước đi, chạy trốn, tuy biết không thoát, không thể thoát được gì cả, vì nguyên nhân của đau thương, tội ác không có một cứ điểm cố định nào sau lưng họ, mà ở ngay nơi họ, trong thế gian này. « Tất cả mọi người tin chắc ra đi là chết, chết cho đến người cuối cùng. Không một ai sẽ trở về làng. Sẽ có những nắm mồ vô danh dọc theo đường đi. Số đông những kẻ lưu đày sẽ không mồ mả, không có thập giá ».

Ở lại làng bây giờ còn Johanna, nàng ở lại để chờ ngày tái ngộ với chồng. Nhưng chồng nàng đã chết, và những kẻ sát nhân bây giờ lên mặt đạo đức và cứu chuộc. Nhưng tất cả chỉ là giả dối, khi « Người dân quê bị xử bắn này là hình ảnh của nước Lỗ. Một xứ sở phải chiến đấu với một kẻ thù trăm lần mạnh hơn nó, và cuối cùng bị giết, không phải do tay kẻ thù, mà chính bởi do tay vua nó, do tay chính phủ nó, do tay bộ tham mưu của nó » (tr. 135). Hết như Tomitza đã bị giết bởi những sĩ quan của nó vậy. Không phải bởi kẻ thù đâu. Và bị giết khi nó trở về nhà. Sát cạnh nhà. Sau khi đã thi hành

nhệm vụ. Sau khi đã hy sinh một lá phổi, ba xương sườn, và bốn năm trong đời sống.»

Và những người ra đi tưởng tìm thế sống, cuối cùng thành những thầy ma hoang không ai nhận. Tất cả trở thành thầy ma hoang. Số phận của một nước nhỏ. Của nhân loại trong lầm lỗi chính nó gây ra và bây giờ gánh chịu. Lỗi lầm tập thể. Lỗi lầm tôn thành một chủ trương, một kế sách. Chỉ còn cách cứu vãn duy nhất : « tất cả được giải ngũ. Từ đây không còn ai là chiến binh nữa. Như thế có nghĩa là không một ai còn có kẻ chỉ huy trên mình. Mỗi người trở thành kẻ chỉ huy của chính mình. Tội trước đây là kẻ chỉ huy của mọi người, khuyên mọi người hãy tự động cứu lấy thân mình. Tan hàng. Ai nhanh chân thì thoát »

Nhưng nhanh chân chắc gì thoát. Khi cái chết đã lan khắp. Hình ảnh thế giới trong khủng hoảng này, một an ủi cuối cùng « kẻ chỉ huy cũng chung số phận như mọi người. Cũng sẽ bị tàn sát. Kẻ chỉ huy, cũng không hy vọng trở nên anh hùng. »

Một lần nữa súng đổi vai, và lịch sử đổi hướng. Dân tộc Lỗ xem kẻ liên minh hôm qua — quân Đức — như kẻ thù hôm nay. Và xem kẻ tử thù hôm nay như bạn của buổi chiều và buổi sáng mai. Không có lý sự gì cả. Sự thể là vậy. Bất vậy. Con người không thể xử theo lý, mà theo bản năng. Kết luận « Tất cả là một trò hề. Cả trong hài kịch Ubu-Roi không bao giờ có một trò hề kỳ quặc như vậy. Thật là khủng khiếp. Khó tin quá. » (tr. 163)

Một đoàn quân xâm lăng mới ào đến : Nga. Với những khí giới Tây phương « Trên chiếc xe tăng có những chữ này « Chế tạo tại Mỹ quốc ». « Jonel không ngạc nhiên. Bèn trên có ngôi sao của Sô viết. Người Lỗ biết rằng quân Nga chinh phục Lỗ nhờ khí giới Mỹ. Sự mạng của Mỹ là cung cấp khí giới cho Nga để chúng chinh phục tất cả thế giới. » (tr. 189).

Cờ đã lựa được gió. Những người như chàng sĩ quan Lỗ, khi theo Đức hăng hái bao nhiêu, thì bây giờ theo Nga cũng hăng hái bấy nhiêu. Cũng đồng-chí ồm tỏi. Cũng hạnh hoẹ. Nạn nhân duy nhất : những người dân chất phác của nước Lỗ, những Tomitza Apostol, những Johana Apostol. Nhưng khi đổi gió phát cờ những người như gã sĩ quan Fanoti lý luận và tuyên bố : « Nước Lỗ đã và sẽ là một nước luôn luôn hướng về văn minh. Sự mạng của nước Lỗ là văn minh. Văn minh là cứu cánh muôn đời. Bất cần Tổ quốc, bất cần Tự do... »

Câu chuyện kết thúc bằng cái chết của Johanna, chết không vì tay một quân thù nào khác, ngoài kẻ chỉ huy quân đội của xứ sở nàng : gã sĩ quan Fanoti.

Trong La Cravache, Gheorghiu đã xử dụng một lối diễn tả rất lạ. Người đọc có cảm tưởng tác giả chụp tại từng mảnh của sự thật, ghép

thành một tập lưu ảnh. Có những rời rạc, nhưng cũng có những liên kết, nếu người xem biết sắp đặt. Tuy nhiên tác giả và cuốn sách của tác giả có vẻ làm dáng nhiều. Những người con gái làm dáng đẹp. Những người trí thức làm dáng trí thức. Gheorghiu làm dáng sử quan, nhân chứng thời đại. Sự làm dáng thành thật. Như cô gái muốn đẹp rất thành thật tin vào thuật làm dáng và kết quả tốt đẹp của việc làm dáng của cô ả. Và tác giả này luôn luôn ôm tham vọng lớn. Chụp được cuốn phim thời sự của một giai đoạn quan trọng trong thời đại chuyển hóa kinh hoàng này: những văn minh tự diệt, tiêu diệt lẫn nhau, hòa hợp với nhau, hay chèn lấn xung đột nhau. Con người đi từ tác giả của những nền văn minh đến nạn nhân theo từng bước vô hình. Gheorghiu ý thức điều đó và nâng thành một luận đề tiên quyết cho tập sách, có thể nói cho tất cả tư tưởng của ông. Sau khi nêu lên những hình ảnh đen tối, tác giả cố gắng đem lại một giấc mơ hóa thân của nhân loại « Em có thấy con tằm chăng. Nó tự hủy đôi cánh, chiếc chân, tim và cả thân bướm. Nó biến tất cả thân thể nó thành tơ. Từ tất cả thân thể nó chỉ rút ra được vài thước tơ. Sau đó nó chết. Kiệt sức. Trong lúc đó bên cạnh nó, những nhà máy dệt hàng giờ sản xuất hàng triệu thước sợi tơ hóa học. Sự cạnh tranh lên mạnh đến nỗi con tằm sẽ biến khỏi mặt đất. »

Con tằm gán cho thi sĩ cũng được, nhưng nới rộng ra thì đó là con người còn giữ được sự tươi mát của tâm hồn, lòng tin yêu nơi đời sống và bè bạn, những ước vọng cao đẹp. Cuộc tranh chấp ngày nay lần lượt giết chết những con người như thế. Những Tomitza, những Johanna tha thiết, chân chất yêu người, yêu đời, yêu nước. Còn lại những Fanoti, sẵn sàng ca tụng bất cứ cái gì, hô hào cho bất cứ cái gì, như con quay, như bèo bọt.

Cái khiếp sợ của Gheorghiu, cái khiếp sợ rằng con người đang tự hủy diệt nhân tính của nó, là cái khiếp sợ vẫn ám ảnh tâm trí nhân loại từ muôn đời, trước những tổ chức to lớn và khắt khe. Cái sợ của một Rousseau, một Lý Bạch.

Cái sợ thì thật chính đáng. Nhưng có cách nào để thoát cơ nguy này? Những đoạn kết của hầu hết những tiểu thuyết lớn của văn học Tây Phương một ít lâu nay, nghĩa là từ chiến tranh thế giới thứ nhất, đều buồn, bi quan. *Le Dernier Rivage* của Nevil Shute tiên đoán sự tận diệt của nhân loại. *The New Brave World* của Aldous Huxley thì một tổ kiến khổng lồ, tất cả tổ chức máy móc, chặt chẽ, qui mô, từ ăn ở, sinh đẻ, tình yêu. Tất cả diễn ra theo mệnh lệnh và phương trình toán học. Với Gheorghiu thì tuy không thế, nhưng đoạn kết thường bỏ lửng sau cái chết của Adam, Eve tàn thời. Vẫn không tươi sáng gì. Cuốn sách ngụ ngôn quá nhiều, tiên đoán một tương lai không đẹp. Đọc để sợ rồi hoặc tránh, hoặc để va đầu vào.

NHỮNG VIÊN SỎI

13 truyện ngắn chọn lọc

Tạ Ty

Nam Chi tùng thư

1962

người đọc : Mai Trung Thuần

Với mẫu tin vật đăng tải trên nhật báo, một nhà văn với ít nhiều trí tưởng tượng sáng tạo đã có hứng khởi và đề tài dựng một truyện ngắn. Người viết, trong trường hợp này, thường không dụng ý diễn tả những khúc mắc, suy tư hoặc về thân phận con người, hoặc về giá trị những nguyên tắc lớn.

Người viết đây là Tạ Ty.

Chúng tôi không nghĩ rằng tác giả NHỮNG VIÊN SỎI đã tỏ ra quá dễ dãi trong việc lựa chọn chất liệu cho « sản phẩm », những chất liệu tưởng như quá tầm thường hay đáng bị coi là « mao hóa » nghĩa là giả tạo. Trong khi phần đông các nhà văn trẻ lựa những đề tài có tính cách tiêu biểu cho một quan niệm sống mang nặng mặc cảm chống đối, sự hiện hữu bản thân, giá trị ước định cấu thành một tập thể ... Tạ Ty, bên những người bạn nao nức với tâm trạng kẻ viễn du, bằng lòng cái khung cảnh quen thuộc hằng ngày như người thư ký già. Tạ Ty ghi lại, qua 13 truyện ngắn, nỗi thương tâm, cảnh éo le, sự ham muốn, lòng hối hận, những tình cảm và tình cảnh của những người

cùng ông đi một chuyến đồ. Vậy nên sự lựa chọn các chủ đề thông thường này cần được coi như thái độ minh thị chấp nhận cái thế giới của những nhu cầu cần thiết sơ đẳng và cấp bách bên cái thế giới của suy tư. Trong hiện tình văn học, Tạ Tỵ đã chọn một con đường tốt đẹp.

Tuy nhiên, chính trên con đường này, người đi đã hơn mười lần vấp ngã vì thiếu cây gậy Kỹ-Thuật trong tay.

Tưởng cũng cần nhắc lại nhận xét sau đây của Augustin Filon khi so sánh nghệ thuật viết truyện ngắn và nghệ thuật chạm nổi, hai ngành sinh hoạt với sắc thái dị biệt nhưng cùng chịu những quy luật khe khắt : « L'artiste est assujetti à toutes les difficultés du bas-relief et à toutes les exigences de la sculpture. Dans ce cercle qui compte deux à trois pouces de diamètre, il doit donner la vision des foules, l'illusion des lointains, la sensation du grand. Pour le faire, il ne peut, comme le peintre, se réfugier dans le vague de l'esquisse. Il faut être suggestif sans cesser d'être précis = c'est donc le triomphe de l'art qui choisit et ne se permet pas un trait inutile ou médiocre. »

Thuật viết nguyên ngắn vốn khó, câu truyện được trình bày khá quen nhàm, người viết không dụng ý phô bày tư tưởng mới, sự thành công về phương diện nghệ thuật phi tay kẻ có bản lĩnh tất không thể đạt.

Cái bản lĩnh của tác giả NHỮNG VIÊN SỎI chỉ vừa đủ để cho phép ông có một kinh nghiệm.

Trong lời đầu sách, ông Hiếu Chân cho rằng : « Tạ Tỵ đã đặt tất cái phần tâm linh của anh vào những truyện ngắn trong tập này ».

Phần tâm linh được giới thiệu ở đây chính là những xúc động quá độ, kém chín chắn bàng bạc qua các truyện. Kỹ thuật dựng truyện của Tạ Tỵ làm liên tưởng đến người đàn bà nông nổi hay than van mỗi khi thuật lại một câu truyện mình được chứng kiến thường nói quá, với những nhận xét thiếu xâu sắc, mực thước đến nỗi câu chuyện từ bi cảm thành hài hước.

Phần tâm linh này được biểu hiện một cách thiếu tế nhị bởi sự có mặt thường xuyên của tác giả để phát biểu cảm tưởng về người, về việc, cái cảm tưởng mà lẽ ra người đọc sẽ tự có.

Tác giả kêu lên :

« Chao ôi ! nét mặt đau thương kia có ai ngờ là kết quả của một vài kỷ niệm. »

Đoạn viết tiếp :

« Phong thấy khổ sở hơn bao giờ hết. Phong rầy rụa trong niềm thương vô bờ bến. Phong mạnh tay ấn bút vào màu đen rồi quệt lên khuôn vải. Cả người Phong đổ siêu vào mặt tranh. Phong ôm ghì lấy

sắc màu khóc nước nở... » (*Mưa gió trên đồi*) Tạ Ty đã quá mạnh tay. Tác giả phát biểu ý kiến ở đoạn kết *Hình ảnh cuối cùng* : « Tôi nghĩ đến những người bạn Phi châu — qua tin tức báo chí — đang anh dũng đứng lên phá tan xiềng xích nô lệ. Tôi nghĩ đến họ qua hình ảnh của đứa bé lai đen, đến Hường. Tôi chắc sau những kinh nghiệm chống Thực dân, đòi quyền sống họ đã hiểu thế nào là dã man, tàn nhẫn. Thế nào là cái nhục nô lệ ». Và chúng ta hiểu thế nào là sự thô bạo của nghệ thuật Tạ Ty.

Phần tâm linh của tác giả lại được diễn tả bằng một văn từ thường khi rất đáng tiếc :

« Tiếng khóc kéo lê thê trong căn phòng âm u dày đặc khổ đau » và « Nàng thét lên theo tiếng mưa gió đang thi nhau gào rú ». (*Tiếng cười*). Người đọc gặp quá nhiều những đoạn văn tương tự nên tưởng chừng đang đi trong một rừng gai tình cảm.

Vậy nên chúng tôi thấy không cần đề cập đến phân phân tách tâm lý nhân vật, các diễn biến nội tâm, những ràng buộc hợp lý của nhân và quả.

Sau hết, nếu cần đan cử một truyện « chọn lọc », chúng tôi nghĩ đến *Người đàn bà ngoại trừ* đoạn kết dùng để cắt nghĩa việc làm của nhân vật.

Tạ Ty đã dứt khoát chọn con đường đi, con đường không đưa đến ngõ hẹp Bần-khoăn, Phi-lý ; nhưng thiết tưởng ông cần soát lại cái ba lô hành lý mang trên vai để loại bớt nhiều viên sỏi có thừa sức nặng của những tảng đá lớn, đè bẹp con người muốn đi xa ngay ở mức khởi hành.

Kết luận : Trong tất cả những gì của NHỮNG VIÊN SỎI, tôi chỉ thích có lời đề tựa của nhà văn Hiếu Chân và kỹ thuật của nhà in K.L.

SINH HOẠT

• *Tin Sinh Viên*

TRẦN VĂN-NGÔ

Như vậy, Sinh-viên ghi tên tại các Đại-Học ở Saigon và Huế trong kỳ nhập học vừa qua lên đến 17.762 người, so với niên khóa (1960-1961) 11.708 Sinh-viên. Tại Viện Đại-Học Saigon, có tất cả 15.477 Sinh-viên (1960-1961 : 10.2276 Sinh-viên) trong số đó, Văn-khoa dẫn đầu (4.583 Sinh-viên) và Kiến trúc ít nhất (447 Sinh-viên). Những khoa khác là Khoa học (3.383 Sinh-viên) Luật khoa (3.046), Dược khoa (2.119) và Y-khoa (1.231), Sư Phạm (668).

Đại-Học Huế trong kỳ nhập học vừa qua có 2.286 Sinh-viên ghi tên nhập học. Niên khóa (1960-1961) là 1.431 Sinh-viên và (1961-62) là 1.089 Sinh-viên. Ở đây số ghi tên tại Khoa học đông nhất (828 Sinh-viên) loạn thứ nhì là Văn khoa (748) tiếp theo là Sư phạm (242) Luật (213) Y khoa (96 Sinh-viên) Viện Hán Học (159).

Nếu phải bình luận tin trên chúng tôi thấy rằng cần phải phân biệt « số ghi tên tại Phân khoa » và số Sinh-viên thực — vì Sinh-viên có thể ghi tên cả hai hay một số nhiều Phân-khoa. Nếu nhận xét này chấp nhận được, thì con số Sinh-viên cũng chưa biết là bao nhiêu.

Do đó, số Sinh-viên ghi tên vào Văn-khoa nhiều nhất ở Saigon, nhì ở Huế, (Saigon ghi tên Văn-khoa hơn hẳn 1.200 vào Khoa học) có thể hiểu là hiện nay Sinh-viên vẫn thích học Văn-khoa hay cũng vì điều

kiện học ở Văn-khoa dễ dàng nên có nhiều Sinh-viên ghi tên. Thật ra con số trên cũng cần phải xem lại. Nếu ta thấy rằng, trong bản tin tức V.T.X số 4.276 sáng 20-10-62 có công bố (trang H 8) con số Sinh-viên Đại-Học là 18.854 nhưng không có giải thích gì.

Tuy nhiên, những con số này sẽ giúp cho công việc kiểm tính sau này.

CƯ-XÁ SINH-VIÊN.

So với tổng số trên, số Sinh-viên được ở các cư xá thật là ít ỏi. Saigon có 6 cư xá như sau : Đại Học xá Minh-Mạng ở Đại lộ Minh-Mạng, Chợ-lớn dành cho Nam Sinh-viên, Nữ Cư xá Trần-quý-Cáp, 97 Trần-quý-Cáp cho Nữ Sinh-viên ; Câu Lạc Bộ Đặc-lộ của các Cha Dòng Tên đường Yên-Hồ, Câu Lạc Bộ Phục-Hưng đường Nguyễn-Thông của các Cha Đa Minh, Cư Xá Mạc-Đĩnh-Chi số 6 Mạc-Đĩnh-Chi do các Mục Sư Tin Lành chủ trương, và Thanh Quan Cư Xá, đường Hiền-Vương do các chị AFI, dành cho Nữ Sinh-viên.

Trừ Đại-Học Xá Minh-Mạng có trên 300 chỗ ; các Cư Xá khác nhỏ hơn — Mỗi Cư xá đều có đại diện do Sinh-viên bầu lên quản trị, và hoạt động rất điều hòa. Ty Y-tế Sinh-viên nằm trong khu vực của Đại-Học Xá Minh-Mạng. Chúng tôi có nghe một vài dự án thiết lập thêm cư xá cho Sinh-viên và lấy làm mừng, vì đó là điều mong mỏi của Sinh-viên để có chỗ ăn và ở chung nhau, để học chung, để quen biết, để hoạt động.

Nhân nói đến việc này, chúng tôi nhớ hai hôm 10-11, một Quán Ăn cho Sinh-viên và Học-sinh được hoàn thành tại đường Trần-Cao-Vân, Huế, với tổn phí xây cất 500.000 đ. Quán ăn cung cấp 500 bữa ăn mỗi ngày, mỗi bữa ba món giá 5 đ.

Đây là một thí dụ cho những dự định : Sinh-viên Saigon cũng cần có một Quán ăn « Self service », rẻ tiền nhưng thơm tất, do Sinh-viên quản trị.

SINH-HOẠT CÁC TẬP-ĐOÀN SINH-VIÊN.

Tháng 11 đã chứng kiến nhiều cuộc hội thảo của Sinh-viên. Sự trùng phùng này có lẽ ngẫu nhiên. Nếu phải kể theo thứ tự ngày tháng, phải kể cuộc Hội Thảo « Nghiên cứu về Hoa-kỳ (American Studies) trước.

Buổi thảo luận này khảo sát một khía cạnh của lịch sử Hoa-Kỳ, ảnh hưởng cùng sự uốn nắn đặc tính Mỹ, và văn chương hiện đại phản ảnh như thế nào đời sống Hoa-kỳ, tổ chức hai ngày 3 và 4 tại biệt thự 28 Phùng-Khắc-Khoan, Saigon. Đặt dưới sự bảo trợ của Tòa Đại Sứ Hoa-Kỳ, cuội hội thảo nằm trong khuôn khổ các buổi diễn thuyết Nghiên cứu về Hoa-Kỳ mở tại Việt-Nam.

Có 22 Việt và 9 Hoa-Kỳ dự — đa số là Sinh viên Anh ngữ tại Đại hội Văn khoa Saigon và Giáo-Sư Anh-ngữ — Diễn giả : Bà Olive Cross, Giáo-Sư Smith-Mundt Đại-học Saigon và ông Charles Eberhardt, Trưởng Phòng chương trình Đặc Biệt, Sở Thông Tin Hoa-Kỳ.

Cũng trong khuôn khổ sinh viên này; Hội Thanh niên thiện chí — hầu hết là Sinh-viên Saigon đã tổ chức cuộc hội thảo về vấn đề giải trí, ngày 8-11. Cuộc hội thảo lần này có tính cách đặc biệt về phương thức tổ chức — buổi hội thảo đã dùng hình thức một cuộc tranh luận nghị trường để thảo luận cứu xét vấn đề.

53 Sinh-viên và Giáo-Sư tham dự cuộc tranh luận sôi nổi từ 8 g 30 đến 17 g 30.

Tiếp tục Chương trình Nghị luận, ngày 21-11, Ban Nghị luận đã tổ chức một Trại Hội Thảo một ngày khác ở Thủ-Đức. Trại này do Chị Ngọc-Lan, Trại trưởng và chủ tọa cuộc bàn cãi, có lối 30 Sinh-viên tham dự với một số Giáo-sư Đại-học.

Một ngày, họ đã bàn xem « Thanh-niên có nên cố gắng tự lập về tài chánh khi còn ở học đường không ? — Bằng cách nào ? » và « Thanh-niên Nam-nữ với hoạt động xã hội. »

Tuy rằng buổi hội thảo không bao giờ có kết luận rõ rệt nhưng vì không tham dự nên chúng tôi không thể trình bày vài ý-kiến đã đưa ra. Chỉ muốn thêm rằng, nhóm chủ trương « thanh nữ phải lo việc nhà » đã bị đả phá kịch liệt.

Lúc chúng tôi viết những dòng này, Thanh-niên Thiện-Chí đang sửa soạn cho phiên tòa (một hình thức khác để thảo luận) lên án « Thanh-niên không có lý tưởng, » ngày 9-12 sắp tới. Hai nhóm « Luật-sư » bênh vực và kết tội đang hoạt động ráo riết.

LIÊN ĐOÀN SINH-VIÊN CÔNG GIÁO SAIGON.

Trong Chương trình chung năm nay « Vai trò trí thức trong xã hội ngày nay », trong tháng 11, Liên-đoàn Sinh-viên Công-giáo Saigon, đã tổ chức buổi hội chuyện về « khía cạnh xã hội của Dục-sĩ » do Giáo-sư Vũ-Ngọc-Chấn trình bày. Sau thuyết trình cuộc bàn luận rất sôi nổi.

Buổi nói chuyện này được tổ chức tại Trụ-sở của Liên Đoàn, Trung-tâm Phục-sinh, 229 Hiền Vương Saigon, Trung-tâm này mở cửa thường trực và là nơi tập trung các Văn-phòng tổ chức « để phụng sự giới Sinh-viên » Văn-phòng Tôn-giáo lo về Phụng-Vụ, Tĩnh-Tâm, Hợp ca, Giáo-ly, Công-đồng, Hành-hương... Văn-phòng Văn-hóa phụ trách về thảo luận về các vấn đề Sinh-viên liên can đến luân lý xã hội, và gồm Ban Dịch thuật, Phòng tài liệu, Báo chí... Văn-phòng Xã-hội : học hỏi về Giáo-thuyết Xã-hội của giáo hội, cộng tác vào các công cuộc Bác Ái, thăm viếng Dưỡng lão thị Nghè thăm Sinh-viên đau ốm, tổ chức phòng

chỉ dẫn giúp Sinh-viên trong vài Khu-vực và Văn Phòng liên lạc : liên lạc với đoàn viên trong và ngoài nước.

Trong tháng vừa qua Ban Xã Hội của Liên Đoàn đã nhiều lần hướng dẫn Đoàn viên đi thăm Viện Dưỡng Lão Thị Nghè, tặng sách báo quà cáp. Ban Xã Hội cũng đang nghiên cứu thực hiện những kế hoạch dài hạn hoạt động xã-hội.

Lúc tiếp xúc sáng thứ tư 28-11 với anh chủ tịch Liên-đoàn tại trụ sở anh cho biết « Thông cảm » tập san của Liên-đoàn sắp được tái-bản trung tuần tháng 12. Anh nói, « còn nhiều khó khăn nhưng chúng tôi sẽ cố gắng. »

Tôi là độc giả mua năm trả tiền trước của « Thông cảm » nên tuy rằng có thông cảm, nhưng khi nghe báo sắp ra cũng mừng lắm.

Tương trợ Đại-học đã tung ra những vấn đề lục thống kê về những vấn đề Sinh-viên. Các hoạt động khác thấy không gì khả quan lắm, không biết tại sao.

Viện Đại Học hôm thứ sáu 23-11 có tổ chức một buổi gặp gỡ « tạo cơ hội cho Sinh-viên tiếp xúc thân mật ». Đa số là Sinh-viên đã tham dự Trại Hè Đoàn kết Dalat 1962 và đây là lần đầu tiên tôi có dịp gặp họ, và anh Tăng-kim-Tây, niềm nở và lịch thiệp. Buổi tiếp xúc này có khoa trưởng Phạm Biểu Tâm, xử lý thường vụ viện Đại học tham dự. Có bánh, nước và nhạc, nhưng chắc là chẳng ai nghe nhạc vì ai cũng nói chuyện trò huyền thiên.

TỔNG HỘI SINH VIÊN

SOS — SOS — SOS — SOS

Đi ra ngoài phạm vi Đại học để ghi lại những tin tức Sinh-viên, chúng tôi thấy trong tháng vừa qua có những Sinh hoạt như sau :

GIÚP QUỸ TRUNG TÂM SINH-VIÊN BỊ LAO.

Tối 21-11, Hội thân hữu Việt Pháp tổ chức buổi hòa tấu vĩ cầm tại Rạp Eden, lấy tiền giúp quỹ Trung tâm Sinh-viên Bị Lao tại Bệnh-Viện Hồng-Bàng. Nhạc sư Daniele Arthur trình diễn.

Số tiền thu được bao nhiêu chưa thấy công bố, nhưng đây là một nghĩa-cử mà Sinh-viên biết ơn. Đây là đầu tiên trong năm, hay là đầu tiên tại Việt-Nam một hội tư giúp đỡ Sinh-viên Việt-nam.

Trung tâm Sinh-viên Bị Lao này gồm 20 giường, khánh thành hôm 23-10. (Văn-học số 1,113) chúng tôi nghĩ rằng các Hội Sinh-viên nên lên thăm viếng những người Bạn ở đây.

Trên một bình diện quốc gia, người ta được biết Anh quốc nhận tặng 11.000 Anh kim dụng cụ trang bị cho Dực khoa trong khuôn-kho kế hoạch Colombo. Dụng cụ này gồm cân, hiển vi, máy ly tâm và đồ thủy tinh cho Sinh-Viên và giáo sư Dực-khoa thực-tập.

Mặt khác, ngày 13-11, Hội đồng Văn Hóa Anh đã tặng 302 cuốn sách

cho Thư Viện Quốc gia. Sách này viết về Anh quốc thôn quê, về nếp sinh hoạt, định chế, lịch sử, mỹ thuật giáo dục, Văn chương và các sách tham khảo khác về Sinh-viên dùng.

Như vậy, trước đây bao nhiêu không biết, bây giờ thì Anh quốc đã cho Sinh-viên Việt-nam khá nhiều. Ngoài ra, có một vài tin Sinh-viên nên biết, vì có liên quan không nhiều thì ít.

MUỒN ĐƯỢC CHUẨN ỦY

Sinh-viên động viên Sĩ-quan Trừ Bị phải có điểm trung bình trong kỳ thi mãn khóa từ 10/20 trở lên mới được hưởng cấp Chuẩn-ủy trừ bị thực thụ. Đó là quyết định của Bộ Quốc-phòng mới đây.

Sinh-viên Sĩ-quan có điểm trung bình dưới 10/20 chỉ được cấp Trung-sĩ trừ bị. Còn những Sinh-viên Sĩ-quan đã có sẵn một cấp bậc cao hơn Trung-sĩ (như các Sinh-viên Học-viện Quốc-gia Hành-chánh) nếu không đủ điểm 10/20 về kỳ thi mãn khóa, vẫn được giữ cấp bậc cũ.

CHỨNG CHỈ CHUYÊN KHOA « HÓA HỌC HỮU CƠ »

Từ niên khóa 1962-63 Đại-học Khoa-học sẽ mở chứng chỉ « Hóa-học Hữu-cơ » dành cho Sinh-viên đồ cử Nhân Khoa-học. Chứng chỉ sẽ là bắt buộc đối với Sinh-viên Soạn thảo Luận án Tiến Sĩ Quốc-gia Lý Hóa.

DU HỌC-SINH: 28 SINH-VIÊN ĐÃ ĐI TÂN TÂY LAN VÀ ÚC ĐẠI-LỢI

Ngày 6-11, 14 Sinh-viên đã đi Tân Tây Lan. Họ sẽ lưu lại đây từ 2 đến 3 năm và theo học các môn canh nông, giáo-dục, cơ-khí, điện-lực và kỹ-nghệ thực-phẩm.

9 ngày sau (15-11) 14 Sinh-viên khác bay đi Úc để theo học các ngành chuyên môn như Mỹ thuật, lâm nghiệp điện học, cơ khí, giáo dục kinh tế. Trước tiên họ ở lại Sydney hai tháng để trau dồi Anh-ngữ.

Cả 28 người đều được học bổng của kế Hoạch Colombo. Tại Úc hiện nay có 60 Sinh-viên Việt-nam đang du học và cũng do kế hoạch này bảo trợ. Những người sung sướng!

5 HỌC BỔNG CỦA PHÁP

Trong khuôn khổ hợp tác văn hóa, chính pháp Pháp đã cấp 3 Học Bổng cho các Bác-sĩ Lê-Phong, Lê-Thái, Dược-sĩ Trương-mạnh-Khải để du học tại Pháp về ngành chuyên môn Y-dược.

Các Nữ Sinh-viên Nguyễn-thị Minh-Châu và Nguyễn Giao Kim, Sinh-Viên Kỹ-sư khu Kỹ-nghệ An-Hòa Nông-sơn được cấp Học Bổng theo học Đại-học Hóa-học một năm tại Pháp. Học Bổng có thể được tái cấp.

SINH-VIÊN VIỆT NAM Ở NGOẠI-QUỐC.

Một số Sinh-viên Việt-Nam khác ở ngoại quốc đã đỗ thêm chứng chỉ cũng được cấp Học Bổng tiếp tục học.

Chứng chỉ Cao học. Cử nhân : Lâm-thành-Liêm (Ba-Lê) Đỗ Bản, đỗ Cử Nhân Địa dư, Cô Nguyễn-kim-Liên (Ba-Lê) Địa dư địa phương, Phan-đình-Tân (Ba-Lê) Địa dư nhiệt đới, địa dư địa phương, Hoàng-cơ-Dinh (Montpel) Lý học thực nghiệm, Châu-minh-Tâm (Ba-Lê) Toán lý ; Trương Bách (Toul) Cơ học Tổng quát.

Chứng chỉ Cao học. Đệ Tam Cấp : Vũ-văn-Tuyên (Ba-Lê) Sinh lý Tế Bào, Bác-sĩ Mai-văn-Đông (Ba-Lê) Nội tuyến học.

Tiến sĩ Đệ Tam Cấp : Võ-thị-Mỹ (Ba-Lê) Nguyễn-văn-Châu (Ba-Lê) Nguyễn-Bá-Cương Kỹ sư Công chánh, Nguyễn-tử-Lực ; Lê-tiến-Phy, Kỹ sư Cơ khí.

Các chứng chỉ khác : Lê-văn-Thanh, học lớp Kỹ sư Công chánh Montreal, Gia-Nã-Đại, Phan-xuân-Dung cao đẳng kéo sợi dệt vải, đồ đàn ở Mulhouse, Lâm-minh-Chiêu, Vũ-đình-Nam, Cù-an-Bình, Hoàng-đình-Tiến, Toán học cao đẳng Saint Louis (Ba-Lê) Phạm-huy-Hưng, Phạm-đức-Thụy theo học lớp Toán học Cao đẳng Henri IV, Lê-xuân-Tâm, Toán học Cao Đẳng Pháp, Nguyễn-hữu-Mau, quốc gia Cao Đẳng mỹ nghệ và kỹ nghệ Bông vải Roubaix, Vũ-thị-Tuệ, Tô-lệ-Hằng, Hóa học Lyon, Hoàng-thị-Thành, học lớp Tiến sĩ Văn khoa (Ba-Lê).

Bốn Sinh viên hải ngoại được trợ cấp đặc biệt : Hoàng-thị-Ngọc-Châm Sinh-viên Viện Institut Britannique (Ba-Lê) Bùi-xuân-Quang (Đại-học Khoa-học Ba-Lê), Nguyễn-thế-Anh (Đại-học Văn-khoa Toulouse) và Nguyễn-Toản, (Chicago M.A. Economics).

GIÁO-SƯ NGUYỄN-QUANG-TRÌNH TẠI HỘI-NGHỊ UNESCO.

Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình hướng dẫn Phái đoàn Việt-Nam tại Đại Hội lần 12 UNESCO, Ba-Lê. Phái đoàn còn có Khoa Trưởng Vũ-quốc-Thúc, ông Nguyễn-hữu-Chỉnh, giảng sư Nguyễn-đình-Hòa, Ông Đỗ-bá-Khê...

Nhân dịp ở Ba-Lê, giáo sư Trình đã tiếp xúc với 200 Sinh-viên Việt-Nam tại Ba-Lê trong buổi tiếp tân tại Tòa Đại Sứ Việt-Nam Ba-Lê. Giáo-sư Trình đã cho Sinh-viên biết về thành tích quân sự và giáo dục của Việt-Nam, và tỏ lòng tin tưởng vào sự toàn thắng của dân tộc trong công cuộc chống cộng.

Trước đó, Sinh-viên đã được Đại Sứ Phạm-khắc-Hy cho biết quyết định của Chính Phủ cho Sinh-viên được hưởng chế độ an ninh xã hội từ niên khóa 1962-63. Sinh-viên hiện diện rất hoan hỉ tiếp nhận tin trên.

TIN SINH VIÊN THẾ GIỚI

Nếu tin quốc nội súc tích thì kỳ này, tin Sinh viên Quốc tế không có gì đặc biệt để xem như là một « *Spot new's* ». Sinh viên thế giới hoạt động rất đều, rất nhiều, rất hăng-hải, nhưng vì chúng tôi ít được liên lạc với họ.

Trước khi qua tháng 11, có một tin cuối tháng 10 ở Hồng Kông Standard : « Trung cộng giới hạn số Sinh viên » Trích dẫn nhiều nguồn tin khác nhau, Tờ báo cho biết Sinh viên ở Trung hoa lục địa được Chính Phủ khuyến cáo vào các nông trường hay nhà máy sản xuất. Kỳ nhập học tháng 10 vừa qua, số Sinh viên ít hơn niên khóa trước 20% Nguồn tin đó còn cho biết rằng số Sinh viên năm ngoái cũng đã ít rồi, so với năm trước chừng 20% và như thế sẽ đi trở về con số, « theo như bước nhảy vọt dật lùi » của Trung cộng trừ liệu cho những năm 1958-60.

ĐẠI HỌC KỸ THUẬT TRUNG-ĐÔNG KHÁNH THÀNH Ở ANKARA

Đại Học kỹ thuật Trung Đông (METU) đã được chính thức khai giảng gần Ankara, thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ, khu Đại học xây dựng trên 12,000 mẫu tây, và sửa soạn cho 20.000 Sinh viên năm 1970.

Hiện nay Đại Học nhận 1.000 Sinh viên học trong 4 Phân khoa. Đây là Đại Học được xây dựng do sự đóng góp của Hoa Kỳ và Anh và một số các nước khác.

DƯỢC PHẨM CHO SINH VIÊN

IFMSA (Liên đoàn quốc tế các Hội Sinh viên y khoa) đã hưởng ứng chương trình cung cấp dược phẩm cho Sinh viên thế giới chương trình này do WUS (Tương trợ Đại Học Quốc tế) đề khởi cho các bệnh xá của của các Ủy Ban WUS quốc gia.

Miến Điện nhận được dược phẩm trị giá 563 Mỹ kim do Hội Phần Lan tặng, 128 Mỹ kim do hội. Pháp tặng và một số dược phẩm khác do Thụy Điển tặng.

Trung tâm Y tế Sinh viên Ấn độ nhận Dược phẩm do Hội Thụy Điển tặng. Đại Hàn 159 Mỹ kim do Hội Thụy Sĩ, Hồi quốc 1127 Mỹ kim do Hội Phần lan, Thái lan được 4 gói Dược phẩm không định giá của Hội Anh tặng, 1329 Mỹ kim do Hội Sinh viên Y khoa Thụy sĩ và 44 Mỹ kim do Hội Pháp.

Hội Sinh viên Y khoa Thụy sĩ đã gửi Dược phẩm trị giá 294 Mỹ kim cho Sinh viên Việt nam. Hội Sinh viên Y khoa Pháp gửi đến 44 Mỹ kim Dược phẩm. Đức, Nhật và Hoa kỳ đều gia nhập IFMSA (International Federation of Medical Student Associations). Việt Nam chưa có hội này.

SINH VIÊN PHÁP : 262.000

Trong tam cá nguyệt mùa thu, số Sinh viên tại Pháp đã đến cực điểm tối đa 262.000. Số này đã hơn năm trước 42.000 (11%). Có tất cả 235.000 người Pháp (trong số này 4000 nay 5000 từ Algérie trở về) và 27.000 từ các nước ngoài đến học (Combat, Paris).

CÁC PHÁI ĐOÀN SINH VIÊN DU HÀNH

Sinh viên thế giới đi rất nhiều. Đi từng đoàn có tổ chức để học hỏi, 76 Sinh viên và nhân viên giảng huấn Đại học Cologne (Đức) du hành 5 tuần, qua các nước Á châu và Viễn đông. Đặc biệt tại Nhật họ đã đi thăm 17 Đại học và thảo luận với Sinh viên Nhật bản, những vấn đề tự trị Sinh viên, tinh thần Đại học.

Sinh viên Đại hàn sang Nhật bản để thắt chặt tình thân hữu giữa Sinh viên Đại học và Nhật bản.

Nhóm thanh niên Sinh viên Hoa kỳ trong CMVA đã đến Hồng-kông tham dự Trại và Phi luật Tân thăm viếng. Họ đã thảo luận về (Báo chí Sinh viên) và « sự đóng góp của Sinh viên vào sự phát triển quốc gia. » Với Sinh viên Đại học Phi luật Tân, ở tỉnh Quezon.

Số Sinh viên Hoa kỳ 50 người sang viếng Nhật bản 4 tháng mới để học hỏi về nước Nhật bản và tiếp xúc với người Nhật. Trong kỳ hè vừa qua, có một nhóm Sinh viên Hoa kỳ khác gọi là « Sinh viên Thiện chí Winant » (gọi theo tên của Đại sứ Hoa kỳ John G. Winant tại Anh hồi đệ nhị thế chiến) sang làm việc các nông trại Anh. Mặt khác các Sinh viên Anh, « Sinh viên Thiện chí Clayton » sang Hoa kỳ hoạt động trong các khu lao động.

Độc báo Sinh-viên

ISA, VIỆN SINH VIÊN VỤ Ở PHI-LUẬT-TÂN.

Tháng vừa qua tờ « Miroir des Etudiants » đã dành một trang lớn để giới thiệu ISA (Institute of Student Affairs) ở Phi Luật Tân, và tờ « WUS in Action », Sept. Oct. 1962 cũng đã nói đến, rất nhiều. Chúng tôi tóm lược hai bài đó để giới thiệu trung tâm Sinh-viên này.

Trung tâm Sinh-viên ISA nằm ở số 1365 Pennsylvania, Manila, ba tầng lầu và bề ngoài rất cổ kính. Nơi đây tập-trung mọi hoạt động của Sinh-viên Phi, và có một phòng hội chung, một phòng học (phòng làm việc), thư viện với dụng-cụ thính-thị, phòng khách, và văn phòng cho người thư-ký.

Nơi đây tập-trung các Hội sau đây : Nhóm Những Chủ bút các Báo Đại Học (College Editors guild) Tổng Hội Sinh-viên (NUS) Sinh-viên Công giáo Tiến hành (Student Catholic Action) Phong trào Sinh-viên Cơ Đốc (Student Christian Movement) Hội các Hội đồng Sinh-viên (Student

councils assn) các hội chính của Sinh-viên Sinh-viên và Hội các Trung học và Đại Học công giáo (Assn of Christian Schoals and Colleges) Hội các Trường Cao đẳng và Đại học Phi luật Tân (Philippine Assn of Colleges and Universities).

Hoạt-động của ISA có thể kể như sau: tổ chức điều hướng những khóa huấn luyện lãnh đạo Sinh-viên, tổ chức những khóa hội học và hội thảo giữa Sinh-viên các Đại-học, thiết lập Phòng Xã Hội Sinh-viên, Ngân hàng Máu, Ngân Hàng Sách và Trung tâm Cố Vấn cho Sinh-viên.

Manila có chừng 200.000 Sinh-viên. Ba Đại Học Đông Phương (University of the East) 42.000 Sinh-viên và Santo Tomas University 28.000 Sinh-viên. Mỗi Đại-học này cách Đại-học kia hơn 1000 thước trong khu thương mại đông đúc của miền Bắc (Phi Luật Tân). Vì 1/2 số Sinh-viên từ các tỉnh đến nên vấn đề ở của Sinh-viên rất khó giải quyết. ISA vừa nghiên cứu về điều-kiện sinh hoạt của Sinh-viên trong phạm vi 3 Đại-học trên để có thể thiết lập một Cư xá Sinh-viên quỹ do WUS đài thọ phần lớn, vì ISA là hội viên liên lạc của WUS.

ISA vừa tổ chức nhiều khóa Nghị luận về lãnh Đạo Sinh-viên, ở Manila và Cebu. Trong chương trình, thấy có các điểm: Động-Năng của nhà Lãnh-đạo, kỹ-thuật tổ chức, Thủ tục (thảo luận) Nghị-trưởng, giao tế công và giao tế nhận sự, cơ năng của cơ chế Sinh-viên, và các phong trào Sinh-viên quốc tế.

Khi chọn viết phần giới thiệu này chúng tôi cũng nghĩ lại Sinh-viên Việt-nam (bao giờ cũng vậy) và thấy rằng Sinh-viên còn thiếu thốn nhiều thứ. Trong sự thiếu thốn đó dù sao, Sinh-viên Việt-nam cũng đã chứng tỏ phần nào sự hữu hiệu của mình.

• *Sinh Hoạt Văn Hóa*

Nhân cuộc triển lãm Saigon 1962

VÀI NÉT VỀ NHIẾP ẢNH VIỆT-NAM

Suốt trong thời gian mở cửa từ 24-10 đến 5-11-62, Phòng Triển Lãm Quốc Tế Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật kỳ III tại Việt Nam đã được đón tiếp khoảng 150.000 người tới thưởng lãm.

Đã có người hơn hở bước vào rồi bỗng nhiên tư lự. Cũng có người tư lự bước vào rồi nụ cười nở trên môi. Mạnh lực của đường

nét và nội dung tác phẩm đi thẳng vào khuấy động tâm óc khán giả, khiến sắc diện luôn luôn đổi thay. Có nhiều bức bị xem lướt nhanh ; trái lại có nhiều bức thâm hút đông đảo, đến đây ai cũng dừng lại, và khi một mình chưa hiểu, người ta bàn bạc như trước một câu truyện gay go chỉ được kể tới nửa chừng.

Những tác phẩm lớn — đoạt giải lớn — được bàn bạc nhiều nhất. Chúng đã gây ít nhiều ngạc nhiên.

Ngay từ khi ở nhà ra đi cho tới lúc nhìn thấy hàng cờ của 34 nước tạo ra khung cảnh uy nghiêm cho một tổ chức loại quốc tế thật sự, ai nấy càng tin rằng những tác phẩm đoạt giải phải ghê gớm lắm. Đề tài phải ly kỳ, cảnh sắc phải mỹ thuật khác thường, nếu không chụp ở trên trời dưới biển thì ít ra cũng là những gì lạ kinh khủng.

Vậy mà không đâu !

Huy chương vàng về bộ hình gồm ba tấm *Đuôi cá, Mái tóc, Con gà sống*. Hình ảnh *con đường cong và chân dung thiếu nữ* chiếm huy chương bạc. Những tác phẩm *Mái nhà, Đường ven đồi, Thợ nề...* đoạt huy chương đồng.

Toàn những cảnh vật thông thường quen thuộc hàng ngày ai cũng nhìn thấy, nhưng khi đã lọt vào khoé mắt tinh tế, khi đã lọc qua tâm hồn sáng tạo, lại được thể hiện bằng đôi tay chai kinh nghiệm, đã trở thành những tác phẩm mới lạ và độc đáo.

Với *Salmon Tails*, Matti A. Pitkanen đặt chúng ta trước một hình ảnh vững chắc, sắc độ cân xứng. Chủ đề là đôi cá chép mà tác giả đã dựng lên một cái khuôn vô hình chỉ cho ta trông thấy màu đuôi. Đôi cá này, hẳn lớn và mạnh, chắc một đực một cái, hay ít ra cũng là một đôi bạn keo sơn không lúc nào rời nhau. Giữa khoảng nước trong veo, cá vừa bơi vừa nhả bọt. Cá bơi nhanh đến độ những bọt bị kéo dài ra trước khi kịp nổi lên mặt nước. Ta thấy cá bơi. Bơi đi đâu ? Ra một nơi khoảng khoát để thả sức vẫy vùng, hay khi mà có bạn cặp kè thì không thể ở yên một chỗ ! Tác giả đã định ý dùng nhiều cái không trọn vẹn làm đầu mối khai triển phần tưởng tượng của người thưởng thức.

Ta càng thích thú đề mà mẩn phục nghệ sĩ hơn nữa khi biết rằng tác phẩm sống động này chỉ là một bức hình tĩnh vật. Đôi cá mua ở chợ về đã hết ngáp, nếu trình bày nguyên con ắt thấy cá ươn. Còn những bọt kéo dài gây động đã do một âm bản thứ hai ghép vào.

Nhiếp ảnh gia Jean Baltayan đã nói được gì trong *Những người thợ nề* ? Ta thấy cảnh làm việc tấp nập của người xây dựng ở 4 tầng lầu.

Trên tầng cao nhất, một người ý ạch đẩy một chiếc xe hai bánh chở vật liệu lại cho ba người đang lom khom san vữa trên nền đồ bê tông.

Ở tầng thứ ba, những vật liệu đưa tới vừa dùng hết, hai chiếc xe được đánh đi nhẹ nhàng, ba người thợ nề chuyên nghiệp ngừng tay đợi.

Văng bóng thợ nề ở tầng hai, chỉ có hai người đang khênh một thanh sắt dài gặp người thứ ba đẩy xe tới.

Tại tầng lầu nhất — cũng là tầng dưới cùng — số người làm việc đông hơn : một người đẩy xe, hai người đang loay hoay đề vữa ở một cái xe khác ra, hai người cúi san vữa và một người cầm vòi nước phun cho nền đỡ khô « ần » vôi cát.

Những chiếc mũ đội trên đầu người đẩy xe phát giác tài ba lỗi lạc của tác giả : té ra bốn tầng lầu chỉ là 4 lần rọi của bốn phim khác nhau nhưng cùng đứng chụp ở một chỗ. Nhiều chiếc xe qua lại vẫn chỉ là một chiếc, nhìn qua nhiều góc cạnh. Những người thợ nề ở bốn tầng lầu vẫn chỉ là ba người chính với những động tác khác nhau. Từ cách đi đứng cho đến dáng điệu làm việc, không một người nào giống người nào, còn được phân phối hợp lý cho tác phẩm cân xứng và không nhàm mắt.

* *

Qua mấy tác phẩm diễn hình vừa kể, chúng ta thấy Nhiếp Ảnh hôm nay không còn vay mượn quá nhiều thiên nhiên, đang xoáy thúc vào con người cùng những liên quan mật thiết đến đời sống con người.

Đề tài thật giản dị. Sự mới lạ không tùy thuộc ngoại cảnh mà do nhận định riêng biệt và rung cảm chân thành của nghệ sĩ. Sang phần thể hiện, những đường nét minh bạch, mảng đậm nhạt lớn được áp dụng cho tác phẩm rõ rệt đem lại thêm sức mạnh.

Những tiến bộ kỹ thuật giúp sức cho người cầm máy bắt được mọi chuyển động, làm chủ được mọi ánh sáng, ghi đủ được mọi chi tiết tinh vi cần thiết, để hôm nay, nhiếp ảnh phô diễn trọn vẹn được tâm tư.

Người ảnh nghệ thuật luôn luôn ý thức công việc mình làm và không xa rời thực tế, cho nên những Phòng Triển Lãm Quốc Tế Nhiếp Ảnh hiện tại lãnh vai trò quan trọng, hữu hiệu trong việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc khác ngôn ngữ trên thế giới rộng lớn.

NGUYỄN CAO-ĐÀM

Hon. F. Kortrijk, A.R.P.S.

CÁC GIẢI-THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG CỦA PHÁP NĂM 1962

Trong năm 1962, các giải thưởng Văn Chương có giá trị của Pháp đã được tuyên bố kết quả.

Trước hết là « Giải Tiểu Thuyết của Hàn-Lâm-Viện Pháp » được trao cho nhà văn Michel Mohrt với cuốn *La Prison Maritime*.

Giải này trị giá 5.000 phật lạng mới, mục đích để tặng thưởng cho sáng tác nào trội hơn hết của một nhà văn mới.

Michel Mohrt người vùng Bretagne, dạy học tại Hoa-kỳ trước khi chuyên về nghiệp văn. *La Prison Maritime* là cuốn tiểu thuyết thứ năm của ông do nhà xuất bản Gallimard phát hành năm 1961.

Về giải GONCOURT và RENAUDOT, hôm 19-11 đã được trao cho hai nhà văn thuộc phái nữ.

Bà Anna Langfres đoạt giải Goncourt 1962 với cuốn tiểu thuyết *Les bagages de Sable* ở vòng bỏ phiếu lần thứ ba.

Những tác phẩm khác đáng được chú ý trong giải này là : *Les pianos mécaniques* của François Rey, *L'Inquisitoire* của Claude Pinget.

Nữ sĩ Simone Jacquemard đoạt giải Renaudot ở vòng bỏ phiếu thứ 13 với cuốn *Le Veilleur de Nuit*.

Sau cùng là GIẢI VĂN-CHƯƠNG QUỐC-GIA PHÁP, dưới quyền chủ tọa của Ông Tổng Giám-Đốc Mỹ-Thuật và Văn Chương Gactan Pican, Ban Giám-khảo đã quyết định trong vòng bỏ phiếu lần thứ năm với 8 phiếu thuận và 6 phiếu nghịch, trao tặng giải này cho nhà văn Pierre Jean Jouve.

Giải Văn-chương Quốc-gia Pháp được đặt ra từ 1951 để tưởng thưởng nhà văn nào viết bằng Pháp ngữ mà toàn thể các tác phẩm đã góp phần vào việc nâng cao văn-hóa Pháp.

Pierre Jean Jouve sinh tại Arras năm 1887, tác giả nhiều tập thơ, trong số đó đáng kể là những cuốn *Le Paradis perdu* (1929), *Les Noces* (1931) *Langue* (1954).

Ông cũng sáng tác nhiều trung thiên tiểu thuyết như *Histoires sanglantes*, *Le Monde désert* và cuốn tiểu luận nhan đề *Le Don Juan de Mozart* (1944).

Hộp thư

Văn Học

Các bạn : Quỳnh-Uyên, cô Linh-Băng, Trang Vĩnh-Thuận, Phạm Việt Thủy, Song-Diệp, Diệp Dạ-Tứ, Lê Thùy-Lam, Thương Thương-Thùy, Song Nguyên Hoài-Thảo, Triều Hoa-Đại, Nhã-Ý, Người Chép Sứ, Sương Biên Thùy, Nguyễn Đức-Vinh, Tiều-Phu, Hoài Bích-Thủy, Tôn-Nữ Hoài-My, Vương Đăng — Trường-Xuân, Mai Tuyền-Ly, Thân Trọng-Nguyễn, cô Lâm Bích Duyên, Việt Quốc-Hùng, Dương-Duy, Yên-Giang, Trần-văn-Nam — Đã nhận được thư và các sáng tác, có dịp sẽ đăng. Đa tạ cảm tình đối với V.H.

Bạn Nguyễn Toàn-Quân (Sinh-viên Thủ-Đức) — Đang xem. Có những chuyện vui buồn của Trường xin gửi cho. Cảm ơn.

Tô Trần-Nguyễn — Xin bạn gửi cho những sáng tác chưa từng đăng hay gửi cho báo khác.

Nguyễn-hòa-Phong — (V.K.) Đã có thư riêng. Mong đợi hồi âm.

Vũ Tiến-Giang — Hân hạnh được làm « cổ » nhân của bạn, không đăng được, xin gửi cho sáng tác mới.

Lê-vĩnh-Thọ — Đã đăng. Đề nghị ký tên thật hơn là bút hiệu T.M. Mong tin và sáng tác mới, thân ái.

Nguyễn-văn-Thơ — « Cảm nghĩ... » của bạn có nhiều ý tưởng mới. Có dịp sẽ đăng, xin gửi tiếp.

Nguyễn-văn-Tố — Cảm tạ thịnh tình của ông đối với Văn-Học, xin gửi sáng tác khác.

Linh-Vũ (Đại-học Quân-y) — Sẽ đăng trong số tới, xin cho biết tên thật để liên lạc. Thân tạ

P. K. C. — Đã nhận được thư sau. Sẽ đăng trong số tới. Thân ái

Các bạn : Lê-văn-Thái, Mạnh-Sơn, Nguyễn-Thanh-Bằng, Duy-Võ, Trần Hà-Nam — Hoan nghênh ý kiến của các bạn về vấn đề « Văn-Học và chính trị » của ông N.V.T. Chúng tôi đã đề cập tới trong dịp trả lời một độc giả trong số này. Xin các bạn coi đó là lập trường của chúng tôi và cũng là để trả lời chung các bạn. Xin đa tạ thịnh tình đối với Văn-Học.

Hà-mai-Phương (Đại-học Sư-phạm). Xin cho biết xuất xứ bản quay Ronéo. Đa tạ.